

NGUYỄN VĂN MINH

phương pháp
XEM MẠCH
theo
Đông phương

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG THÁP

NGUYỄN VĂN MINH

**PHƯƠNG PHÁP
XEM MẠCH THEO
ĐÔNG PHƯƠNG**

Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Tháp - 1990

Phần thứ nhất

BÍ TRUYỀN MẠCH QUYẾT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Quan điểm y học của chúng ta hiện nay là : kết hợp giữa Y học hiện đại và Y học cổ truyền (Đông Tây Y kết hợp).

Sự phát triển của khoa học (đặc biệt là Y học) đã giúp con người hiểu biết rộng hơn, phòng ngừa tích cực chủ động hơn và điều trị có hiệu quả hơn những tật bệnh hiểm nghèo. Tuy nhiên việc thừa kế những kinh nghiệm, cách khám và chữa bệnh theo phương pháp cổ truyền của cha ông ta thuở xưa vẫn có ý nghĩa và tác dụng rất lớn đối với việc chăm sóc sức khỏe con người. Đến nay thì không ai phủ định được giá trị của các bài thuốc Nam, của phương pháp bấm mạch, châm cứu và chữa bệnh bằng vật lý trị liệu.

Để giúp bạn đọc, nhất là các thầy thuốc, những người làm công tác Y ư có tư liệu tham khảo, tìm hiểu thêm vấn đề huyết mạch trong con người và phép xem mạch cổ truyền - một phương pháp trị bệnh mà hiện nay vẫn còn thực hiện và có tác dụng, chúng tôi cho ra mắt cuốn "Phương pháp xem mạch theo Đông phương" của Nguyễn Văn Minh.

Cuốn sách gồm có 3 phần :

- Bí quyết mạch quyết
- Thái tổ mạch quyết
- Thần chẩn

Vì đây là cuốn sách Mạch bí truyền nên có thêm phần chữ Nho để giúp người đọc (những ai biết loại chữ này) hiểu được tên mạch, tên bệnh, tên thuốc một cách chính xác và đầy đủ hơn.

Đặc biệt tác giả còn chuyên một số nội dung thành văn vần (thơ lục bát, song thất lục bát) nhằm giúp cho người có chí học dễ thuộc, dễ nhớ những vấn đề cốt yếu nhất và phần nào cũng từng thêm sự tươi mát cho cuốn sách. Chúng tôi cố gắng lược đi một số vấn đề để cuốn sách hoàn chỉnh và phù hợp hơn, dù sao cũng không tránh khỏi những sai sót, rất mong bạn đọc lượng thứ và trao đổi, góp ý thêm với chúng tôi.

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐÔNG THÁP.

ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH, LÝ HÓA, TẠNG
PHỦ, MẠCH LẠC

PHÉP XEM MẠCH

觀脈法

Nói về Mạch, ta hãy định nghĩa chữ Mạch trước. Tại sao vậy ?

xin thưa rằng : vì Mạch đó là mạch máu chạy trong người, ma tinh thần của mạch thì động hội ở Nhân nhĩnh và khí khẩu, cũng như ở hai tay sáu bộ, từ ngoài vào là Thôn, Quan, Xích.

Trong sách Mạch đã nói rằng : Mạch là huyết mạch, là nguồn sống của con người, phát nguyên từ TÂM CAN TỶ PHẾ THẬN bởi vì hơi thở ra là hơi Tim và phổi; lúc hít vào là hơi Thận và Gan, cái đó là gốc, nhưng nói về cốt yếu lại phải nhờ ở hơi Khí hóa, cũng như là Tỳ, và Vị ở giữa khoảng trung gian tiếp tế khí trôn và hơi ngũ cốc, biến hóa thần kỳ mới phát sinh ra khí huyết mạch lạc mà chu lưu thân thể để nuôi sống người ta và khỏe mạnh.

Bởi thế cho nên chữ Mạch ngày xưa người ta viết bằng chữ Huyết nửa bên chữ Phái. Đây là chữ Mạch. Ngày xưa theo như trong sách "Thuyết văn giải tự nghĩa là khí huyết chu lưu Kinh lạc trong vinh ngoài vệ, phân phối khắp thân thể, phần cốt yếu chủ lực bởi ở Thái Âm Kinh, tức là bộ Vị, ở thốn khẩu nói riêng, Nhân nhĩnh và Khí khẩu nói chung vậy.

診 脈 要 訣

CHẨN MẠCH YẾU QUYẾT

Chẩn mạch là công việc cốt yếu của người làm thầy thuốc.

Chẩn mạch để biết khí huyết thịnh, hay suy, biết được Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt, Hư, Thực.

Biết được bệnh cơ, biết được Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt, Hư, Thực, định rõ bệnh căn giờ hay, rồi sau đó mới nói đến chuyện đối chứng lập phương chia quân thân tá sứ, thì hiệu nghiệm mới đúng, thuốc mới hay, bệnh mới chóng hết. Vì thế cho nên việc xem mạch rất là trọng yếu của người làm thầy thuốc vậy.

Một hơi thở của người ta, là mạch đi được ba tấc. Một hơi hít vào, mạch cũng đi được ba tấc. Một ngày một đêm, người ta thở ra hít vào, là một vạn ba nghìn năm trăm hơi thở, mạch đi được 50 độ chu lưu khắp thân thể Kinh lạc, nghĩa là khắp một vòng 50 độ mạch lại hội ở tũn thái âm kinh (hốn khẩu, cho nên các đấng Thánh hiền xưa suy nghiệm, dạy người ta xem mạch là xem ở nơi Khí khẩu, ở Nhân nghinh, là nơi khí huyết động hội vậy.

Mạch động hội ở thủ thái âm kinh, tức là Hữu Thốn khẩu, trước hết phải căn cứ ở chỗ cao cốt, hay là bằng cốt nơi cổ tay, chỗ cao cốt là quan bộ, trở lên một tấc (tính theo Đông thân xích) gọi là Thốn bộ, trở xuống một thước (tính theo Đông thân xích) nơi xích trạch gọi là Xích bộ. Khi xem, bắt đầu một ngón tay đặt vào thặng giữa cao cốt định vị là quan bộ, rồi đặt vào hai ngón tay trở và ngón vô danh trên và dưới gồm cả là Thốn Quan Xích.

Xin hãy định nghĩa chữ quan.

Quan nghĩa là gì ?

Quan chính là chỗ Dương ra, Âm vào, lấy bộ quan làm quan giới, cho nên gọi là Quan Bộ. Thốn ứng trời là Thượng bộ, Quan ứng người là trung bộ, Xích ứng đất là Hạ bộ gồm cả thầy Trời-đất-Người là Tam nguyên hay là Tam bộ Cửu Hậu vậy.

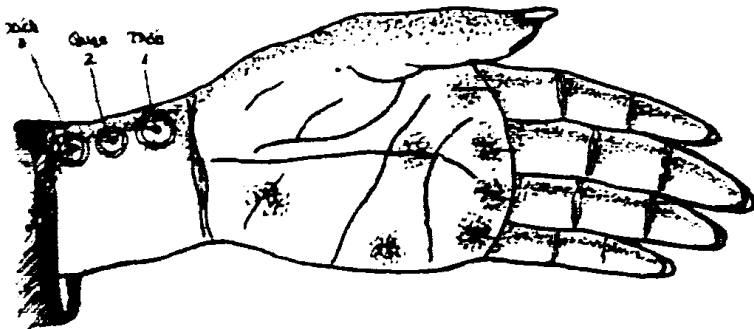
觀部位脈法 QUAN BỘ VỊ MẠCH PHÁP

PHƯƠNG PHÁP CHẤM MẠCH TỪNG CUNG BỘ

Chấm mạch cổt chia ngôi bậc, định rõ phần tạng phủ như sau :

- 1.- Tay trái bộ Thốn là định vị của Tâm (tim) và Tiểu tràng (ruột non).
- 2.- Tay trái bộ Quan là định vị của Can (gan) và Đóm (mật).
- 3.- Tay trái bộ Xích là định vị của Thận (trái cột)

(xin xem hình tay trái (tả))

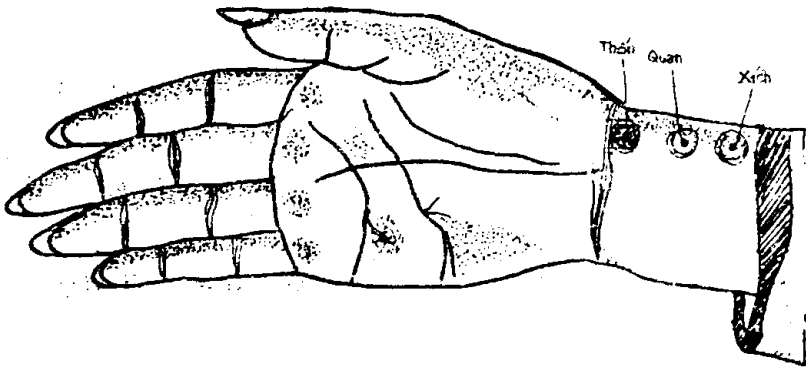


4.- Tay phải bộ Thốn là định vị của Phế (phổi) và Đại tràng (ruột già).

5.- Tay phải bộ Quan là định vị của Vị (dạ dày)

6.- Tay phải bộ Xích là định vị của Mạnh môn, Bàng quang, Tâm bào lạc, và Tam tiêu.

Xin xem hình tay bên phải (hữu)



Xem một nơi mạch động hội mà có thể biết được Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận, biết được Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt, Hư, Thực, quyết rõ bệnh nguyên, đây mới là tuyệt diệu, là cốt yếu, là tuyệt xáo của người lâm thầy thuốc vậy.

六腑五臟觀脈骨子

ĐIỀU CỐT YẾU KHI XEM MẠCH LỤC PHỦ NGŨ TẠNG

Trước hết ta hãy chia ra thứ bậc, ba ngón tay là ba EỘ Vị: Ngón tay trên hết là *Thốn* bộ, ngón thứ hai là *Quan* bộ, và ngón thứ ba là *Xích* bộ.

Tay mình là cân, là thước. Thoạt tiên để tay nhẹ nhẹ để mà nghe Ví dụ như : Nặng bằng ba hạt đậu để nghe mạch phổi, (Chủ bì mao); rồi ấn nặng bằng sáu hạt đậu để nghe mạch Tim, (Chủ huyết mạch), rồi nặng tiếp đến bằng chín hạt đậu để nghe mạch Tỳ (Chủ cơ nhục); rồi nặng bằng 12 hạt đậu để nghe mạch Gan (Chủ gân); đoạn nặng bằng 13 hạt đậu để nghe mạch Thận (Chủ xương).

Định vị cần tìm chỗ đốt xương cao cốt dằng sau thẳng về dằng trước, chia làm ba bậc đầu xương giữa chỗ cao cốt là Quan, trên Quan là Thốn, dưới Quan là Xích. Người cao thì để thừa ba ngón tay rộng ra; người bình thường thì để vừa vừa; người thấp lùn thì để khít gần ba ngón tay lại cho đúng, rồi ý tứ mà nghe. Mình phải cầm trí, phải để hết tâm thần vào đấy, không nên lơ đãng, không nên để ý nghĩ ngợi việc khác hoặc việc giần dữ, hay mừng rỡ quá.

Bên hữu là *Phổi* chủ khí tỳ vị, mạnh môn, tam tiêu đều là vận hóa của khí cho nên tiếp theo nó đó.

Bên tả là *Tâm* chủ huyết, mà Can, Đờm, Thận và Bàng quang đều là ở trong hạt đậu lõi của tinh huyết cho nên tiếp theo nó đó. Chia ra thời rằng Khí, rằng Huyết rằng Mạch.

Tóm lại, thì cũng chỉ duy khí huyết vận hành mà thôi. Cho nên, khí huyết thịnh thì mạch thịnh, khí huyết loạn thì mạch bệnh. Bởi thế người ta biết được mạch là bởi thế vận của khí huyết, mà khí huyết là chỗ cốt yếu dùng của mạch vậy.

心 Tâm với Tiểu tràng là trong ngoài, cũng như nói : Tiểu tràng (ruột non) là phủ của tâm vậy.

Vượng ở mùa Hè mà định vị ở bộ Thốn tay trái.

Trâm là hậu của Tâm, Phủ là hậu của Tiểu Tràng.

肝 Can (gan, Đờm (mật) là trong ngoài (biểu lý) vượng ở mùa Xuân mà định vị ở bộ Quan tay trái.

Trâm là Can (gan), Phủ là Đờm (mật).

腎 Thận với Bàng quang là biểu lý : mạch vượng ở mùa Đông mà định vị ở Xích bộ tay trái.

Trâm là hậu của Thận, Phủ là hậu của Bàng quang.

肺 Phế cùng Đại tràng là biểu lý trong ngoài : Vượng ở mùa Thu mà định vị ở Bộ Thốn về bên tay phải.

Trâm là hậu của Phế (phổi), phủ là hậu của Đại tràng.

脾 Tỳ cùng Vị là biểu lý, vượng ở cuối bốn mùa mà định vị, ở bộ Quan tay phải.

Trâm là hậu của Tỳ, Phủ là hậu của Vị.

Mạnh môn cùng Tam tiêu là Biểu lý : vượng ở mùa Hè mà định vị ở bộ Xích tay bên hữu.

Trâm là hậu của Mạnh môn, Phủ là hậu của Tam tiêu.

五行生化

SỰ MÃU NHIỆM NGŨ HÀNH SANH HÓA.

Theo thứ tự tuần hoàn hóa, thời Tả Xích Thủy sinh Tả Quan Mộc, Tả Quan Mộc sinh Tả thốn Hỏa, Tả Thốn Hỏa tiếp với Hữu Xích Hỏa, Hữu Xích Hỏa sinh ữu Thốn Kim; Hữu Thốn Kim sinh Tả Xích Thủy.

Theo đó là phép sinh hóa, hóa công việc nhân sinh mà trời đất cũng đã an bài nơi đó, thật là thần kỳ tuyệt diệu vô cùng.

八 脈 大 綱

TÁM MẠCH ĐẠI CƯƠNG

Tám mạch đại cương, theo sự thông thường và giản dị, đây ta hãy nhận lấy tám mạch cần thiết để cho dễ hiểu; sau dần khai thông. Một khi mình đã lĩnh hội được thì tất nhiên rồi những mạch khó ta sẽ suy nghiệm ra sau, rồi thẩm thía dần dần và sẽ ý thức được ngay.

1. PHÙ : Lấy tay khê để lên trên da mà ta thấy mạch ngay, gọi là Phù, chủ về bệnh ngoài da (Biểu bệnh).

2. TRÂM : Lấy tay ấn mạnh xuống dưới làn da mới thấy mạch, gọi là trâm chủ về bệnh ở bề trong (Lý bệnh)

Hai phép trên là do sự để tay nhẹ, nặng mà biết mạch.

3.- TRÌ : Đặt tay vào bộ Vị (cốt thiết mạch), đặt ba ngón tay Thốn, Quan, Xích nghe xem trong mỗi hơi thở của mình, mà mạch đến ba lượt, hoặc chỉ có một hai lượt. gọi là mạch Trì, chủ bệnh hàn (lạnh rét).

4.- SÁC : Đặt tay vào bộ Vị, nghe trong mỗi hơi thở của mình mà mạch đến 5, 6 lượt, hoặc 7 lượt, gọi là Sác, chủ về bệnh nhiệt (nóng).

Hai phép trên đây là do sự đến chậm, hoặc đến mau, đến nhiều, đến ít hơn, để mà phân biệt mạch

細脉 5.- TẾ : Đặt tay vào bộ Vị, thấy mạch chỉ nhỏ tăm tắp như sợi tơ, gọi là mạch Tế, chủ về bệnh Hư.

大脉 6.- ĐẠI : Đặt tay vào bộ Vị, thấy mạch nổi cồn to lên dưới ngón tay, gọi là mạch Đại, chủ về bệnh Thực.

Hai phép trên là do sự hình dung lớn hay nhỏ mà phân biệt.

短脉 7.- ĐOẢN : Đặt tay vào bộ Vị, thấy mạch ngắn ngủi, phía ngoài mạch chưa đến Thốn, phía trong mạch không đến Xích, là mạch Đoản, đó là người vốn bẩm thụ kém, khí huyết suy nhiệt thiếu thốn.

長脉 8.- TRƯỜNG : Đặt tay vào bộ Vị, thấy mạch kéo dài phía ngoài lên quá ngư tế (ngoài thốn bộ), phía trong vào khỏi xích trạch trong xích, gọi là Trường. Đó là vốn người bẩm thụ cường tráng hay là bệnh đương cường.

Hai phép này là do sự quá dài ngắn, hữu dư, hay bất cập mà phân biệt mạch đó.

NÓI VỀ SỰ HỖ KIẾN CỦA MẠCH GỒM CẢ MẠCH NỢ CÓ MẠCH KIA

(Cũng như nói về mạch tương kiêm vậy)

諸 脈 相 兼

Cần phải ý thức cho rõ ràng, lý trí cho phân minh.

Mạch Phù mà thấy kiêm cả Sác là biểu nhiệt. Phù mà thấy kiêm cả Trì là Biểu hàn.

Mạch Trầm mà thấy kiêm cả Sác là Lý nhiệt. Trầm mà thấy kiêm cả Trì là Lý hàn.

Lại ở trong 4 điều : Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt, xét thấy Tế là thuộc Hư. Xét thấy Đại là thuộc Thực.

Lại ở trong 6 điều Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt, Hư, Thực mà xét thấy Đoãn là vốn bẩm thụ suy nhược. Xét thấy Trường là vốn bẩm thụ cường thịnh.

Đây là tóm tắt những phần cốt yếu của phép xem mạch. Thuộc được bấy nhiêu cho kỹ, nghi ngại được cả mười phần tinh vi, thời việc làm thấy thuốc cũng như tiến tới được quá phân nửa vậy.

形 體 脈 狀

HÌNH THỂ MẠCH TRẠNG

Khi chẩn mạch thấy như thế nào ? Và gọi là mạch gì ?

1.- MẠCH PHÙ : Phù nghĩa là nổi, mạch nổi ngay bên
đầu ngón tay, trên làn da thịt. Ấn tay xuống như không thấy động mảy, nhấc tay lên như thấy nổi lên có thừa, đó gọi là mạch phù nghĩa là mạch đi nổi vậy.

浮脉

2.- MẠCH TRẦM : Trầm nghĩa là chìm. Mạch trầm chìm ở dưới làn da thịt. Ấn tay xuống thấy như vẫn còn có động như là có thừa, nhấc tay lên thì y như là không thấy còn động mảy, đó gọi là mạch trầm. Trầm nghĩa là mạch đi chìm trong làn da thịt.

沉脉

遲脉

3.- MẠCH TRÌ : Trì nghĩa là chậm chạp. Trong một hơi thở của mình, thở ra hít vào, mạch tới được ba lần hoặc một hai lần, đó là mạch trì. Trì là mạch đi thông thả, đi chậm chậm vậy.

數脉

4.- MẠCH SÁC : Sác nghĩa là luôn luôn, là mau lẹ. Trong một hơi thở của mình thở ra hít vào, mạch tới sáu lần hoặc bảy tám lần, đó là mạch Sác. Sác là luôn luôn chạy nhanh chạy qua tay luôn.

5.- MẠCH HOẠT : Hoạt nghĩa là trơn tru. Phàm mạch chạy trơn tru, chạy mau lẹ, uốn ruột hình như qua một chuỗi tràng hạt kéo qua tay mình, đó là mạch hoạt.

滑脉

6.- MẠCH SẮC : Sắc là nghĩa rít còm cọt như lưỡi dao cạo vào võ tre, nghe như rít gấn gấn, không được trơn tru chạy dễ, đó là mạch sắc.

濡脉

7.- MẠCH ĐẠI : Đại nghĩa là lớn. Nhấc tay lên thấy mạch chạy ổ ạt qua đầu ngón tay (tựa như mạch hồng) nhưng ấn tay xuống lại không có lực, thấy như vừa thừa vừa mềm, đó là mạch đại.

大脉

8.- MẠCH HOÀN : Hoàn nghĩa là thông thả. Mạch hoàn cũng tựa như mạch trì, nhưng khác một điều là mạch trì đi lại chậm chạp, mỗi hơi thở có ba lần qua tay. Mạch hoàn cũng thông thả đi lại, nhưng mỗi hơi thở có đến bốn lần qua tay nên đã có câu "Hoàn thì bốn đến, Trì thì ba thôi".

緩脉

Mạch đại và mạch Hoàn là do sự mau thừa ở dưới ngón tay mà biết. Mạch đại là tà khí còn mạnh.

Mạch Hoàn là chính khí đã trở lại.

9.- MẠCH HỒNG : Hồng nghĩa là nước lụt. Phàm mạch cuộn cuộn chảy qua đầu ngón tay, mừng tượng như làn sóng nước lụt dâng lên. Ấn tay xuống, nhấc tay lên đều thấy có lực, đó là mạch hồng. Hồng là mạch ứng về mùa hạ.

洪脉

10.- MẠCH THẬT : Thật nghĩa là **đầy đặc**. . Phạm mạch nhắc tay lên, ấn tay xuống, đều thấy cứng chắc mạnh mẽ như một vật **đầy đặc**, đó là mạch thật.

實脈

11.- MẠCH HUYỀN : Huyền nghĩa là **giấy cung**. Phạm mạch nhắc tay lên, ấn tay xuống, đều thấy cứng thẳng như **giấy cung** đang giương, đó là mạch Huyền. Mạch Huyền là mạch ứng về mùa xuân.

弦脈

12.- MẠCH KHẨN : Khẩn nghĩa là **găng, găng** như sợi giây vắn vắn oai oái hai đầu, mừng tượng như **lượn quần sợi** giây thừng chuyển vắn đầu giây.

緊脈

13.- MẠCH TRƯỜNG : Trường nghĩa là **dài**. Phạm mạch thấy chạy dài ngoài chỗ đặt ngón tay ra, đó là mạch Trường.

長脈

14.- MẠCH KHÂU : Khâu giống như là **rỗng**, mừng tượng như ống rau muống rỗng ruột. Hai đầu có mà ở giữa không, khúc đốt rỗng rỗng, đó là mạch Khâu.

乾脈

15.- MẠCH VI : Vi nghĩa là **nhỏ**, có thể nói là nó nhỏ ly ty không rõ, lơ thơ như sợi tơ nhện dường như có dường như không, coi như có thể dật được, ấy là mạch Vi.

微脈

16.- MẠCH TẾ : Tế nghĩa là **nhỏ nhỏ**, nhưng có thể nói nó còn lớn hơn mạch Vi một chút, mà mạch Tế nó đi lại có khác, đi có chừng độ, đó là mạch Tế.

細脈

17.- MẠCH NHU : Nhu có nghĩa là mềm mại yếu ớt. Nhấc tay lên thỉnh linh chạy lại, ấn tay xuống thì không thấy gì. Nhẹ tay, nặng tay đều không có lực chắc chắn. Đó là mạch Nhu.

濡脈

18.- MẠCH NHƯỢC : Nhược là yếu. Mới động tới dường như có chạy mà lại yếu ớt như là muốn dứt. Nếu nhấc lên thì không thấy gì, đó là mạch Nhược.

弱脈

19.- MẠCH HƯ : Hư nghĩa là hư không, trống rỗng. Nhấc tay lên, ấn tay xuống đều thấy rỗng lớn, nhưng không bền chặt, mừng tượng như là rỗng hay loãng, đó là mạch Hư.

虛脈

20.- MẠCH CÁCH : Cách nghĩa là cái da trống. Nhấc tay lên, ấn tay xuống đều thấy thẳng căng, mừng tượng như là cái da mặt trống đó là mạch Cách.

革脈

21.- MẠCH ĐỘNG : Động nghĩa là lăn chuyển. Nhấc tay lên thấy như không có, nhưng luôn đó lại thấy có ngay. Khi có thì như hạ, đậu lúc lắc, không ra khỏi chỗ, không đi cũng không lại, mừng tượng như nó lung lay lúc lắc, đó là mạch Động.

動脈

22.- MẠCH TÁN : Tán nghĩa là tan. Phàm mạch đi lại không rõ mừng tượng như là rời rã tan tác, không có căn bản, không chắc chắn ở đầu ngón tay, ấn nhẹ thì còn thấy tí chút, ấn mạnh thì im bặt

散脈

tựa như là nếp nằm phục xuống rồi mất đi, đó là mạch Tấn.

伏脈

- 23.- MẠCH PHỤC : Phục nghĩa là nấp. Ấn đến tận xương mới thấy (chìm sát trong tận xương thớ thịt), đó là mạch Phục nghĩa là phải ấn sát vào tới xương kia mới thấy.

絕脈

- 24.- MẠCH TUYỆT : Tuyệt nghĩa là dứt. Định vị nào cũng không thấy gì hết. Ấn tay nặng nhẹ cũng không thấy gì nữa, đó là mạch Tuyệt, nghĩa là không còn mạch lạc gì nữa.

短脈

- 25.- MẠCH ĐOÀN : Đoàn nghĩa là ngắn. Đạo mạch thấy ngắn ngắn. Phía ngoài chưa đến thốn khẩu. Phía trong cũng chưa đến xích bộ đó là mạch Đoàn. Mạch Đoàn bấm thụ vốn suy kém khí huyết tước nhược.

促脈

- 26.- MẠCH XÚC : Xúc nghĩa là gần. Mạch Xúc cũng như mạch Sác khác một điều là mạch chạy mau mà không nghỉ, còn mạch Xúc thì cũng chạy mau mà chốc chốc lại nghỉ. Nó nghỉ rồi lại tới, tới rồi lại nghỉ, đó là mạch Xúc.

結脈

- 27.- MẠCH KẾT : Kết nghĩa là kết buộc. Mạch không tiếp tục hình như kết nghẽn, đi lại khó khăn chậm chạp. Mạch đương đi thỉnh thoảng ngừng lại một cái. Ấy là mạch Kết.

代脈

- 28.- MẠCH ĐẠI : Đại nghĩa là thay đổi. Mạch đại cũng gần như mạch Sác, mạch Nhu. Nhưng

Sắc và Nhu thì chỉ dứt khó, nhào mềm mà không nghỉ, còn mạch Đại thì dứt khó, chốc chốc lại nghỉ. Mạch đại cũng gần tựa tựa như mạch Xúc, mạch Kết, nhưng mạch Xúc và mạch Kết mỗi lần nghỉ thì tới nhiều ít không nhất định, còn mạch Đại thì mỗi lần nghỉ hoặc 10 hoặc 20-30 40 đến nhất định. Ví dụ: trước 10 lần động một lần nghỉ thì cứ sau đến con số 10 lại nghỉ. Hoặc lần đầu mà 20, 30 hoặc 40, mới nghỉ một cái, thì cứ đúng như đã nghỉ lần trước, nghĩa là trước sau đều nghỉ đúng số như vậy.

散脈

29.- MẠCH TÁN : Tán mạch tức là mạch của những chứng nguy nan có thể nói hầu như sắp chết đến nơi. Tán là bất tự, vậy mạch Tán thấy ở Nhân nghinh là tà khí thoát ra. Thấy ở khí khẩu là tinh huyết hao kiệt. Nhưng cũng có khi Mạch Tim Phù Đại Đới Nhu. Mạch Phổi Phù Sắc Đới Đại, cũng tựa như tán vậy. Hễ thật là Tán thì nguy, nếu hơi tán thì mùa thu, mùa hè cũng nhiều khi thấy có.

MẠCH VÀ BỆNH

對 症 與 脈

BỆNH ĐỐI VỚI MẠCH

Xem mạch nào đã biết được bệnh gì ?

- 1.- MẠCH PHÙ : Chủ bệnh ngoại cảm, bệnh phong (gió). Phù mà không có sức cũng là hư.
- 2.- MẠCH TRÂM : Chủ nội thương khí kết, trong mình đau đớn.
- 3.- MẠCH TRÌ : Là bệnh dương hư, lý hàn, ở trong lạnh mà bên ngoài có khi cũng có hiện ra chứng hàn.
- 4.- MẠCH SÁC : Là nóng trong hay là nóng lấm, nóng này có thể phát cuồng phát điên. Mạch Sác là nhiệt, nhưng Sác mà không có lực nghĩa là ấn tay vào thấy hết, thì lại cũng là hàn.
- 5.- MẠCH HƯ : Là bệnh khí huyết đều hư. Tất nhiên người ấy thường hay sợ hãi, tinh thần hoảng hốt, là chứng thương thừ.
- 6.- MẠCH THỰC : Khí huyết đều thực, có khi nóng nhiều.
- 7.- MẠCH HỒNG : Khí huyết đều bị thiếu đốn. Trong ngoài đều nóng.

- 8.- MẠCH VI : Là khí huyết đều hư, có khi bệnh đang phát mạnh và hàn khí hết đọng dưới rốn nổi đau.
- 9.- MẠCH HUYỀN : Nhọc mệt quá độ, bệnh tình khá nặng có khi hại đến khí huyết.
- 10.- MẠCH KHẨN : Là ngoại tà quá nhiều làm hại. Khí huyết phần uất, rối loạn, cơ thể sáo trệu làm ta đau nhức.
- 11.- MẠCH HOÀN : Là chứng khí huyết không được lưu thông, da thịt đờn đau, cắn rút té tái, ma mọc bất nhân.
- 12.- MẠCH SẮC : Triệu chứng tình huyết khô ráo. Đàn ông thấy mạch ấy là phong lao, tình kiệt. Đàn bà thấy mạch này, nếu có chửa là trong thai ít huyết, hay đau bụng. Nếu không chửa là trong bới có ứ huyết đọng trệ không thông.
- 13.- MẠCH KHÂU : Là huyết hư hại quá hay là người bị mất huyết đau bụng.
- 14.- MẠCH HOẠT : Huyết nhiều nhưng huyết bị khí làm ngưng trệ, thành ra lấm đờm (đâm) ho hăng ứ huyết, tức thực đầy, tả nan hữu hoán.
- 15.- MẠCH PHỤC : Là âm dương đều bị trắc trở, bị khiến chế ngăn cách. Hai đàng không giao tiếp nhau được, thăng giáng thất thường. đau bụng hoặc loạn, sản tích tiết tả.

- 16.- MẠCH NHU : Là khí huyết đều suy. Dương hư, mố
hối hay ra nhiều. Người già thấy
mạch này còn khá, nếu trai trẻ mà
thấy mạch này, thì hư hao ốm yếu
lắm.
- 17.- MẠCH NHUỘC : Là người bị tinh khí hao tổn, cốt
tủy trống rỗng, thường hay đau mình.
Người già thấy mạch này thì không
đáng lo lắm.
- 18.- MẠCH TRƯỜNG : Là người khí huyết tráng thịnh và
đều độ. Bệnh gì thấy mạch này cũng
dễ chữa, là vì có chứng thừa.
- 19.- MẠCH ĐOẢN : Là bởi khí động trệ hoặc là Vị
khí suy kém. Bệnh nào thấy mạch
này đều khó chữa, là vì chứng không
đủ.
- 20.- MẠCH TẾ (đổi) Là người nguyên khí không đủ. Tinh
huyết cũng thiếu.
- 21.- MẠCH ĐẠI : Là bởi nguyên khí suy kiệt. Bệnh
nặng mà hễ thấy mạch này thì nguy.
- 22.- MẠCH XÚC : Là chứng nhiệt tích ở trong. Dương
thịnh mà âm không suy.
- 23.- MẠCH KẾT : 1) Là âm thịnh, dương phải lánh xa
Nội tà và ngoại tà động lại thành
tích.
- 2) Vì thất bình uất kết âm dương
không hòa.

- 24.- MẠCH ĐẠI (to): Là bởi tà khí dương thịnh. Khí huyết không chế nổi nó. Bệnh còn dương tăng.
- 25.- MẠCH ĐỘNG : Cũng là chứng hư hao. Những bệnh băng huyết, đi lý, đại tiện ra huyết, chân tay co rút, thường có mạch này.
- 26.- MẠCH CÁCH : Là bởi tinh huyết thay đổi. Đàn ông thấy mạch này thì là mộng tinh, di tinh. Đàn bà thì băng huyết, lậu huyết (huyết hư có mõi). Nếu có thai thì sắp sửa đẻ con (tiểu sản), phải đề phòng, có khi sẽ trúng phong hay cảm thấp.
- 27.- MẠCH TÁN : Là mạch của chứng nguy, có thể chết đến nơi. Mạch Tán thấy ở Nhân nghinh là tà khí thoát ra. Thấy ở Khí khẩu là tinh huyết hao kiệt. Phạm bệnh thấy mạch Tán, tức thì khí của phủ tạng đã tan, tất nhiên đại tiện, tiểu tiện tự nó chảy ra, hoặc chân tay giá lạnh xám nhợt (thủ túc quyết lạnh).
- 28.- MẠCH TUYẾT : xem không thấy gì, mà là mạch hầu như sắp chết thường gọi là người mất mạch.

NHỮNG CHỨNG BỆNH CÓ HAI, BA MẠCH TƯƠNG KIỂM

Những bệnh gồm có, hay là Chủ bệnh mạch thế nào ?

Người ta khi phải bệnh đầu không ngoài Hư, Thực, Hàn, Nhiệt nhưng khi xem mạch thường thấy gồm cả mạch kia. Vì thế cho nên khi chẩn mạch, phải biết mạch nào với mạch nào, chủ bệnh làm sao ? Ví dụ :

Nhiệt thời lưu thông, thì gồm có Phù, Đại, Trường, Sác, đều thuộc nhiệt vậy.

Hàn thời động trệ, gồm có Trầm, Trì, Vi, Đoản, đều thuộc về hàn vậy.

Phù thật thời cứng rắn, gồm có Khẩn, Thực, Huyền, Hoạt, đều thuộc về thật vậy.

Phù hư thời mềm yếu gồm có, Hư, Sác, Nhu, Hoãn, đều thuộc về Hư vậy.

浮脉 1.- *Phù mà có lực* là bệnh về loại phong (chữ phong này mà nói chung tất cả 4 khí : *Phong Hàn Thủ Thấp*. Ví dụ : *Phù Hoãn*, *Phù huyền* là thương phong. *Phù Khẩn* là thương hàn. *Phù Hư* là thương thử (trúng nắng. *Phù Nhu* là thương thấp (trúng phải hơi ẩm ướt). Bệnh về 4 khí, nếu tà còn ở biểu thì mạch đều phù cả).

Phù mà không có lực là người *Hư*. *Phù mà Sác* là bệnh vừa phong vừa nhiệt. *Phù Sác* mà kiểm Mạch Vi, là tà khí không truyền ở kinh nọ sang kinh kia, bệnh sắp sửa khỏi. *Phù Trì* là Lý hư, tất nhiên không có mỗi hồi, quanh mình ngứa ngáy *Phù* mà *Khẩn* và *Hoạt* là bệnh thương hàn. *Phù* mà *Đại* thì trong mình rôm sảy bứt rứt, lâu ngày thành ghẻ lở. *Phù* mà *Hoạt* là phong đờm cùng chạy lẫn vào huyết mạch trong mình, thường hay đau như kim châm, như kiến cắn.

2.- *Trầm mà có lực* là bệnh tích (*Phù* là phong hư, *Đại* là khí mạnh phong với khí độn đập với nhau ở phần da thịt, cho nên phát ra rôm sảy bứt rứt).

沉脉 *Trầm mà vô lực* là khí uất, khí bất bình, là thủy thông, là tiết tả là mê man, là quyết nghịch, là nước uống chứa đọng không tiêu, lỏng ngực đầy nghên, hoặc là trong bụng có hòn phát ra Trung hà.

Trầm mà *Sác* là Lý hàn. Nếu Nhận nghinh thấy mạch *Trầm Sác* thì là tà khí nấp ở âm kinh, đó là bệnh thực nhiệt.

Trầm mà *Trì* thấy ở khí Khẩu là Lý hàn, huyết lạnh (nếu khí khẩu thấy mạch *Trầm* thì là huyết đọng, khí trệ).

Trầm mà mạch chạy khó khăn dường tượng như là nặng nhọc là bệnh thương thử.

Trầm mà *Nhược* ắt có rưng tóc.

Trầm mà *Huyền* là trong bụng lạnh đau, là chứng tâm phúc bị khí lạnh làm ra đau.

Trầm mà *Khẩn* và *Sác*, là chứng đói như giốc tiết.

Trầm mà *Tế* là người khí kém, chân tay bễng nhác không muốn cử động.

Trầm mà như có gì đè nặng, có khi gọi là mạch Thạch, là chứng ứ huyết đọng trệ.

遲脉 3.- *Trì* không có sức là hư và hàn.

Trì mà có lực là bệnh đau như tâm thống, phúc thống, hiệp thống bởi huyết làm hại.

Trì mà *Trầm* là hàn ở lý, bụng ắt có đau.

Trì mà *Phù* là hàn ở biểu, chân tay giá lạnh.

Trì mà *Sác* là khí ẩm ướt và khí nóng đọng trệ, hoặc là cổ hay ở chua, hoặc trong bụng có hòn, phát ra chứng trung chứng hà.

Trì mà *Hoạt* là bụng đầy. Tháng 6 ở tả xích thấy mạch *Trì* là thận bại (Thổ vượng thủy suy), nên kíp phải bổ thận thủy mới cứu được đó.

數脉 4.- *Sác* mà có *Lực* là nhiệt. *Sác* mà không có *Lực* là sắp có ung nhọt chốc lở (người ung nhọt. Trẻ em thấy *Sác* là sắp lên đậu, lên sởi). *Sác* mà lại *Tế*, hay là *Sác* mà không có *Lực*, là âm hư hỏa động, chớ nên coi thường.

Sác mà *Phù* là biểu có nhiệt, người hay bực dọc, nóng ruột, phiền buồn, nóng sốt, nhứt đầu hoặc là miệng hôi hay úa thổ.

Nếu bên tay tả mạch *Sác* và mắt đỏ là can hỏa thịnh quá. Tay hữu mà *Sác* là đại tiện và tiểu tiện đều bí.

滑脉 5.- *Hoạt* tổng yếu là đờm, nhưng cũng là khí huyết đều thực.

Nhân ghình thấy có mạch Hoạt là phong đờm, nổi bốc. Khí Khấu thấy mạch Hoạt là nước uống không tiêu, đọng lại thành đờm, thành dải.

Hoạt cũng có khi là ứ huyết, là đồ ăn không tiêu.

Hoạt mà mạch chạy khi lớn khi nhỏ không đều, ắt có bệnh thổ tả đau bụng.

Hoạt mà *Trĩ* là khí nghẽn.

Hoạt mà *Phủ* là bụng dưới trên bụng đều đau.

Hoạt mà *Nhược* thì ở âm hộ (cửa đi tiểu tiện) đau buốt. Lúc đi tiểu tiện buốt như giùi đấm, đi đái rất.

Hoạt mà *Tán* là đờm nhiều huyết ít, sắp có thể phát ra chứng bệnh tê bại.

Hoạt mà *Tán* là chứng ma mộc bất nhân, tả nạn hữu hoán, nếu lại *Thực* là dạ dày nóng. *Hoạt* mà lại *Thực* là dạ dày nóng. *Hoạt* với *Thực* mà lại *Sắc* là nhiệt kết là ma bốc bất nhân, là tả nạn hữu hoán.

清脈 6.- *Sắc* là tinh kiệt, huyết khô, hoặc chân tay giá lạnh hoặc có đi lỵ.

Sắc cũng có khi là mất mồ hôi vong dương hoặc là đau tim.

Sắc mà *Khấu* là chứng tê bại, là trúng phải hơi lạnh hơi ẩm ướt kết đọng trong huyết.

Sắc mà *Trầm* cũng là bị hơi lạnh, hơi ẩm ướt kết đọng trong huyết.

Đàn bà có thai mà thấy mạch *Sắc* là trong thai có đau. Nếu không có thai mà thấy mạch *Sắc* là tử cung có chứng bại huyết.

大脉 7.- Đại : mạch Đại là bệnh còn dương lên.

Đại mà Phù là bệnh ở biểu.

Đại mà Trầm bệnh ở lý. Đại mà trước lớn sau nhỏ thì nhưc đầu chóng mặt.

Đại mà trước nhỏ sau lớn là bụng đầy, khí nghẽn.

Mạch Đại là chứng huyết càng hư, mà khí càng thịnh, là triệu chứng có hại, khi nào mạch đi hòa hoãn mạch đầu có Đại chẳng nữa thì cũng chính là mạch vậy.

缓脉 8. Hoãn là mạch của vị khí. Có bệnh mà thấy mạch Hoãn là vị khí đã trở lại, bệnh sắp lui rồi, nếu trái thời mà thấy mạch Hoãn là khí huyết đều hư, ắt có những chứng cổ cứng, cổ ngay, khó quay đi quay lại, hay là tay chân mỏi mệt.

Hoãn mà Trầm là khí huyết hư quá, ắt hay chóng mặt, tối sầm mặt lại, hay là nhưc đầu quay quắt, hay là trong có phồng hàn, da thịt tê bại.

Hoãn mà lại Khẩn là bệnh đau tỳ.

Hoãn mà Trì là hư với hàn cùng hòa nhau ở trong khi ăn đồ lạnh ắt thấy đau bụng.

Hoãn mà Nhược ắt hay ợ chua, đồ ăn khó tiêu.

Mạch Hoãn là vị khí có dư. Hoãn Nhược là dương khí không đủ. Vị muốn tiêu hóa mà dương khí không vận được cho nên hay sinh ra thổ dài và ợ chua.

Tả xích riêng thấy mạch Hoãn thì tính mệnh sẽ nguy đến nơi.

洪脉 9. *Hồng* là mạch của bệnh đầy bụng, nhức đầu, đau lưng, đau mình, nóng sốt, bực dọc, đại tiện không thông.

Hồng mà *Thực* là sắp phát điên.

Hồng mà *Khẩn* thấy ở khi khẩu là khí độc chạy vào các mạch ắt có ung nhọt, hoặc thờ mạnh hay là dây trướng.

Hồng mà *Phù* là dương tà vì lạnh bí tắc, bên ngoài, ắt có dương chứng đại tiểu tiện đều bí.

實脉 10.- *Thực* là trong người có nhiệt khí nấp nấu. Nếu Nhân nghinh thấy mạch. *Thực* thì phòng tà chạy vào các kinh, làm cho nhiệt khí bí kết ở trong, tý vị bị nó nung nấu, ắt là ăn không được ngon, thờ mạnh hay ho, có khi lại nôn mửa phát xuyên.

Thực mà *Sắc* thấy ở khi khẩu là khí huyết nghẽn lấp, tam tiêu bí tắc, bởi vì những thức ăn có hơi nóng, hơi ẩm ướt kết đọng mà thành bệnh lý. Nặng thì lý cấp hậu trọng (như muốn đi ngay vội vàng, khí đi lại không đi ra được, phải rặn hoài). *Thực* mà *Khẩn* là âm không dịch nổi với dương, dạ dày bị lạnh, ắt có bệnh tiết tả (thổ tả), hoặc bệnh đau lưng, mạch đó cũng là bệnh nguy kịch khó sống.

弦脉 11.- *Huyền* là huyết yếu (*Huyền* là mạch của can bộ, nếu bộ khác thấy mạch *Huyền* thì là huyết hư, chủ về những chứng mới hơi trộm, chân tay đau nhức, buồn phiền mỗi mệt, da dẻ khô se). Bởi vì mệt nhọc hư hao quá độ mà đau, ở bên trong thì hư hàn, bởi vì nước uống kết đọng lại, là lương long cạnh sườn đau tức, là thân thể co quắp hay là sốt rét : lúc nóng lúc lạnh sinh ra hốt hoảng sợ hãi, hay là bệnh kinh.

Huyền mà *Khẩn* là hàn khí đọng ở kinh lạc, ắt có bệnh sản khí hay bệnh tích.

Huyền mà *Trường* là tích tụ.

Huyền mà *Hồng* là ở dưới cạnh sườn đau nhói.

Hai tay mạch *Huyền* cả là dưới cạnh sườn đau lằm.

緊脈 12.- *Khẩn* là chứng thương hàn. Nếu Nhân nghinh mạch *Khẩn* là kinh lạc có hàn khí.

Khẩn mà *Trầm* là đau bụng, hàn khí kết đọng ở trường vị

Khẩn mà *Sác* là cò con rét con sốt trở đi trở lại.

Khẩn mà *Hoạt* là đồ ăn không tiêu, hoặc có trùng quấy hay thổ. Úa khan (ói khan).

Khẩn mà gáp là trong phế có nhiều hơi nước.

Khẩn mà *Phù* thấy ở Thốn bộ là khí lạnh cảm ở thượng tiêu, ắt có chứng nóng lạnh, cổ ngay, lưng đau, chân tay co giật.

Khẩn mà *Trầm* ở xích bộ là khí lạnh cảm vào hạ tiêu ắt có những chứng : chân lạnh, đại sốn. Nếu ấn tay xuống, nhấc tay lên đều thấy mạch *Khẩn*, đó là hàn khí trúng cả tam-tiêu, chứng này chân tay nóng, có thể, có lợi đại tiện tiểu tiện thì sống. Nếu rốn đau, chân tay đều lạnh thì chết.

長脈 13.- *Trường* là dương độc truyền vào phủ tạng đã sâu. Nếu ở tả quan và Nhân nghinh đều thấy mạch *Trường* thì là nhiệt khí ở tâm can truyền xuống hạ tiêu, ắt có những chứng sốt như than, buồn phiền, ngồi nằm không yên.

Trường mà *Dại* là đờm lấp ở tâm can, sắp có chứng điên cuồng rõ *dại*.

Trường mà *Hoãn* mà *Vi* là tà khí đã yếu, bệnh sắp sửa khỏi. Thốn khẩu mà thấy mạch *Trường* là chân đau : bệnh ở nơi hạ thể.

芤脈 14.- *Khâu* : là triệu chứng ứ huyết, bại huyết. Không thông, Nhân nhỉnh thấy mạch *Khâu* là tà khí tắc ở huyết mạch, ắt có những chứng thổ ra huyết, đổ máu cam. Khí Khẩu thấy mạch *Khâu* là huyết khí đi trái kinh lạc, thành ra động trệ.

Khâu có khi là nhiệt khí truyền vào tiểu trường, ắt có chứng đái rất, đái ra máu mủ, hoặc đái thấy buốt..

Khâu mà *Khẩn* hoặc *Sác* là ở trường vị có ung nhọt.

微脈 15.- *Vi* là trong mình có khí lạnh huyết suy. Cự Trọng Cảnh nói rằng : mạch chạy ly ty như tơ nhiệm là dương khí suy yếu. Có khi phát ra băng huyết, hoặc đổ máu cam, hay là chân tay co quắp.

Vi mà *Phù* có nôn oẹ. Nếu là chứng ngoại cảm thì là cảm phong (gió) cảm thử (nắng).

Vi mà *Trầm* là tâm khí đã thiếu, lạnh ở trong tạng, ắt có những chứng : đại tiện đi nhiều, mỗi hơi ra luôn, hoặc dương khí đã kiệt thì không có mối hơi.

Vi mà *Nhược* là yếu kém. Đàn ông thấy mạch *Vi* *Nhược*, phần nhiều là tinh kiệt, hoặc tiểu tiện ra huyết.

Đàn bà thấy mạch *Vi* *Nhược* có thể phát ra chứng băng huyết, hoặc có kinh nguyệt lai rai không dứt.

Vi mà *Sác* là chứng mất máu, ắt có ngầy ngầy vừa sốt vừa rét, chứng này nếu đã phát hãn và đã hạ, ắt là tại thấy thuốc chữa trái vậy.

Mạch Vi mà *Sác*, bệnh phải trước ngầy ngầy sợ lạnh, sau mới phát sốt, đó là bởi thấy thuốc đã phát hãn, làm cho dương khí suy đi, lại dùng thuốc hạ làm cho âm khí yếu đi : dương suy thì sợ lạnh, âm yếu thì phát sốt, ắt là những điều cốt yếu người làm thấy thuốc rất cần phải nhớ lấy làm lòng.

細脈

16.- *Tế* mạch. *Tế* là chứng khí lạnh, khí ẩm ướt đọng ở phủ tạng, hoặc ở huyết mạch, ắt có những chứng đầy trướng, chứng tiết tả.

Tế mà *Hoạt* là có nồn mưa, nóng sốt, hoặc thỉnh linh ngã dùng ra bất tỉnh nhân sự.

Tế mà *Khẩn* là có chứng *trung* chứng *hạ* tích tụ, hoặc là đau lưng, đau mình. Chứng nội thương mà mạch *Tế Khẩn* là bởi lo nghĩ quá độ, tinh thần nhọc mệt.

Nếu Khí Khẩu thấy mạch *Tế Khẩn* thì khí huyết đều hư bởi vì đờm, đờm dài đọng ở năm tạng. Về mùa đông mà mạch thấy *Trầm Thế* và *Hoạt*, tức là hợp thời tiết, bệnh nhân không phải chữa cũng có thể khỏi được.

不 療 自 愈 脈

BẬT LIÊU TỰ DU MẠCH

濡脈 17.- *Nhu* mạch. *Nhu* là bệnh mất huyết hoặc mồ hôi tự có, vì dương khí yếu. Nếu ở Khí Khẩu thấy mạch *Nhu* ắt là hâm hấp nóng sốt hoặc phát ra chứng tiết tả (tháo chảy), hoặc là chân tay bải oải buồn phiền, sức lực thì yếu ớt, nặng mình.

Như mà *Nhuộc* là ở trong nóng, ngoài thì lạnh, tất có những chứng mồ hôi tự ra nhiều, tiểu tiện khó đi.

弱脈 18.- *Nhuộc* là dương hư. Nhân nghinh thấy mạch *Nhuộc* thì phong (gió), thấp (hơi ẩm) kết đọng.

Khí Khẩu thấy mạch *Nhuộc* là cân (gân) tuyết, hoặc chân tay rời rã. Đằng trước quan bộ thấy mạch *Nhuộc* là có phong nhiệt. Đằng sau quan bộ có mạch *Nhuộc* là có khí lạnh. Người đàn bà sau khi sinh đẻ mà thấy mạch *Nhuộc* là bị cảm gió độc, trên mặt ắt có phù thũng. Xích bộ thấy mạch *Nhuộc* là huyết hư, gân hay co giật. Thốn bộ thấy mạch *Nhuộc* là dương hư thờ xuyên, hơi thở ngắn, đi lại mệt mỏi, hoặc là mồ hôi đắp dính. Có khi tinh khí tự ra (tinh tiết), có khi ra chứng lạnh toát (quyết lãn). Người già thấy mạch *Nhuộc* là thuận. Người trẻ mà thấy mạch *Nhuộc* là nghịch.

虛脈 19.- *Hư* mạch. *Hư* mà thấy ở Nhân nghinh là chứng bị khí nặng phạm vào kinh lạc.

Nếu thấy ở Khí Khẩu là huyết mạch hư tổn.

Mạch *Hư* phần nhiều là chân tay yếu đuối, hơi thở hắt hắt, phì phào, đồ ăn không tiêu, hoặc là trong lòng hoảng hốt.

Trẻ em mạch *Hư* là chứng kinh phong, phát ra buồn bã, bực dọc, không yên, là chứng ra mồ hôi tự hãn : mỗi hơi toát ra.

Hư mà *Đại* là bởi người làm việc mệt nhọc, hao tổn đến nguyên khí.

Hư mà *Sắc* là phong dục quá độ, thận thủy khô khan, tinh huyết suy kiệt.

革脉 20.- *Cách* mạch. *Cách* mạch là *Hư* và *Hàn* kích, bác nhau mà thành.

Đàn bà thấy mạch *Cách* có khi bị đẻ non, hay là băng huyết.

Đàn ông thấy mạch *Cách* là chứng mất huyết, chứng di tinh.

Mạch *Cách* thấy ở *Nhân* *Nghinh* là trúng phong, hoặc cảm thử (nặng) hay là cảm thấp (hoi ẩm ướt).

Mạch *Cách* thấy ở *Khí* *Khẩu* có thể đẻ non, hay thoát tinh.

动脉 21.- *Động*. Mạch *Động* phần nhiều thấy ở quan bộ. Nếu thấy ở *Nhân* *nginh* là vì lạnh mà đau. Thấy ở *Khí* *Khẩu* là có sự kinh sợ. Mạch *Động* thường là thận thể hư lao, hoặc băng huyết, hay nhiều đờm, đi lý ra huyết, hay là chân tay cơ quắp. Nếu thấy mạch chạy như hạt đậu lăn lóc lác lư đó là phế khô, vị tuyết.

散脉 22.- *Tán* là mạch của chứng nguy có thể sắp chết đến nơi. Mạch *Tán* thấy ở *Nhân* *nginh* là tà khí toát ra.

Thấy ở *Khí* *Khẩu* là tinh huyết hao kiệt. Phàm bệnh thấy mạch *Tán* tức là khí tạng phủ đã tan, tất nhiên đại tiện, tiểu tiện tự nó chảy ra, hoặc chân tay giá lạnh xám nhợt (thủ túc quyết lạnh).

伏脉 23.- *Phục* : mạch *Phục* mà thấy ở *Nhân* *Nghinh* là hàn khí, hoặc thử khí hay thấp khí bí tắc, thành ra chứng hoặc loạn chuyển gân, hoặc là đồ ăn, ăn vào không tiêu, phát ra đau bụng, làm ra kết hờn, hoặc đại tiện tháo chảy, ung nhọt mù máu.

Mạch *Phục* mà thấy ở Thốn bộ là có đờm tích, nhiệt kết. Thấy ở Xích bộ là có hàn khí, hay là tích tụ. Thấy ở Quan bộ là có cả đờm kết, nhiệt tích, lúc nóng lúc lạnh, không nhất định.

Mạch *Phục* cũng có khi là khí nghẽn, là vì bị nước uống vào chưa đọng.

Phục mà *Sắc* là nôn oẹ, ăn vào lại thổ.

Nếu thấy ở Khí Khẩu là lo nghĩ vất vả quá độ, tinh thần hao tổn.

短脉 24.- *Doãn* là bởi chứng khí trệ, là đau tim, là đau bụng bởi vì đồ ăn vào không tiêu, là tam tiêu bí tắc. Mạch *Doãn* thấy ở Nhân nghinh là tà khí bị vít ở Kinh lạc. Thấy ở Khí Khẩu là có vật gì tổn thương đình tích, làm ngăn khí của năm tạng, bởi vì chứng âm trung phục dương, cho nên khí huyết khó lưu thông.

Mạch *Doãn* lại có khi dương huyết không chạy đều.

促脉 25.- *Xúc* là chứng dương thịnh âm suy, khí huyết đờm ảm (đồ ăn) đọng lại thành bệnh, hoặc có phong nhiệt bí tắc làm cho khí huyết ngừng trệ, ắt có những chứng phát cuồng hay phát ban, lại có khi bởi khí giận dữ bốc lên, làm cho trên thịnh, dưới hư, cũng hiện ra mạch *Xúc*.

Mạch *Xúc* không phải hết. thấy là điểm giờ. Nếu nó lui đi dần dần, thì có cơ sống, nhưng người già và bệnh lâu ngày, mà thấy mạch ấy, cũng chẳng phải là điểm hay vậy.

结脉 26.- *Kết*. Mạch *Kết* mà thấy ở Nhân nghinh là âm đã tan dương đã không sinh.

Nếu thấy ở Khí Khẩu thì là âm thịnh khí kết.

Kết mà Phù là hàn ta động ở Kinh lạc.

Kết mà Trầm là có đờm ẩm hoặc ứ huyết, lại có khi thất tình, khí kết. Mạch lạc không thông cũng thấy mạch kết.

脉代 27.- Đại (đòi) Mạch Đại là chứng tạng khí đã tuyệt. Người khỏe thấy mạch Đại cũng chết. Người bệnh thấy mạch Đại thì may còn chữa được.

Bệnh đau như đau tim, đau bụng.

Bệnh gió như cảm gió, trúng gió.

Bệnh đờm, bệnh thấp và đàn bà có thai 3 tháng mà thấy mạch Đại thì không việc gì. Có người khí huyết tinh linh bị tổn thương dùng bài thuốc chích cam thảo thang mà cứu vầy.

Có khi ăn no, uống nhiều quá cũng thấy mạch Đại, nhưng không việc gì.

絕脉 28.- Tuyệt. Mạch Tuyệt là xem thấy máu mạch, không thấy chi nữa. Phàm những chứng thấy mạch Tuyệt là chứng nguy. Mạch này xưa kia vốn là một tên cổ mạch.

七表 八裏 九侯 十變

Nói về : 7 Mạch Biểu - 8 Mạch Lý - 9 Mạch Hậu - 10 Mạch Biến

BIỂU MẠCH

表 脈

Về loại Biểu mạch (thuộc dương) có 7 thứ, là :

- 1.- Mạch Phù
- 2.- Mạch Khâu
- 3.- Mạch Hoạt
- 4.- Mạch Thực
- 5.- Mạch Huyền
- 6.- Mạch Khẩn
- 7.- Mạch Hồng

裏 脈

LÝ MẠCH

Về loại Mạch Lý (thuộc âm) có 8 thứ, là :

- 1.- Mạch Vi
- 2.- Mạch Trám

3.- Mạch Hoãn

4.- Mạch sắc

5.- Mạch Tri

• 5.- Mạch Phục

7.- Mạch Nhu

8.- Mạch Nhược

道 脉
ĐẠO MẠCH

Về loại Đạo mạch có 9 thứ, là :

1.- Mạch Tế

2.- Mạch Sắc

3.- Mạch Động

4.- Mạch Hư

5.- Mạch Xúc

6.- Mạch Kết

7.- Mạch Tán

8.- Mạch Đại

9.- Mạch Cách

七 死 脉

NÓI VỀ BẢY THỨ MẠCH CHẾT

- 1.- TUỐC TRÁC: *Tước Trác* nghĩa là chim sẻ mổ. Mạch *Tước Trác* thấy ở trong sát gân và thớ thịt. Dáng mạch lắt nhắt, lóc cóc như chim sẻ mổ thóc. Luôn luôn bật ở dưới đầu ngón tay. Thành linh im hẳn hồi lâu, rồi mới trở lại.
- 2.- ỐC LẬU: *Ốc Lậu* là nước nhà dột, rò từng giọt hay là mái nhà dột. Mạch *Ốc Lậu* thấy sát gân xương làn da thớ thịt. Trạng mạch thánh thót như giọt nước mái nhà rò xuống, lâu lâu mới được một giọt, và mạch không có lực.
- Tước Trác* và *Ốc Lậu* là mạch tỳ vị suy cực hoặc tâm phế đã tuyệt.
- 3.- ĐẠN THẠCH: *Đạn Thạch* nghĩa là như gõ đá. Mạch *Đạn Thạch* thấy ở sát gân xương và làn da thớ thịt. Trong mạch cứng cỏi như gõ vào đá, nhưng phứt chốc lại tan đi ngay, đó là điểm *phế tuyệt*.
- 4.- GIẢI SÁCH: *Giải Sách* là cởi giày. Mạch *Giải Sách* lung tung, toi bời ở dưới ngón tay như gỡ mỗi giày rồi, không có thứ tự gì hết, đó là năm tạng đều tuyệt.

5.- NGƯ TƯỜNG:

魚翔

Ngư Tường nghĩa là cá lượn. Mạch *Ngư Tường* thấy ở bì phu (làn da). Trạng mạch gốc không động mà ngọn lung lay như đuôi con cá lượn ve vẩy ở trong nước, mình thì yên lặng mà đuôi thì ngo ngoe phe phẩy vẩy, đó là *thận tuyệt*.

6.- HÀ DU :

鯁遊

Hà Du nghĩa là tôm bơi.

Mạch *Hà Du* thấy ở bì phu. Trạng mạch lúc đầu thì im lặng không hoạt động, một lát thấy chạy vụt đi. Có lúc như lơ lửng, thỉnh thoảng lại trở lại như con tôm bơi ở trong nước, lấu lấu lại nháy một cái, đó là *tỳ vị tuyệt*.

7.- PHỦ PHÍ :

釜沸

Phủ Phí nghĩa là nước canh sôi. Mạch *Phủ Phí* ở làn da thớ thịt. Trạng mạch có ra mà không có vào, phập phồng như váng màng nổi ở trên nổi canh đương sôi.

Bảy mạch kể trên đây, đều là mạch chết. Người bệnh mà thấy một thứ trong bảy thứ này, thì cũng có thể nói là không chữa được nữa. Nhưng nếu người nào vì uống nhầm thuốc công phạt quá, mà thỉnh thoảng hiện ra mạch ấy, thì nên kịp dùng *Sâm Kỳ Qui Phụ* hoặc chích cam thảo thang mà cứu thì may ra cũng còn có thể sống được.

Ta nên làm hết sức để cứu người.

盡人力歸天數

"TẬN NHÂN LỰC QUI THIÊN SỐ"

相似脈

TƯƠNG TỰ MẠCH

(SO SÁNH CÁC LOẠI MẠCH TƯƠNG TỰ)

Xem thì hình như là giống nhau, nhưng tế nhận nó có chỗ khác :

浮乾

PHÙ với KHÂU : Phù giống như *Khâu* : *Khâu* thời trong rỗng như đốt, như đứt, như ống rau muống;

Phù thời không đốt không đứt, khác ở chỗ đó.

浮虛

PHÙ với HƯ : Phù giống như *Hư* : ấn nặng tay thấy không có sức là *Hư*; nhưng khi mới ấn nhẹ tay đã thấy là mạch *Phù*.

浮洪

PHÙ với HỒNG : Phù giống như *Hồng* : *Hồng* thời sức giầy mạnh, *Phù* thời nổi, sức yếu mỏng.

滑動

HOẠT với ĐỘNG : Hoạt giống như *Động* : *Động* thời lỏng lẻo không đầu không đuôi, lay động một chỗ.

Hoạt thì thông thả trơn tru chạy tuồn tuột như chuỗi tràng hạt qua tay.

滑軟

HOẠT với SẮC : Hoạt giống như *Sắc* thời tới và nhiều; Hoạt thì thông thả trơn tru ruột ruột mà chậm hơn.

實革

THẬT với CÁCH : Thật giống như *Cách* : *Cách* thời ấn tay xuống đã thất thẳng căng như da trống không thấy rời ra chỗ khác; *Thật* thời vừa dài, chắc, mạnh mẽ như có thật.

弦緊

HUYỀN với KHẨN : Huyền giống như *Khẩn* : *Khẩn* và Huyền đều là mạch găng : cái găng của mạch *Khẩn* và nói về tượng của mạch, găng như rút giây, như quần quần như oải đầu giây.

Cái găng của mạch *Huyền* là nói về sức của mạch găng như giây cung dương thẳng căng.

洪大

HỒNG với ĐẠI : Hồng giống như *Đại* : *Đại* thời rộng lớn, ấn xuống thấy không có lực mấy ; *Hồng* thời ấn xuống vẫn thấy cuộn cuộn sóng như nước lụt dâng lên.

微瀟

VI với SẮC : Vi giống như *Sắc* : *Sắc* thời vừa ngắn vừa chậm, vừa nhỏ nghe còm cọt như dao cạo da tre.

Vi thời ly ty như sợi tơ nhện hay sợi lông nhỏ tí ty.

沉伏

TRẦM với PHỤC : Trầm giống như *Phục* : *Phục* thời ấn đầu ngón tay sát xương mới thấy *Trầm* thời hơi ấn nặng tay đã thấy *Phù* chìm nhưng còn nông hơn *Phục*.

緩遲

HOÀN với TRÌ : *Hoàn* giống như *Trì* : *Trì* thì mỗi hơi thở mạch đến ba lần, *Hoàn* thì mỗi hơi thở đến bốn lần.

遲滯

TRÌ với SẮC : *Trì* hơi giống như mạch *Sắc* : *Sắc* thời đi lại dít khó; *Trì* thời đi lại chậm chậm.

弱濡

NHUỘC với NHU : *Nhuộc* hơi giống mạch *Nhu* : *Nhu* thời sức mềm nhẽo.

Nhuộc thời se sẽ động dờng như không có, mừng tượng như yếu ớt lững lờ.

精 神 脉 訣

CỐT YẾU TINH THẦN CỦA MẠCH

Bệnh đầu nguy, mạch đầu xấu, nhưng khi xem phải tinh tế chỗ tinh thần của mạch. Mạch còn có thần lực, mình phải gia tâm nghiên cứu đến chỗ yên vì mới tới được kỳ công diệu thủ, tinh thần hơn ai là ở chỗ đó.

Mạch là thần khí và huyết, lại cũng là cái gương để soi phần tà, phần chính, trong mình người.

Cái gì có ở bên trong thì nó phải hiện ra bên ngoài, cho nên người nào huyết khí suy thì mạch phải suy. Người không có bệnh, mạch ắt đúng độ. Người có bệnh, mạch ắt sai dịp. Và lại, bệnh tật của người ta thường thường không ra ngoài sáu chữ : BIỂU LÝ HÀN NHIỆT HƯ THỰC, lại càng bao quát cốt yếu hơn, bởi vì chứng Biểu, chứng Lý, chứng Nhiệt, chứng Hàn chứng nào cũng có kèm có hai thứ : Hư và Thực.

Một khi đã biết được Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt mà lại quyết đoán được Hư, hay Thật, thì dầu nghìn vạn bệnh cũng có thể nhân một cái ấy mà suy biết ra được nhiều cái khác vậy. Nhất là biết được đến chốn tinh vi, tức là phải tế nhận cho bằng được tinh thần của mạch, của Vị khí vậy.

Và lại, phép chữa bệnh đầu có phải ngoài những phép công: Hãn, Thổ, Hạ hay là bổ : Bổ huyết, Bổ khí; thế thì công hay là bổ, đầu có ngoài hai chữ : Thực và Hư. Mà muốn chắc chắn để biết Thực và Hư, còn gì hơn là :

Cần nhất là ở chỗ thần của mạch. Biết được chỗ thần, biết được diệu vi cho tinh tường thì còn gì cốt yếu hơn là của việc xem mạch nữa ?

Mạch tuy có nhiều thứ, mỗi thứ chủ về một bệnh; nhưng cũng có khi một mạch mà kiêm mấy bệnh, hay là một bệnh mà kiêm mấy mạch; đó là lẽ rất mầu nhiệm. Muốn biết cho rõ những lẽ mầu nhiệm ấy, là nhờ ở chỗ tinh vi tức là tinh thần của mạch. Mà Hư, Thực cũng bởi tinh thần ở chỗ có Lực và không có Lực. Không có Lực và Hư, có Lực và Thực, là có tinh thần.

有神有力脉訣

HỮU THẦN HỮU LỰC MẠCH QUYẾT

Mạch có lực và mạch không có Lực, phải rất tinh vi diệu thủ để mà phân biệt. Đại để, ấn tay sát đến xương mà vẫn còn thấy nhảy nháy nghĩa là còn có thể chạy được thì đó là có Lực. Nếu nhẹ tay mà thấy nhiều, ấn tay đến sát xương thì không thấy mạch chạy hay động dấy gì nữa, thế là không có Lực, không có Thần.

Xét chỗ Hư, Thực trong mạch, tức là xét đến cái Thần của mạch. Nếu không rõ được cốt yếu mà tìm vu vơ ở những chỗ nào khác thì sai một ly đi một dặm, nghĩ cũng đáng buồn và đáng tiếc vậy.

相兼脉相似脉

TƯƠNG KIÊM MẠCH, TƯƠNG TỰ MẠCH

Tương kiêm mạch Tương tự mạch, nhiều lực mạch chạy cũng có khi thứ nọ giống như thứ kia, hoặc là mạch nọ lại kiêm có mạch

kia. Cần nhất phải xét cái nào là cấp ? Hễ biết được gốc
nhọn và trước sau, ấy là biết được những chỗ tinh vi, tức là chỗ
tinh thần của nghề làm thầy thuốc, đó tức là cần biết chỗ ý
thức tinh thần của mạch vậy.

要訣脈法

YẾU QUYẾT MẠCH PHÁP

NHỮNG ĐIỀU CỐT YẾU TRONG VIỆC XEM
MẠCH TRỊ BỆNH

治療要求其本

TRỊ LIỆU YẾU CẦU KỶ BẢN

Phép trị bệnh nên tìm cho đến gốc.

Muốn việc đều có gốc. Phép trị bệnh, sự tìm gốc bệnh là việc đầu tiên.

Gốc bệnh bởi ngoại cảm, đó là gốc ở Biểu (ngoại cảm)

Gốc bệnh ở nội thương là ở Lý (Nhập lý)

Bệnh nóng là gốc ở Hỏa.

Bệnh lạnh là gốc ở Hàn tà (Tà : là khí hậu không tốt làm cho người ta mắc bệnh Phong, Hàn, Thử, Thấp, Táo, Hỏa).

Có thừa là gốc ở Thực (Thực có nghĩa là đầy đặc),

Chính (chính là cái trái lại với tà, đây nói về sức khỏe trong mình người). Chính không đủ là gốc ở Hư (Hư nghĩa là trống rỗng, trái lại với Thực; đây là nói về những bệnh yếu đuối hư hao).

Vậy nên cần phải xét xem bệnh bởi đâu mà ra.

Cái sinh ra bệnh tức là cái gốc của bệnh. Gốc bệnh tuy nhiều, nhưng tóm lại cũng là : Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt, Hư, Thực, biết tìm căn nguyên mà ý hội cho chắc chắn.

Người làm thuốc hay, chữa bệnh giỏi, chỉ cần biết bởi đâu nó đã sinh ra bệnh, thì trị thẳng tận gốc, mà các chứng khác tự nhiên phải lui mới là tuyệt diệu.

觀胃氣脈訣
NÓI VỀ MẠCH VÀ VỊ KHÍ

胃氣爲骨要
VỊ KHÍ VI CỐT YẾU

Phàm chẩn mạch cốt yếu phải biết Vị Khí

Vị Khí là gì ? Thế nào là Vị Khí ?

Sách nội kinh nói rằng : Người ta sống phải lấy nước và gạo làm gốc, cho nên người tuyệt nước và gạo thì phải chết; Mạch không có Vị Khí cũng chết. Lại nói : Tà khí tới thời mạch Khẩn và kíp; Cốc khí tới thời mạch thông thả mà đều hòa. Lại nói : Năm vị vào miệng, chứa ở dạ dày để nuôi phần khí của năm tạng; cho nên khí của năm tạng đều sinh ra bởi dạ dày, mà biểu hiệu ra khí Khẩu. (Khí Khẩu là mạch chạy ở Thốn bộ và bên tay hữu, gọi là Khí Khẩu. Nhân nghinh tức là mạch ở Thốn bộ bên tay tả, gọi là Nhân nghinh)

Coi những câu trong kinh đã nói đó thì biết rằng : Cốc khí tức là Vị Khí, mà Vị Khí tức là Nguyên Khí vậy.

元氣邪氣
NGUYÊN KHÍ TÀ KHÍ

Nguyên khí tới, sức lực điều hòa là khoan khoái; Tà khí tới, sức nó mạnh bạo và dữ dội. Ông CAO - DUONG - SINH nói rằng : Mền dẻo như cành xuân liễu, cái mạch 4 mùa của con tỳ (câu này ý nói mạch mềm dẻo như tơ), đó là nói về Vị Khí vậy.

Bởi thế cho nên, khi coi mạch, không cứ mạch *Phủ* hay *Trâm*, mạch *Trì* hay *Sắc*. Đầu gặp các chứng trùng điệp hiện ra, nhưng trong tà mạch (mạch thuộc về tà, bệnh) còn thấy cái tượng trơn hòa (điều hòa) đó là năm tạng đều có Vị Khí, như vậy có thể biết bệnh không việc gì. Vì rằng Vị khí tức là Khí Chính, bệnh khí tức là khí Tà. Tà với Chính không thể đi đôi với nhau được, một đằng được thì một đằng phải thua. Hễ tà khí mà thắng thì chính khí phải bại. Chính khí mà mạnh thì Tà khí phải lui.

Nếu muốn xét xem bệnh lên hay xuống, dữ hay lành, nên lấy Vị Khí làm chủ. Xem xét Vị Khí cũng hơi khó. Đại khái ngày nay thấy mạch hòa hoãn, ngày mai thấy mạch găng gấp đó là Tà khí dương lên. Ta lên thì bệnh càng tệ. Trái lại, ngày nay thấy mạch găng cấp ngày mai thấy mạch hòa hoãn, đó là Vị Khí đã tới dần dần.

Vị Khí tới thì bệnh sẽ nhẹ bớt. Lại như trong khoảng chốt lạt, lúc đầu thấy mạch găng gấp, mà lúc sau thấy mạch hòa hoãn ấy là Vị Khí đã tới. Nếu lúc đầu thấy mạch hòa hoãn mà lúc sau thấy mạch găng gấp, đó là Vị Khí đã đi.

Trở lên và phép xét về Tà, Chính, tiến, thoái, trong khi có bệnh; đến như xét về điểm sống, điểm chết cũng phải lấy Vị Khí làm gốc.

Vị Khí là khí ở dạ dày tức là cái khí điều hòa, vượng cả bốn mùa, cho nên hễ thấy.

Về mùa Xuân, mạch hơi Huyền (Huyền là mạch về can bộ hiện về mùa Xuân) mà hòa hoãn.

Về mùa Hè, mạch hơi Câu (Câu là tên của mạch Hồng, mạch về tám bộ, hiện về mùa Hạ) mà hòa hoãn.

Về mùa Thu, mạch hơi Mao (Mao là mạch Sắc mà kiêm Phù và đoán mạch của Phế bộ, hiện ở mùa Thu) mà hòa hoãn.

Về mùa Đông mạch hơi Thạch (Thạch là tên của mạch Trâm, mạch của bộ Thận, hiện ở mùa Đông) mà hòa hoãn.

Đó là thường độ của Vị Khí tức là mạch của người không bệnh.

Nếu mạch không có Vị Khí thì là mạch chân tạng. (tức là riêng của từng tạng). Thấy mạch chân tạng thì chết, vì rằng người ta phải có Nguyên khí sinh ra từ lúc tiên thiên (thời kỳ chưa có đời), tức là khí của Trời cho, mà là cha của tinh thần. Người ta phải có Vị Khí sinh ra tại lúc hậu thiên (thời kỳ đã ra đời rồi). Tiên Thiên cũng có nghĩa là nhân vi (bởi người làm ra), tức là khí của trời đất và là khí huyết của mẹ cha. Hậu thiên phải nhờ tiên thiên làm chủ trương. Tiên thiên phải nhờ hậu thiên làm đồ nuôi dưỡng. Không có cái làm chủ trương thì phải chết; mà không có cái làm đồ nuôi dưỡng cũng phải chết.

Mạch chỉ có Huyền, có Câu, có Mao, có Thạch, ấy là mạch của chân tạng, nghĩa là trong mạch chỉ có khí của một tạng hiện ra. Không có khí của Vị Khí thế là phải chết vậy.

*Vệ sinh Kinh lạc hóa sinh,
Nhờ nơi Vị Khí nuôi mình tay chân
Tỳ đư lên phổi tán phân
Tâm Can tròng Thận muôn phần nhỏ to
Phàm bách bệnh xem cần chỗ đó,
Có thể mà đoán rõ cát hung.*

*Thần mạch Vị Khí mà sung
Còn thì dễ chữa, nếu không khó lòng.*

Nội thương về ăn uống thì mạch đi *Hoạt*, *Phù*, *Trầm*.
Nội thương về khó nhọc ăn uống mạch *Sắc*, *Đại Sắc*.

Bộ Quan về tay bên hữu thấy mạch *Hoãn*, mạch *Khẩn* là Hàn thấp y nhau, Hữu quan sắc *Hoãn* là thấp nhiệt tranh nhau, *Sắc* lại VI, *Đại (đổi)* là người ăn uống không có tiết độ, nóng lạnh mất thăng bằng.

氣 病 脈

KHÍ BỆNH MẠCH

Đặt tay thấy mạch *Trầm* thì đã biết là khí bệnh. *Trầm* cực thì thành *Phục*, như có *Sắc Nhược* thì khó chữa. Nếu *Trầm* có *Hoạt* là huyết nhiều khí ít. Người mạch *Sắc* huyết ít khí nhiều.

Xích bộ mạch đi *Vi Tế* là khí huyết đều hư. Xích bộ *Tế Đại (đổi)* là người khí suy.

Người mạch *Tuyệt* chứng như là muốn chết.

Người mạch *Phục* thì khó chữa. Mạch này cơ đồ hầu như cũng muốn nguy cả.

諸 症 失 血 脈

CHƯ CHỨNG THẤT HUYẾT MẠCH

Mọi chứng thất huyết đều thấy mạch *Khâu*. *Đại* phạm mọi chứng vong huyết đều quý nhất là mạch *Trầm tế*. Nếu thấy mạch *Phù* mạch *Đại* về sau rất khó chữa. Mạch thấy, *Sắc*, *Nhu*, *Nhuộc* là chứng vong huyết mạch phù mặt trắng sắc nhợt là người trong hư rồi, mới phát ra chứng vong huyết.

Mạch thấy đi lại nhỏ nhẹ, bộ xích thì *phù*, còn người mắt trắng nhũ, mí mắt quầng thâm vàng vàng là chứng lục huyết (máu ra đàng mũi).

Mạch *Trầm Huyền* là hư, mặt nhợt khí ngắn, mắt mờ, bụng dưới đầy, là bởi vất vả lao thương quá hóa nên mới đổ ra máu cam.

Thốn bộ bên tay hữu, mạch *Huyền* cấp là người ho ra huyết, nhỏ ra huyết.

Mạch *Phù*, mạch *Nhược*, ấn mạnh thì lại không thấy sức lực gì nữa, là chứng tiểu huyết.

Người ho quá phiền buồn có thể rồi sẽ thổ ra huyết.

Chứng tràng tích đi đại tiện ra nhiều mủ máu. Mạch đi *Huyền Tuyệt* thì chết mất. Nếu được mạch *Hoạt Đại* thì sống, nhưng người huyết nóng mình nóng cũng nguy.

Người thấy mạch cực *Hư*, *Khâu* là chứng vong huyết thất tinh.

痰 症 脈

ĐÀM CHỨNG MẠCH

Chứng đờm ẩm đi *Huyền* mà có cả *Vi Trầm Hoạt* chỉ có chứng phổi bệnh thì có xuyên mà không *Huyền*. Nếu hai tay mạch *Huyền* cả, là vì ăn uống quá nhiều đồ sống đồ lạnh.

Nếu thấy mạch *Phù*, *Huyền*, *Đại* (to) *Thật* là ở trong lòng ngực có đờm đặc, nên làm thám thổ, đờm ra lâu ngày lại có mạch *Kết*, hoặc *Sắc Phục* là chứng đờm ẩm rắn chắc như keo sơn ở trong, vì đờm nó làm ngắn trở cho nên mạch đi như thế đó.

鬱症脉 UẤT CHỨNG MẠCH

Chứng uất thì mạch *Trầm*, uất về huyết chứng mạch *Khâu*, uất về khí chứng mạch *Sắc*, uất về thấp chứng mạch *Hoàn*, uất về nhiệt chứng mạch *Sác*, Đờm uất thì mạch *Huyền*, *Hoạt*. Nhân ăn uống phất thì mạch *Khẩn*, *Hoạt*. Uất nặng quá thời thành ra *trệ*, mạch *Kết Đại* (đổi) *Xúc*. Bởi vì 6 chứng uất mạch đều *Trầm*, quá lắm thì *Phục*, nhưng có điều cần nhất là hễ vị khí có tốt thì có thể chữa được.

勞損症脉 LAO TỔN CHỨNG MẠCH

Lao tổn mạch lâu thành hư, mạch *Đại* (to) nếu ấn nặng tay thì không có sức là dương suy dễ chữa, vì phù trì bổ đường.

Mạch *Sác* ấn nặng tay không có sức là *hư* âm hòa khó chữa. Bình thường thì mạch *Huyền*, *Đại* (to)

Thốn bộ mạch *Nhược* hao tổn phần trên.

Mạch *Phù*, mạch *Đại* (to) thì ở giữa khô khan.

Hai bộ Xích Thốn đều mạch *Vĩ* là tất cả trong mình đều chịu năm chứng Lao.

Tay tả mạch *Nhu* là huyết phần thiếu. Tay hữu mạch *Nhu* là khí phần khiếm nhược.

Cả hai tay đều mạch *Vi*, khí huyết thiếu cả có thể phát ra Trâm hà cả lạnh.

癆 瘵 脈
LAO SÁI MẠCH

Người bị Lao Sái mạch đi *Sác* hoặc *Sắc*, hoặc *Tế*.

Chúng nó phát ra nhiều nhiệt, hay nhiều mồ hôi, nhức mỏi trong xương, hình như nóng ở trong đó, có khi ra mồ hôi trộm, ho hắng ra máu, da thịt gầy còm, ốm yếu, Mạch đi *Sác Tế* mà *Sác* là chứng chết.

Nhưng nếu mạch đi *Vi Sác* thì sống.

頭 眩 脈
ĐẦU HUYỀN MẠCH

Chúng rối loạn đầu óc, hoa mắt chóng mặt, quay quắt tối sầm.

風 寒 暑 濕 氣 鬱 痰 涎
PHONG HÀN THỨ THẤP KHÍ UẤT ĐÀM DUYỀN

下 虛 上 實 火 衝 頭 眩
HẠ HƯ THƯỢNG THẬT HOA XUNG ĐẦU HUYỀN

Người bị chứng chóng mặt, hễ là chứng phong thì mạch *Phủ*, vì Hàn thì mạch *Khẩn*, bởi thấp thì mạch *Tế*, bởi nặng thì

脉 訣 舉 要

MẠCH QUYẾT CỬ YẾU

Thể theo sách chánh truyền, sách Quyển Dur, sách Quyển Đạt và phụ thêm Ôn thư nội thương.

觀 經 驗 集 成

QUAN KINH NGHIỆM TẬP THÀNH

雜 病 脉 法

TẬP BỆNH MẠCH PHÁP

中 風 脉

TRÚNG PHONG MẠCH

Mạch Trúng Phong chính là mạch *Phù*. Nếu thấy *Phù Hoạt* là kiêm đờm và khí chứng, mạch thấy *Trầm Hoạt* thì không nên chữa là chứng phong.

Hoặc *Phù* hoặc *Trầm* hoặc *Vĩ* hoặc *Hư* thì cần nhất phải *Phù* nguy (gốc bỏ) chữa đóm là trước.

Chứng trúng Phong mà mạch đi *Phù Trì* hòa hoãn là tốt. Mạch đi nhanh gấp thì nguy.

中 寒 症 脈

TRUNG HÀN CHỨNG MẠCH

Mạch Trung Hàn là mạch *Khẩn*, mạch *Sắc*. Nếu được âm dương đều thịnh. Đứng phép ra là không có mồ hôi. Nếu tự ra mồ hôi nhiều, là chứng vong dương, tính mệnh khó toàn được.

傷 寒 脈

THƯƠNG HÀN MẠCH

Chúm thương hàn mạch đi *Phù Khẩn* hoặc *Phù Đại*, *Hoạt* động thuộc dương, hoặc *Trầm Huyền* vì nhược thuộc âm.

Âm bệnh mạch dương thì sống.

Dương bệnh mạch âm thì chết.

傷 風 脈

THƯƠNG PHONG MẠCH

Mạch Thương phong hễ dương chứng thì đi mạch *Phù*, mà âm chứng thì mạch *Nhược*, Tà ở sáu kinh, hoặc *Huyền* hoặc *Sắc*.

Dương *Phù* là vệ trúng phong :

Âm *Nhược* là vinh khí yếu.

Tà ở sáu kinh, người ấy mạch đều *Huyền*.

傷暑脈

THƯƠNG THỦ MẠCH

Mạch trúng nắng hại vào khí phần, cho nên người thương thủ thí mạch *Hư* hoặc *Huyền*, *Hồng*, *Khâu*, *Trì*.

Như thấy mạch *Vi*, *nhược*, *ấn*, *Phục*, đều thuộc về loại *Hư* cả.

Nắng nóng bệnh kịch là bởi âm dương thịnh cả.

Nếu *Phù* mà *Hoạt* mà *tán Sắc*, mồ hôi ra nhiều, phát ra phiền táo giẫy giợn quá mạch *Dại* thì chết.

濕病脈

ÔN BỆNH MẠCH

Ôn bệnh mạch không có tên, chứng này tùy theo ở các kinh khi chưa phát hãn, chưa có mồ hôi, mạch cần phải cường, hễ thấy mạch nhanh cường thịnh là dấu lành chắc sống được.

Trái lại mạch *Hư*, mạch *Hoãn* là chết. Nhưng sau khi đã phát hãn rồi, mà biến chứng không hết, lúc ấy mạch đi cường cũng chết, hoặc *Tà nhập Lý* làm ra đau bụng, hoặc *thổ tả* cũng nguy.

濕病脈

THẤP BỆNH MẠCH

Mạch chứng thương thấp *Nhu* mà *Hoãn*. Nhưng khi còn ở biểu, thì *Phù Hoãn*. Nếu *Tà nhập Lý* thì nó *Hoãn Trầm*. Nhưng nếu đã thấy mạch *Hoãn* mà lại kiếm *Huyền* là bởi phong với thấp hai thứ nó kỵ nhau, chữa nên khư phong trừ thấp.

燥病脉

TÁO BỆNH MẠCH

Chứng Táo mạch *Khẩn* mà *Sắc*, hoặc *Phù* mà *Huyền*, hoặc *Khâu* mà *Hư*, chính là chứng táo, nhưng phong táo có khi lại *Phù* mà *Huyền*, kiêm *khâu* và *Hư* nữa.

火症脉

HỎA CHỨNG MẠCH

Tùy hỏa mạch *Phù* *Sắc*.

Thật hỏa thì mạch *Trầm* *Phục*.

Tùy sở kiến mà trị liệu mới đúng phép.

Lại nói rằng *Phù*, *Hồng*, *Sắc*, ấn thì không lực, đó là *Hư* hỏa, mạch *Trầm* thật *Đại* ấn thấy có lực là thật hỏa. Thốn bộ *Hồng* *Sắc* là *Tâm* hỏa.

Hữu Thốn *Hồng* *Sắc* là *Phế* hỏa.

Tả quan *Hồng* *Sắc* là *Can* hỏa .

Hữu quan *Hồng* *Sắc* là *Tỳ* hỏa.

Tả hữu xích bộ *Hồng* *Sắc* là *Thận* hỏa và là *Mệnh* môn hỏa.

内傷病脉

NỘI THƯƠNG BỆNH MẠCH

Nội thương về công việc khó nhọc, thì mạch đi khoáng *Đại*, nhược bằng tổn thương vị khí thì mạch ấn, phức khó tìm.

thình ở ngoài cơ biểu thì nó phát ra như thố, lẽ ra chính mạch nó đi *Phục Trầm* còn như những người mạch đi *Phù Sác* là thuộc về dương mạch.

Lại như Hạ tiêu nếu có thật nhiệt thì mạch *Thật Đại* (to) vì thuộc về âm mạch cho nên nó phát ra như thố đó. Đại phạm chứng ban chẩn thì mạch đi *Trầm Phục*, hoặc *Tán*, hoặc không.

Chứng dương mạch *Phù* mà *Sác* là bởi hỏa đã thấy hiện ra khắp mình rồi.

Âm thì mạch *Thật* mà *Đại* (to), bởi vì nóng nó chung nấu ở da nổi người ta rồi.

咳 嗽 脉 KHÁI THẤU MẠCH

Khái là ho không có đờm, Thấu là ho nhỏ ra đờm, thường thường chỉ gọi chung tất cả là ho hắng.

Ho hắng có nhiều nguyên nhân :

Ho bởi phong thì mạch *Phù*.

Ho bởi phong thì mạch *Khẩn*.

Bởi nóng quá mà ho thì mạch *Sác*.

Cảm thấp khí mà ho thì mạch *Tế*.

Phong lao bại thận mà ho mạch *Sắc*.

Tay bên hữu bộ Quan mạch đi *Vị*, *Sác* là bởi ăn uống bất hạ hại tý vị.

Tay bên tả bộ *Quan Huyền doãn* là Gan bị đau vì lao thương khốn cực.

Phế mạch *Phù doãn* là ho háng có kỳ. Năm tạng có chứng ho đều thấy của nó.

Đại phạm mạch đi *Phù Khẩn* là người hư hàn. Mạch đi *Trầm Sát* là người thật nhiệt. Mạch đi *Hồng Hoạt* là người nhiều đờm. Mạch đi *Huyền Sát* là người thiếu máu.

Phạm những người coi bộ tuy khỏe mạnh đấy, nhưng mạch đi *Vĩ Tế*, hơi thở ngắn không đủ để thở. Mạch đi *Trầm Tế Phục* đều là mạch nguy cả đó. Chỉ có những người mạch đi *Phù Đại* (to) mà ho là dễ chữa.

Nhưng cũng cần phải tham khảo chứng ở ngoài xét mạch ở bên trong mà cân nhắc thì mới đúng.

Thí dụ như : Bên ngoài thấy hình dung gầy ốm yếu, da thịt như là trút đi đâu hết, mà cứ phát nóng, ra mồ hôi nhiều, tiết tả luôn luôn. Trong thì mạch đi *Trầm*, mà đi nhanh rất có thể nguy đến tính mệnh.

霍亂吐瀉

HỎÁC LOẠN THỔ TẢ

Chứng đau bụng hoắc loạn, mạch ở bộ *Quan* về tay bên hữu đi *Hoạt*, đau bụng rối rít, rối thổ tả, hễ thấy mạch *Hoạt Đại* là tốt, mạch *Vĩ* hoặc *Sát*, mạch *Đại* mạch *Phục* nguy hiểm. Bởi vì nhiệt quá thì mạch đi *Hồng*, *Hoạt*.

Nếu đi *Huyền Hoạt* là tại ăn uống.

Lời trong mạch quyết nói rằng : Chứng đau bụng hoặc loạn mà mạch đi *Vi* đi *Tri* hơi ngắn quá không nói ra lời được, rất khó chữa. Mạch *Huyền* thì cũng nguy.

Chỉ duy có mạch *Hồng*, mạch *Hoạt* ấy là bởi nóng, bởi ăn thì còn khá. Mạch đi *Huyền* đi *Hoạt* là người bị tức thực ăn vào không tiêu tan được, hoặc là đình trệ đờm ẩm nên ẩm làm thắm thổ thì chóng khỏi.

心痛脉

TÂM THỐNG MẠCH

Mạch chứng đau trái tim, nếu là dương thì mạch *Vi*, mà âm thì mạch *Huyền*, đau quá thì mạch *Phục*.

Nhưng nếu mạch *Đoản* hay là *Súc Khẩn Thật* thì khó chữa.

Đau trái tim bởi Đờm tích thì mạch đi *Hoạt* và *Thật*.

Đau trái tim, đau chẳng ra lưng thì mạch *Vi* mà lại *Đại*.

Thốn bộ *Trầm* mà *Tri*, Quan bộ *Khẩn* mà *Súc* là người đoản khí khó thở thường đau chói lồng ngực.

腹痛脉

PHÚC THỐNG MẠCH

心腹痛脉沉细是福

TÂM PHÚC THỐNG MẠCH TRẦM TẾ NHỊ PHÚC

浮大弦長命不可復

PHỤ ĐẠI HUYỀN TRÀNG MỆNH BẤT KHẢ PHỤC

Chứng đau tâm phúc mạch đi *Trầm Tế*, *Khẩn* cấp bụng đau chói chói : mạch *khẩn thật*, rốn cùng bụng dưới đau, đi lợi

được con dê chữa, nước bằng bộ Xích mạch Phục quận đau là chứng sán, chứng hà. Đại phạm chứng đau bụng mạch đi *Trầm Tế* là phúc đức lắm rồi, hệ mạch *Phù Đại (to) Huyền, Tràng*, tính mệnh có thể nguy cơ.

瘧疾脈 NGƯỢC TẬT MẠCH

Chứng sốt rét báng tích, nóng nhiều thì mạch đi *Huyền Sắc*. Rét nhiều thì mạch đi *Huyền Trì*, Hư lý khuyết Phạp mạch *Huyền Vi*. Nhưng báng tích sốt rét lâu ngày, Hư cực mạnh *Vi*. Nếu thấy mạch đi *Huyền Trì* thì nên làm ôn, mạch đi *Huyền Khẩn* thì nên phát hàn. Chứng này cần phải kiêng cử, ăn uống phải có tiết độ, nghỉ ngơi mà vệ sinh giữ gìn tốt mới khỏi.

痢疾脈 LỊ TẬT MẠCH

Mạch chứng lị phần nhiều là *Hoạt*, hệ ấn tay nặng thì *Hư Tuyết*, Xích bộ mạch *Vi* là không có âm chứng. Mạch đi *Sắc* mà thiếu máu.

Đại phạm mạch chứng lị hệ thấy mạch đi *Trầm Tế* là may, sống, hệ thấy *Huyền Hồng* là nguy, chết.

Người bị chứng tràng tích phát ra hạ lị, dẫu nói rằng : rất kiêng lý người mình nóng, nhưng mà lạnh quá cũng chẳng hay gì.

痞滿脈 BỈ MÃN MẠCH

Chứng *Bỉ mãn* hệ vì dờm vì hỏa thì mạch đi *Hoạt, Đại (to)* lỏng ngực đầy ứ là dờm hỏa.

mạch *Hư*, vì *Dòm* thì mạch *Huyền*, *Hoạt*, bởi chứng ú huyết thì mạch *Khâu* mà *Sắc* bị *Hỏa* tà thì mạch *Sắc*, mạch *Đại* (to).

Trước hết phải nên lý khí và trị đờm. Rồi tùy theo chứng mà điều trị.

頭痛脈

ĐẦU THÔNG MẠCH

Chứng nhức đầu (đau đầu) nếu là dương chứng thì mạch đi *Huyền*, bởi vì *Phong* thì *Phù*, bởi *Hàn* thì mạch *Khẩn*, vì nóng thì mạch *Hồng*, *Sắc*, tại vì thấp thì mạch *Tế* mà rắn chắc.

Người vì chứng khí hư mà nhức đầu mạch đi *Huyền*, đới *Sắc*, chứng đờm quyết thì mạch *Hoạt*, *Thận* quyết thì kiên *Thật*.

Sách *Thương hàn* ở lục kinh hình chứng có câu cơ quyết rằng :

"Nhức đầu mạch *Doãn Sắc* nguy,

Phù Hoạt dễ chữa phong tuy hiểm nghèo"

眼痛脈

NHÃN THÔNG MẠCH

Chứng đau mắt phần nhiều là tại hỏa, bộ *Thốn* bên tả mạch *Hồng* mạch *Sắc* là bởi *Tâm* hỏa nóng quá đưa lên.

Quan bộ mạch *Huyền* mà *Hồng* là hỏa thịnh đó, tay bên hữu bộ *Thốn* bộ *Quan* đều *Huyền* *Hồng* là bởi vì *Can* mộc nó hiệp cái thể của tướng *Hỏa*, chứng nó lại nhờ phế kim không thắng nổi, mà khiến chế cái nó đã thắng *Tỳ* thổ vậy.

耳病脉

NHĨ BỆNH MẠCH

Tai kêu tai đau, tai điếc phần nhiều là vì thận hư mạch đi *Trĩ* mà dờ *Nhu*.

Nếu vì Phong mà đau, thì mạch *Phủ đại*, vì hỏa thì tai bên tả bộ Thốn mạch đi *Hồng Sác* là tại tâm hỏa viêm chung đó.

Hai tay bộ Xích đều *Hồng Sác* là tại tướng hỏa, người ấy sẽ có thể mộng tinh, rồi phát ra tai kêu, tai điếc.

Mạch đi *Trầm Sác* là tại khí ngưng trệ, mạch đi *Sác Thật* là tại nhiệt quá. Đại khái điếc là bởi Thận.

Đau dữ thì mạch *Phủ*, *Hồng*. Hai bộ Xích đều *Sác* là bởi âm hư hỏa thịnh vậy.

鼻病脉

TỊ BỆNH MẠCH

Bộ Thốn bên tay hữu mạch đi *Hồng Sác* là người mũi đỏ, người ra máu cam (máu ra màng mũi).

Bộ Thốn bên tả mạch đi *Phủ*, *Hoãn* là chứng hắt hơi xổ mũi, mũi chảy nước trong đó là bởi tại gió, lạnh làm nên bệnh xổ mũi.

口舌病脉

KHẨU THIỆT BỆNH MẠCH

Lưỡi sưng đau, miệng lở loét, mạch đi *Hồng*, *Sác* đi nhanh tạt tốc. Nếu thấy mạch *Hư* là trung khí không đủ.

Sách Nội kinh nói rằng : Mạch bên tay tả Thốn bộ *Hồng*, *Sắc* là bởi trái tim nóng quá. Tay hữu thốn bộ : Phủ *Sắc* là phổi nóng Tả Quan mạch đi *Huyền Sắc mà Hư*; là bởi Đám hư quá rồi, mạch đi *Hồng Thật* là bởi Gan nóng, tay bên hữu : bộ Quan mà *Trầm Thật* là bởi Tỳ Vị có thật nhiệt. Kiểm *Hồng Sắc* là người bị lở miệng, hoặc lưỡi to gấp đôi, như hai lưỡi chồng lên nhau, hoặc cứng ngay như cây gỗ, mộc thiết trùng thiết.

Còn những người trung khí không đủ thì mạch đi *Hư*.

齒痛脈 XỈ THỐNG MẠCH

Chứng lung lay răng, đau răng, phần nhiều là bởi thận hư, mạch bộ Xích đi *Nhu* mà *Đại* (to). Hỏa đưa lên dữ, thì bộ Xích mạch đi *Hồng*; Người bị răng lung lay hoặc rông chân răng có bề hư hoại thì hai bộ Thốn Quan bên hữu đều *Sắc* hoặc là *Hồng*, *Huyền*, đó bởi dạ dày và ruột, trong có bởi gió với khí nóng mà đau. Cứ xem Xích bộ *Hồng Đại* mà đối *Hư* là Thận hư.

Răng tự nhiên phát đau rồi lung lay khùng khiêng, hoặc rụng ra là bởi tương hỏa bốc nóng đưa lên. Bộ Thốn tay hữu và bộ Quan *Hồng Sắc* là có chứng phong nhiệt rồi.

風痛脈 THỐNG PHONG MẠCH

Chứng đau phong mạch đi *Huyền Trầm*. Can Thận bị thấp mạch *Phủ Nhược*. Vì chứng Phong huyết đau dữ : mạch đi *Sac*

mà nhỏ. Người say rượu ra mồ hôi nhiều rồi đi hứng gió mát, mạch đi *Phù Sác* đau khắp các đốt xương.

Người bị phong đau xương, mạch *Huyền Trầm*. Người uống rượu vào rồi tắm, nước tắm làm hại tim, đau hết các đốt xương, mạch đi *Huyền Nhược*.

Đại khái *Phù* là đau phong, *Nhược* là không đủ, phong với huyết xô xát nhau, mạch *Sác đoản tiểu*.

風 痺 脉

PHONG LÝ MẠCH

Chứng Phong tý, tê bại, tê liệt. Phần nhiều bệnh này thường hợp cả Phong hàn thấp, khí hợp lại mà làm ra chứng tê, mạch đi *Phù Sác mà Khẩn*.

Chứng tê bại mà bất nhân, mạch đi *Phù Hoãn* là thuộc Thấp.

Đau nhức tê bại thuộc Hàn, mạch đi *Phù Khẩn*.

Người tê bại thịt da như cây gỗ, nhéo cũng không biết đau là chứng tử huyết, mạch *Sác mà Khâu*.

Người bị khí hư tê ở nửa mình bên trên, mạch đi *Phù Nhu*.

班 疹 脉

BAN CHẨN MẠCH

Chứng ban chẩn theo ông Hoạt-Bá-Nhân nói rằng Mạch lạc người ta, ấy là làn sóng của khí huyết, một khi khí nóng phát ra trái ban, bởi vì huyết nó lưu tán ra ở da thịt, cho nên Hòa

Bộ Quan bên hữu *Huyền Trì* : là chứng *Phục lượng*, bởi vì Can thừa Tý hư sinh ra đờm dài khí uất. Nhưng mạch *Vị* thì trái với bên trên, mà mạch *Sắc* thì trái với ở dưới, ấy cũng là dương, khí huyết đều hư vậy.

Nói theo cách khác thì mạch *Vị* là khí suy, phát ra phiền buồn mạch *Sắc* thì thiếu huyết phần nhiều hay phát ra quyết lãnh (lạnh toát).

濕 氣 脈

THẤP KHÍ MẠCH

Chứng thấp khí mạch *Trầm*, hễ thấy *Trầm* mà lại *Trì*, là bị khí Hàn thấm nhập, Hễ thấy *Trầm* mà lại *Sắc* là hỏa nhiệt. Mạch đi *Trầm Hư* là chứng Hoạt thoát, mạch đi *Trầm Nhược* là bệnh Thử Thấp phần nhiều bệnh này ở về mùa hè.

Đại Phàm chứng này mạch đi *Vị* tiêu là tốt, là sống, mạch đi *Phù Huyền* có thể chết được. Người đã bị chứng này mà còn can phạm vào những ngũ lao thất thường cũng nguy hiểm đó.

吞 酸 脈

THÔN TOAN MẠCH

Chứng ợ ra nước chua, là bởi trong lồng ngực nóng mà có đờm, mạch đi *Huyền Hoạt*, hoặc có khi *Trầm Trì*, vì khi khí hư ăn uống nhiều những hoa trái, những đồ sống đồ lạnh ăn vào khó tiêu. Trong lồng ngực có nhiều đờm và nóng dữ, mạch đi *Hồng Sắc*, mỗi lúc thường ứa ra nước chua không khéo có thể nó như muốn làm ra chứng phiền vị (lộn mề).

黃疸脈 HOÀNG ĐẢN MẠCH

Năm chứng Hoàng đản :

1.- Nhân trong dạ dày sức nhiệt, hoặc nhân khát quá uống nước lạnh nhiều quá, hoặc đương lúc ra mồ hôi mà đi tắm nước lạnh hoặc bị dới quá, rồi ăn no quá. Hoặc vì khi đương say rượu nhập phòng, phát ra Hoàng đản mạch đi *Trầm*. 沉

2.- Khi trời nóng quá đi tắm nước lạnh, no say rượu nhiều quá rồi đi húng mát, chứng này phát ra Hoàng đản mạch đi *Phù*. 浮

3.- Người nghiện rượu phát ra Hoàng đản, mạch đi *Trầm* 沉 *Huyền* 弦 hoặc *Tế* 絀, lâu quá có thể sẽ thành ra hắc đản.

4.- Diệt dương mạch đi *Trì*, ăn không dám no, no nó bị tức ỳ ạch khó chịu. Mạch đi *Khẩn* 緊 *Sắc* 數 là bởi dạ dày nóng gọi là chứng Cốc đản.

Bộ Xích mạch *Phù* 浮 là Thận bị hại.

5.- Diệt dương mạch *Khẩn* là tý bị hại.

Đại phạm chứng Hoàng đản mà ở Thốn khẩu mạch không còn, miệng mũi môi đen, đều là chứng không thể chữa được nữa đâu.

水腫脈 THỦY THŨNG MẠCH

Chứng phù thũng cần phải phân biệt âm hay dương chứng.

Như âm chứng tất nhiên mạch đi *Trầm, Trì, Sắc* người xanh nhợt, hay trắng bệch, không khát nước, mà đi tả luôn. Tiểu tiện nước trong mà khó đi.

Dương chứng thì mạch đi *Trầm Sắc, Sắc* người vàng vàng hoặc hơi đỏ. Đại tiện táo bón, nước tiểu đỏ mà có khát.

Đại phạm dương chứng mạch dương, âm chứng mạch âm nhưng nếu mạch đi *Trầm Tế* thì thủy tà càng thịnh mà không thể chế nổi.

Mạch đi *Phù Đại* thì tâm hỏa sinh thổ, là thủy tà khá chế được vậy.

Mạch quyết rằng : Chứng *Phù* thũng mạch đi *Trầm Tế* thì khó sống được.

Những người thủy thũng mà mạch đi *Phù Đại* thì không việc gì.

脹滿脉

TRƯỚNG MÃN MẠCH

(To bụng, đầy ách)

Chứng Trướng đầy lấy Quan bộ làm chủ. Tỳ bị chế ở Can : mạch đi *Huyền*. Nhiệt trướng thì mạch đi *Hồng, Sắc*.

Chứng trướng mãn bởi âm hàn, mạch *Trì*. *Nhiược*, chứng *Hư* trướng thì mạch *Phù*.

Ở trong có *Thật* trướng mạch đi *Khiển*.

Đại phạm mạch đi *Phù, Đại* thì sống; mạch *Hư* mà nhỏ xíu là chứng nguy cấp.

遺精白濁脉

DI TINH BẠCH TRỌC MẠCH

Chứng đi dái đục, hay là chứng đi tinh cần nghiệm ở bộ Xích mạch, hề thấy mạch *Kết*, *Khâu*, *Động*, *Khẩn*, là đích thị bị hai chứng đó rồi. Mạch *Vi*, mạch *Sắc* là người bị tinh hại, mạch *Hồng Sắc* là bị Hỏa bức, cũng có khi vì tâm hư thì *Thốn* bộ *Doãn Tiểu*.

ạch *Hư Phù* mà đi nhanh quá, lúc thường rí tinh ra luôn, người ấy sẽ chết. Đại phạm chứng Di tinh Bạch trọc, hề mạch đi *Trì* chậm chậm thông thả là sống. Nếu mạch cấp bách *Doãn Tiểu Khẩn Kết* là chứng chết.

腰痛脉

YÊU THỐNG MẠCH

Chứng đau lưng mạch bộ Xích *Trầm* là bởi khí trệ.

Thận nguyên hư tổn mạch *Huyền*, *Đại* (to). Phong hàn làm mạch đi *Phù Khẩn*. Phong Thấp làm bại đau lưng mạch đi *Nhu*, *Tế*. Người bị ngã vấp hay bị đánh đập, bị vật nặng đè nên mạch đi *Thật*. Người bị ứ huyết mạch đi *Sắc*. Vì đờm hỏa làm ra đau lưng mạch đi *Hoạt*.

Đại phạm chứng đau lưng mạch đi *Trầm Trì Hoạt* thì dễ chữa.

疝氣脉

SÁN KHÍ MẠCH

Chứng Sán khí gốc bệnh của nó là ở Can kinh.

Mạch *Huyền* thì Vệ khí không lưu hành được, mà phát chứng sợ lạnh.

Mạch *Khẩn* cấp thì không muốn ăn uống. Kiểm cả *Huyền Khẩn* thời là Hàn sán.

Điệt dương mạch *Phù* là Hư phong, *Trì* là sán, ba kinh dương mạch cấp là chứng Hà, 3 kinh âm mạch cấp là chứng Sán. Mạch tim, mạch dạ dày đi *Hoạt* là tam bệnh phong sán, thiếu dương mạch *Phù* can phong sán. Đại phạm chứng Sán khí mạch đi bền chặt Lao cấp là sống. Mạch đi *Nhuộc Tiểu* yếu ớt là chứng chết.

脚氣症脉 CƯỚC KHÍ CHỨNG MẠCH

Chứng cước khí : vì tại phong thì mạch *Phù Huyền*.

Bởi tại thấp thì mạch đi *Nhu*

Bởi tại Hàn thì mạch đi *Trì*

Bởi tại nóng thì mạch đi *Sác* và *Hông*.

Bởi tại giãn dữ nóng nảy thì mạch *Khẩn*.

Người lo lắng ưu tư uất kết thì mạch *Tán*.

Người vì thương xót đau thương thì mạch *Tế*.

Tại khí nó công kích thì mạch *Kế*.

Đại phạm hai bộ xích mạch không ứng nhau thì khó chữa lắm, nhất là ở Thốn Khẩu, mạch đi không thường là chứng bất trị.

消渴脉 TIÊU KHÁT MẠCH

Chứng tiêu khát là bởi can bệnh. Tâm bệnh mạch *Hoạt* mà *Vị*, hoặc *Khẩn Hồng Sắc* là bởi dương thịnh âm suy.

Huyết hư phát ra Tiêu khát thì mạch *Nhu, Tán*.

Vì Lao thương phát ra. Tiêu khát thì mạch *Phù Trì*.

Đại phạm : *Doãn, Phù* là vệ hư, vinh kiệt cho nên khó chữa.

Sắc, Đại là hỏa đốt lên, cũng không chữa được.

Nhưng ông Vương Thúc Hòa lại nói rằng : Tiêu khát mà mạch đi *Sắc Đại* chưa sao đâu, chỉ có mạch *Hư* mà đi nhỏ xú mới đáng lo.

Vì rằng khi mới phát mà mạch *Sắc Đại* mà không rắn chắc gì cho lắm, thì hỏa còn có thể chế phục nó được, lại như *Hư Tiêu* tức *Phù Doãn*, nếu chịu hết sức đem chí khí mà hội ý, thì cũng chẳng có gì là tương phản nhau đâu.

燥結脉 TÁO KẾT MẠCH

Chứng Táo kết mạch nó *Trầm Phục*. Nhiệt kết thì mạch đi *Trầm Sắc, Hư* : táo kết thì mạch đi *Trầm Trì*. Nếu là chứng phong làm ra táo kết thì Xích bộ tay hữu mạch đi *Phù phi* (nổi mà to).

Đại phạm chứng Táo kết mà những người già cả, hoặc là hư hao mà phát ra Táo kết, mạch đi như tiếng chim sè mổ ăn thóc, người ấy khó có thể chữa được nữa.

脇痛脉 HIẾP THÔNG MẠCH

• Chứng đau cạnh sườn hai tay mạch *Huyền* cả là bởi Can khí có thừa. Mạch bộ Gan đi nhanh mà ở dưới cạnh sườn hình như có vật gì chống lên, đau nhói, đau chằng cả đến bụng dưới có lúc tiểu tiện khó đi, có khi chóng mặt nhức đầu đau lưng, chân lạnh.

Đàn bà kinh nguyệt không có, hoặc là lúc có lúc không mạch đi *Trầm, Nhu, Sắc, Tán*, bởi tại uống nước nhiều quá, cho nên dờn dài dây ứ ngấm vào cơ thể, ngoài ruột, sờ tay vào thấy như rắn chắc, là bởi ứ huyết hoặc nhân ngưng, bị đánh đập sinh ra.

淋瀝脉 LÂM LỊCH MẠCH

Chứng đái sùng loét, đái đái buốt, đái són.

Thiếu âm mạch *Vị* là bởi Bàng quang khí bế. Đàn bà con gái mà phải chứng này là bởi trong âm hộ lở loét.

Đại phàm mạch *Đại* mạch *Thật* dễ chữa, mạch *Hư* mạch *Tế* mạch *Sắc* thì rất khó thay.

小便不通脉 TIỂU TIỆN BẤT THÔNG MẠCH

Tiểu tiện không thông lợi, là bởi Bàng quang nóng quá, Mạch *Sắc* thì tiểu tiện vàng đỏ, mạch *Khâu* thì tiểu tiện đỏ như máu. Không thông : mạch *Phủ* *Huyền* mà *Sắc*, khó đi quá, có khi thành lung tá Xích bộ mạch *Thật*.

小便不禁
TIỂU TIỆN BẤT CẤM

Đi tiểu không giữ được, hoặc chảy ra không biết, là bởi Tâm Tỳ lao thương mạch đi *Trầm Hoạt*.

Đi đái ra nước đỏ, là nóng mạch *Sắc*, đái ra nước trong là hàn mạch *Hư, Đại*.

五積脈
NGŨ TÍCH MẠCH

Mạch ngũ tích thuộc âm thì *Trầm*, *Phục sát* xương : *Trầm Phục* mà *Tế* thấy ở Thốn bộ là tích ở trong lồng ngực.

Mạch *Vĩ* thấy ở thốn khẩu tích ở Hâu, mạch *Vĩ* thấy ở Quan tích ở bên dưới rốn, thấy ở bên trên Quan bộ tích ở dưới trái Tim, thấy ở dưới Quan bộ tích ở Tiểu tràng.

Xích bộ mạch *Vĩ* tích ở khí sung. Đại phạm hễ thấy ở bên hữu thì tích cũng ở bên hữu. Mạch thấy ở bên tả thì tích ở bên tả, mạch cả 2 bên đều thấy tích ở trung ương. Can tích mạch *Huyền* mà *Tế Phế* tích mạch *Phù* mà nhỏ như lông.

Thận tích mạch *Trầm* mà đi nhanh như *Hoạt*. Tâm tích mạch *Trầm* mà *Khâu*, Tỳ tích mạch *Thật* mà *Tương* hễ ăn vào là thổ ra ngay.

Đại phạm mạch *Hư*, mạch *Nhược* là chứng chết. Mạch *Thật* đi mạnh mẽ thì không can chi có thể chữa được.

六聚脈 LỤC TỤ MẠCH

Ngũ tích lục tụ thì đại khái mạch nó cũng hầu giống nhau, sách Nạn kinh nói rằng : Mạch *Kết Vi* thì tích nhỏ, *Kết* lấm thì tích lấm.

Mạch *Phục* mạch *Kết* ấy là chứng tích tụ, mạch đi *Phù Kết*, là người có chứng Cá tật. Như là những chứng tích tụ mạch không đi *Kết*, *Phục*. Chứng Cá tật thì không có *Phù*, *Kết*. Người mạch không ứng như chứng bệnh của nó, ấy cũng là chứng khó chữa.

中毒脈 TRÚNG ĐỘC MẠCH

Người bị trúng độc : tất nhiên mạch đi *Hồng*, *Dại*, hề thấy mạch đi *Vi Tế* là chứng chết. Thốn và Xích bộ mạch đi *Khẩn Sắc* mạch chạy thẳng như chiếc thoa thì thô thẳng ra, đó là trúng độc của cổ độc rồi, cấp cứu may ra chữa được, chậm độc ngấm vào thì nguy.

喘急脈 XUYỀN CẤP MẠCH

Chứng xuyên chi vì Phế trương thủy đình, khí nó đưa ngực lên đẩy ngực, mạch đi *Trầm Phục* mà *Thật Hoạt*.

Đại phạm chứng xuyên chân tay mình ăm, mạch tĩnh mạch *Hoạt* là sống. Mình lạnh mồ hôi ra nhiều như dầu, mạch đi *Phù Sắc* là những chứng chết.

嘈 雜 脉 TÀO TẠP MẠCH

Chứng lợm giọng, tởm lờm, ợ hơi chua. Hễ Thốn Quan bộ về tay bên hữu mạch đi *Khẩn* mà *Hoạt* là còn bình thường. Riêng bộ Quan bên tay hữu mạch *Huyền* đi nhanh là như nó muốn làm ra chứng Phiến vị (lộn mễ) thì khó chữa.

Nếu như Thốn bộ mạch đi như ngang; ngang là có hoành tích đó.

Đại phạm chứng tởm lợm, Thốn Quan tay hữu mạch đi *Huyền* cấp thì khó chữa, hai tay Thốn bộ *Huyền Hoạt* là chứng đình tích vì sự ăn uống sinh ra.

嘔 吐 脉 ÂU THỔ MẠCH

Người ăn vào là ọạ thổ ra, mạch đi *Khẩn* tiểu là hàn có nhiều, mạch đi *Hoạt Sắc* là chứng đờm hỏa, mạch đi *Vĩ Sắc* là bởi huyết hư, làm cho trong lồng ngực lạnh đi ọạ thổ. Bộ

Quan mạch *Phù* là dạ dày khí hư, ọạ khan hay ợ chua lại không muốn ăn, lúc nào cũng hoảng hốt, sợ hãi là chứng chết. Mạch *Khâu* hơi *Khẩn* là bởi người ấy bị ứ huyết.

Đại phạm chứng ọạ thổ luôn luôn mạch đi *Khẩn Sắc* tiểu *Nhược* là nghịch, lại thêm chứng mồ hôi ra nhiều như dầu ấy là chứng chết.

顛 逆 脈

ÁCH NGHỊCH MẠCH

Chúng nắc cũng rất nguy hiểm. Mạch đi *Phù Hoãn* là tốt. Nếu mạch *Huyền cấp* thì nguy. Nếu thấy mạch *Kế* mạch *Đại* mạch *Xúc* mạch *Vị* là bởi khí gân quá thành ra suy hại.

Huyền cấp là *Mộc* khắc *Thổ* rồi, cho nên hễ thấy mạch *Huyền cấp* là nguy.

反 胃 脈

PHIÊN VI MẠCH

(lộn mề)

Người ta ăn vào rồi lại thổ (ói, mửa) ra, gọi là chứng lộn mề, hay là bởi khí nghẽn ở mạng ngực, ở *Hoành cách mô* dưới ngực trên bụng.

Bộ *Thốn* mạch *Khẩn*, ngực đầy ách không ăn được.

Xích bộ mạch *Sắc* là *Lộn mề*, mạch đi *Khẩn Khâu*, hoặc thêm *Tri* nữa là người dạ dày lạnh rồi.

Người thấy mạch *Huyền* là *Vi* hư. Quan bộ *Trầm Đại* là chứng đờm. Mạch đi *Phù Sắc* là bởi *Tỳ* yếu quá không xay được thức ăn cho tiêu tan, mạch *dấu* có khi ban sớm ăn đến chiều tối còn thổ ra, hoặc chiều tối ăn thì sáng mai thổ ra, mạch đi *Nhược Đại* là bởi khí hư, mạch đi *Sắc tiểu* là *Huyết* yếu.

Nếu thấy mạch *Sắc* mà *Trầm* ấy là bởi thất tình làm hại.

Đại phạm chứng *phiên vi* mạch đi *Huyền Sắc* là khó chữa.

瘧 瘧 脈 CHÍ KINH BỆNH MẠCH

Chứng *Chí* mạch đi ấn tay xuống hình như dấp điếm mãi lên, mà *Huyền* suốt trên dưới, hoặc đi *Trầm* hơi *Tế*, khi phát hãn rồi mạch đi cuộn cuộn như rắn bò, bụng to muốn giải.

Nếu mạch *Huyền Phục* thì chết.

癩 癩 脈 ĐIÊN GIẢN MẠCH

Chứng *Điên giản* : mạch thuộc dương thì *Phù Trùng*, mà âm chứng thì *Trầm Tế*. Mạch *Hư*, mạch *Huyền* là kinh tại phủ thì dễ chữa.

Mạch *Trầm Sác* nhập tạng thì khó chữa.

Ông Vương Thúc Hòa nói rằng : chứng bệnh *Điên cuồng* hoảng hốt mạch *Hoạt Đại* thì có thể chữa được, Quan bộ mạch đi *Trầm Tế* thì chưa nghe thấy ai cứu được.

邪 崇 脈 TÀ TÝ MẠCH

Mạch chứng *tà tý* thay đổi không thường, khi thì *Doãn*, lúc thì *Trường*, khi thì lớn lúc thì nhỏ *Xúc Kết* liên miên; đều bởi tại *Đàm* hóa làm ra, phần nhiều còn những chứng tương ứng *Độn* thì mạch *Khẩn* cùng với chứng tương ứng thì không sao. *Đại* phạm những chứng *Ma tà quý mị* thì mạch với bệnh hoàn toàn không ứng cả.

驚悸脈

KINH QUÝ MẠCH

(run sợ hãi hùng)

Thốn khẩu mạch *Dộng* mà *Nhược*, *Dộng* là giạt mình kinh sợ. Thốn khẩu mạch *Khẩn*, *DIỆT* dương mạch *Phù* là *Vị* khí hư là kinh quý.

Diệt dương mạch *Vị* mà *Phù* là *vị* khí hư, nếu như mạch *Vị* thì không ăn được. Đó là những mạch của bệnh khủng hoảng sợ hãi, cũng bởi vì lo lắng bức bách quá lắm vậy.

喉痺脈

HẦU TÝ MẠCH

Mạch chứng yết hầu sưng đau, nơi cổ họng. Hai bộ Thốn đều thấy mạch *Hồng* dâng lên, bởi vì thượng thịnh hạ hư, tối kỵ mạch *Vị* mạch *Phục*.

Đại phạm chứng lên yết hầu hở thấy mạch *Hoạt* mạch *Thật* là sống. Nếu bị mạch *Vị* mạch *Phục* là chứng chết.

汗症脈

HÀN CHỨNG MẠCH

Mồ hôi người ta là nước dư trong người phát ra, bất cứ đàn ông hay đàn bà mà thấy mạch *Hư* mạch *Nhược* mạch *Vị* mạch *Tế* : là tất nhiên sẽ ra chứng mồ hôi trộm. Những mạch ra mồ hôi trộm là ở *Xích* bộ. Nếu ở Thốn bộ là tự hàn, (tự ra mồ hôi).

Đại phạm chứng ra mồ hôi là mạch *Phù* mạch *Hư*, hoặc *Nhu* hoặc *Sắc*.

痿 病 脉 NUY BỆNH MẠCH

Nuy là chứng bệnh liệt lào, gân thịt mềm nhũn không cử động được, cũng bởi Phế Táo cho nên mạch đi *Phủ*, *Nhược* hoặc ở Thốn khẩu nếu có mạch *Trầm* là bởi thấy thuốc đã làm phát hân nhâm rồi. Chứng này chân mềm cũng có khi đau, nên xem bộ Xích mạch *Hoạt Hồng hoãn*, hoặc *Trầm* mà *Nhược*.

Sách nội kinh nói rằng : Chứng Nuy mà mạch *Phủ* *Nhược* thì người đó muốn ho cũng không ho được, nếu có được cũng chỉ ra dài bởi vì Phổi nó khô, tiểu tiện không thông, Thốn khẩu mạch không có nữa.

Tiểu tiện thường khó đi, mà đại tiện đi ra như dưa nát như mỡ lợn, đều là bởi đã nhâm làm phát hân không đúng lúc, cho nên tân dịch, nước máu trong mình khô cạn đi đến nỗi Phổi phải khô ráo vậy.

厥 症 脉 QUYẾT CHỨNG MẠCH

Thốn khẩu mạch *Trầm Đại* mà lại *Hoạt* môi xanh, mình lạnh toát, bất tỉnh nhân sự, đó là chứng đã nhập tạng không khéo có thể chết ngay mất. Giả như mình còn ôn hòa, mồ hôi ra được, đó là chứng ở *Phủ*, sau có thể chữa được. Quyết có nhiều chứng : mạch đi *Trầm Tế* là *Hàn*, mạch đi *Trầm Phục* mà lại *Sác* là vì nóng nó làm hại, mạch *Nhu* là khí chứng, mạch *Phủ Thật* là lại tại đờm làm hại, khí *Hư* thì mạch *Nhược* mạch *Vĩ*, mạch *Đại* thì là huyết bí.

Đại phạm Thốn bộ *Đại Trầm Hoạt* mình lạnh cũng rất khó chữa đó.

諸 蟲 脈

CHƯ TRÙNG MẠCH

Bộ Xích mạch *Trầm* mà *Hoạt*, ấy là sợ rằng trùng làm hại.

Đại phạm mạch về các chứng trùng : bộ Xích mạch *Trầm Hoạt* người ấy chắc có chứng *Bạch thốn trùng* (chứng xán sơ mít), mạch đi *Hồng Đại* người ấy có giun, mạch đi khản cấp khó chữa lắm. Mạch đi *Hư* mà nhỏ thì không có hại gì mấy.

求 嗣 脈

CẦU TỰ MẠCH

Mạch Cầu tự phải chăm chú vào ở Xích bộ : bộ Xích bên hữu vượng hơn thì người ấy Hỏa động hiếu sắc, đa dâm, nhiều tình dục. Bộ Xích bên tả vượng hơn thì người ấy âm hư, thiếu đức, hiếm con, chỉ duy có người hai tay đều thấy *Trầm Hoạt* thì người ấy đông con dễ sinh, dễ nhiều, dễ nuôi. Người thấy mạch *Vĩ* mạch *Sắc* là tinh khí loãng, nếu lại kiêm cả *Trì* nữa thì là tinh lạnh. Nếu người chỉ thấy mạch *Vĩ* mạch *Nhu* thì lúc nhập phòng không có sức.

Người có mạch *Trầm Hoạt* cả hai tai thì không cần phải uống thuốc vội, có khi vì thuốc làm cho nóng ráo cả tinh huyết, chỉ cần cho người nào hỏa vượng thì giáng bớt hỏa đi.

Âm hư thì bổ âm lên, nếu cả hai tay đều thấy mạch *Li* thì phải bổ cả âm dương mới tốt. Người tinh lạnh thì làm thuốc cho ấm tinh lên, như là ôn tinh tráng dương, tinh loãng thì dùng thuốc ấm lên như là bổ tỳ bổ tinh.

Tinh huyết bắn vào tử cung không được mạnh, thì nên bổ khí cường tinh. Người đàn bà muốn cầu tự phải cần điều kinh, khí huyết tốt không ốm đau nhất là tối kỵ chứng đau bụng. Người bộ Xích mạch đi *Vĩ sắc* là người không có con.

老人脈
LÃO NHÂN MẠCH

(8 x 8 = 64)

Các ông già khi tuổi đã đến tám sáu mươi tư (8 x 8 = 64) tuổi rồi thì bộ xích cần phải có mạch vượng.

Các bà già khi tuổi đã đến bảy bảy bốn mươi chín (7 x 7 = 49) thì cần phải Thốn bộ mạch vượng.

Người tuổi đã cao thường thường chỉ quý có mạch *Tế Nhu Sắc*.

Nhu : là khí đã hơi hư thật, nhưng già thì phải thế mới thuận.

Sắc : là huyết đã kém thật, nhưng già thì phải thế mới thuận.

Người thường có 3 mạch *Tế nhu Sắc* là người thọ khảo an khang, Người già mà mạch đi *Huyền Khẩn Hồng* là người lắm tật bệnh.

Người thấy mạch *Hoạt Đại* (to) là người khí hư mà lại có đờm. Người thấy mạch *Khẩn* là vì nóng gió ở ngoài làm hại.

婦人處女脈

PHÉP CHẨN MẠCH ĐÀN BÀ, CON GÁI

Trước và sau khi có kinh nguyệt mạch mềm như thường,

Thốn bộ, quan bộ, dẫu điều, Xích bộ ăng là phát chừng đau ruột. Nếu mạch *Trầm Hoãn* là hạ bộ yếu, nên để phòng kinh nguyệt sẽ ra nhiều.

Nếu mạch đi *Vi*, đi *Hư*, là kinh không thông,

Mạch *Vi Trì Sắc* là kinh nguyệt ba tháng một lần.

Mạch bộ quan phục, bộ Thốn lại *Phù*, là trong tâm có điều uất ức.

Mạch đi *Trầm Kết*, tâm sự không được thỏa mãn. Nhiều tâm sự uất ức không thể nói ra được.

Thốn bộ mạch *Phù* mà *Nhuộc* : sinh ra phiền khát, bởi vì nóng nhiều ra lắm mồ hôi, Thốn bộ *Hồng Sắc Hư*, hỏa Động.

Thần toan khí trất; mạch đi *Phù Sắc*, mạch đi *Phù Khẩn* dày bụng đau bụng.

Bãng trung⁽¹⁾, Đới hạn⁽²⁾ mạch đi *Phù Động Hư Trí* thì mới là mạch tốt. Nếu đi *Thật Sắc* là xấu.

Mạch đi hoạt *Sắc* là chứng Khí lâm, âm sang. Mạch huyền âm thốn nặng quá đến nổi xoắn ruột ra ngoài.

姓 娠 脈

MẠCH ĐÀN BÀ KHÍ ĐƯƠNG CÓ THAI.

Thốn bộ mạch *Vi*; hơi thở năm lần, mạch chạy ba bộ bình thường, ấn cũng không thôi.

Có mang ba tháng tức là âm xát ở dương, khí suy huyết vượng.

Khát mà mạch *Trĩ* thai trong có hại.

Khi 6, 7 tháng mạch càn *Tràng*, *Thật*, chẳng may mạch *Trầm* mà *Trĩ* hoặc *Sắc* nên đề phòng sự trụy thai. Sốt rét mạch *Huyền* nên làm cho ấm tử cung.

Tám tháng mạch *Huyền*, *Thật*, *Trầm*, *Tế* chẳng phải là tốt. Thiếu âm kinh, mạch *Vi Khẩn* hai tai hại một.

Vi lao lực quá độ, hoặc kinh hoàng, hay ngã vấp, thai huyết khó giữ được, có khi xung quanh tâm phát đau, phát phiền, mà sắc thái thấy xanh xao là chết.

Gần đủ tháng rồi, mà thấy mạch loạn xạ là tốt.

臨 產 脈

Người có thai khi đến lúc sắp sanh con, tên mạch gọi là *ly kinh*, hề thấy mạch *Trầm*, *Tế*, *Hoạt* là lúc sắp sanh đến nơi rồi.

(1) *Bãng trung* : người đàn bà ra huyết nhiều

(2) *Đới hạn* : người đàn bà con gái ra huyết bạch (rét trắng)

Trái lại mạch đi *Phù*, *Đại* là người khó đẻ.

Nếu còn sốt rét luôn luôn, ấy là dấu không tốt, nên xem ngay nhan sắc tinh thần, da mặt, lưỡi và môi, thiết kỵ đen cùng xanh. Nếu mặt đỏ quá có khi mẹ không can gì, nhưng con đẻ ra có thể chết.

Nếu thai còn ở trong bụng mẹ không sanh đẻ ra được, thì chỉ còn cách uống thuốc thôi sanh, hoặc phải mổ ngay để lấy con ra, mới cứu nổi mẹ.

婦人產後脉

PHỤ NHÂN SẢN HẬU

Mạch đi *HOÃN* hoặc *Trầm*, *Tế* là tốt. Nếu trái lại mạch đi *Thật*, *Đại*, *Huyền*, *Cách*, *Sắc* là người tỳ vị điều hoà.

Nếu phải mạch *Thật*, *Đại*, *Huyền*, *Cách* là một khắc thối.

Người sản hậu khí huyết đều hư, mà có mạch *Trầm*, *Tế* là tốt. Vì như thế mới thuận.

癰疽脉

UNG THƯ MẠCH PHÁP

Phép chẩn mạch chứng ung thư mụn nhọt : Mạch *Phù Sắc* mà đới *Huyền* đáng lý ra thì bệnh nó phát nóng, mà lại sợ la, lồng ngực phiền buồn, biết có chỗ đau, đó là chứng thuộc dương thì dễ chữa. Trái lại nếu mạch *Trầm*, *Vị*, không biết chỗ đau, là thuộc âm, khó chữa đấy.

Khi chưa vỡ hoặc đã vỡ, thì mạch *Hư*, *Nhu*, *Nhược*, *Trì*, *Sắc*, *Khâu*, *Vị* đều nên bỏ ích và có ý thác lý tiêu độc.

Nếu được mạch *Trùng*, *Hoãn* thì dễ chữa, bởi vì Vị khí còn thịnh vậy.

成童脉法 THÀNH ĐỒNG MẠCH PHÁP

Trẻ con từ một tuổi cho đến 6 tuổi, gọi là "anh hài" thì chỉ xem được mạch Tam Quan Hổ Khẩu. 嬰孩

Bảy tuổi cho đến Tám tuổi gọi là "sán" 齠 (vừa mọc răng già).

Chín tuổi đến 10 tuổi thì gọi là "điều", 韶 bảy giờ mới dùng 1 ngón tay lần mà xem cả ba bộ.

Mỗi một hơi thở của mình, mà mạch nó chạy đến 7, 8 lần, là bình thường, không có bệnh.

Từ 10 cho đến 12 tuổi gọi là 童串 "đồng quán" nghe hơi thở của mình, mà mạch nó đi 5, 6 lần là bình thường.

Nếu thấy mạch *Phù Sác* là chứng ngũ tạng giạt mình kinh sợ.

Mạch *Hư*, Mạch *Nhu* là chứng mà kinh, chứng co duỗi chân tay vào ra hoài, nếu thấy mạch, *Khẩn*, *Thật* là chứng phong *giản*. *Trầm Huyền* là chứng Thực tích. Mạch *Phục Kết* là chứng ngộ ăn.

Nhuễn Nhược là chứng Cam giun.

Ngoài ra những mạch *Phù*, *Trầm*, *Tri*, *Sác* cũng theo như người lớn, mạch trẻ con tối kỵ là mạch *Xúc*, *Kết*, *Dại*, *Tán* là những mạch không tối đối với trẻ con.

傷寒脈

THƯƠNG HÀN MẠCH PHÁP

Chứng thương hàn nếu mạch đi *Phủ, Khẩn, Đại, Sác, Hoạt Động* đều là dương mạch.

Âm bệnh mà thấy mạch dương là tốt có thể sống.

Mạch đi *Trầm, sác, Huyền, Vi, Nhược*, đều là thuộc âm.

Dương bệnh mà thấy âm mạch nguy nan, có khi đến chết.

陰陽交護玄微

ÂM DƯƠNG GIAO HỔ RẤT HUYỀN VI PHỦ TRUNG TRÂM Ý TỬ PHÉP MẠCH CẦN PHẢI SUY NGHĨ

Mạch âm, mạch dương đều có 5 thứ, đó là mạch theo "ngũ hành tương sinh".

Tà ở ngoài thì thấy dương mạch.

T. ở trong thì thấy âm mạch.

Sách **活人書** (Hoạt-nhân Thư) nói rằng : "Mạch tạp bệnh cùng với mạch thương hàn có khác nhau ít nhiều, nhưng kỳ thực cùng như thế cả đó thôi, vì rằng trong thương hàn cũng có tạp bệnh, mà trong tạp bệnh cũng có thương hàn kia mà".

Sách **百症** (Bách chứng) nói theo phân lượng bao quát, mà ông Đan-Khê thì phát minh ý nghĩa huyền vi hơn. Những người muốn học mạch cho đích đáng, thì nên theo cụ Trương-Trọng

và cụ Vương Thúc Hoà mạch kinh còn hơn nhất là không nên câu nệ như mạch quyết của ông Cao Dương Sinh quá cầu kỳ thành ra viển vông.

Chữ chứng theo thương hàn trước hết phải phân biệt ở Nhân nghinh từ nó truyền biến làm sao ? đoạn mới xét đến các kinh nó được. Hai bộ Xích Thốn đều *phù* là biểu chứng thuộc Thái dương kinh.

Phù mà *Khẩn Sắc* chính là chứng thương hàn. Mạch *Phù* mà *sắc* phát ra nóng không ít đâu !

Bộ Thốn bộ Xích đều *phù* : ấn nặng tay thì thấy có thần có lực, người ấy có thể làm phát hàn được.

Nếu mạch *Trì* thì không nên phát hàn. Nếu *phù* mà *Hoãn* ấy là người bị chứng Thương phong, thì chỉ nên giải biểu chứ không nên làm phát hàn.

Phù mà *Đại*, ấn tay nặng lại có sức là nóng, *Phù* mà *Tràng*, *Đại* là chứng Thái dương hợp với dương minh kinh nữa.

Phù mà *Huyền*, *Đại* là chứng Thiếu dương.

Xích Thốn bộ đều *Tràng* là chứng Dương minh.

Phù *Tràng* có lực là gồm cả 太陽 (Thái dương). Nếu mô hôi thì làm phát hàn được. Mạch *Tràng*, *Đại* lại có lực là chưa ra nóng lắm, thì nên làm giải cơ, tức là nên hoà giải.

Tràng sắc ấn lại có lực, là nóng khát. *Tràng*, *Thật*, *Hoạt*, *Đại* thì nên thông lợi.

Hai bộ Xích Thốn đều *Huyền* thì nên làm Hoà giải cho Thiếu dương.

Thương hàn mạch *Trầm* thì nên xét Lý hư hay thật.

Xích Thốn 2 hai bộ đều *Trầm Tế* đó là thuộc Thái âm
kinh.

太陰

Trầm Vi là thiếu âm.

Vi Hoàn là quyết âm.

PHÉP BÍ QUYẾT ĐỂ GIÁO NGHIỆM

Về hình dung, thể chất và sắc thái nhất là mạch quyết
của con người.

秘傳校驗法 BÍ TRUYỀN GIÁO NGHIỆM PHÁP

Thí dụ người ta tuy dương khỏe mạnh mà xem thấy mạch *Phù Khẩn* mà lại *Sắc y* như là mạch người bị chứng Thương hàn, bệnh Thái dương kinh, chính ra người ấy tuy chưa thấy gì là nhức đầu, phát nóng, khiếp gió lạnh mặc dầu, nhưng chẳng bao lâu sẽ phát ra bệnh, mà hệ bệnh là chết, đó gọi là chứng Hành thí.

行尸

Lại một phép chứng nghiệm nữa. (Xem mạch) người nào cứ 16 cái động lại lảng cách 1 cái, người ấy 1 năm sau sẽ chết, mặc dầu người ấy chưa có bệnh gì, hễ đến kỳ mắc bệnh là chết.

Một phép giáo nghiệm khác : người dương có bệnh mà thấy mạch như người khỏe, hoặc là hình dung gầy còm ốm yếu tình

thân khô ráo ra mồ hôi trộm, không ăn được mấy, hay ăn không biết mùi ngon, bị tiết tả không hết, đó là chứng lao tổn mà thấy mạch máu đi Hồng Hoạt kiện *Đại* người ấy rồi sẽ chết.

Sách nội kinh nói rằng : "Người được sắc hay được khỏe mạnh nghĩa là người béo tốt mặc dầu không được mạch tốt, người ấy cũng nguy".

Chỉ có những người : mạch sắc nó đều được là tương sinh cả, thì dầu có bệnh, rồi thì bệnh cũng tự hết, vì rằng đối với sắc thái bốn mùa bao giờ nó cũng theo cái lối tương sinh, hễ trước lại là thật tà, theo sau lại là hư tà.

Thí dụ như Tâm bệnh nóng, sắc đỏ, đờm hỏa, điên cuồng, ban chẩn mạch nó nên *Phù Đại* mà *Tán*.

Can bệnh sắc xanh ói khan, đau cạnh sườn, đại tiểu tiện ra huyết, những chứng này mạch nên *Huyền* mà *Cấp*.

Tỳ bệnh sắc vàng là chứng thấp nhiệt phát ra phù thũng, thổ tả, vì ăn uống hay là chứng quan cách, thì mạch nên trung bình Hoà *Hoãn* mà hơi to một chút.

Phế bệnh sắc trắng phát ra ho hắng xuyên đờm, thũng, hay nuy tụy, những chứng ấy thì mạch nên *Phù Sắc* mà *Đoãn*.

Thận bệnh sắc đen, sán khí trung hà, đau lưng mỏi gối, đi đại đục, trắng như nước gạo, hay là đại són đại rất, lâm lịch di tinh những chứng ấy thì mạch nên *Trầm Nhu* mà hơi *Hoạt* vì phần nhiều *hễ động* là Hư, là Hoà, hễ im lặng là Hàn là Thật.

Tất nhiên nếu được là thuận, thì nó phải có mạch với sắc với bệnh nó cùng tương ứng với nhau mới thuận.

太 衝 太 谿 衝 陽
THÁI XUNG, THÁI KHÊ, XUNG DƯƠNG

Nói về ba bộ động mạch của những huyết Thái xung, Thái Khê và Xung dương.

Khi người ta thấy 2 tay 6 bộ mạch đều mất hết cả rồi, trong lúc ấy không còn biết gì làm bằng cứ được nữa thì phải xem ba bộ động mạch này ở dưới chân vậy, đó là những huyết Thái xung, Thái Khê và Xung dương. Để ý xem trong ba động mạch này, nếu nó còn thì còn có thể sống được, nếu chẳng may mà thấy nó cũng cứ im lặng không động thì chết.

Huyết Thái xung thuộc can mạch ở hai ngón chân cái, mạch đi khoảng trên 2 tấc (theo tấc thước của người ta) trong có động mạch.

Huyết Thái Khê thuộc về mạch của Mệnh môn, động mạch ở bên trong mắt cá chân sau gần xương gót chân. Chân trong có động mạch chỗ lõm vào.

Đại phạm mọi bệnh; khi sáu bộ mạch tay đã mất hết rồi, thì phải xem mạch Thái xung, Thái Khê, hệ động mạch nó còn ứng vào tay thấy động thì người ấy chắc sống, nếu nó lặng thình bất động thì người ấy có lẽ cũng sẽ chết.

Nhược bằng người ấy bị chứng thương-hàn thì nên chẩn mạch ở nơi huyết Xung dương động mạch của nó ở nội đình mu bàn chân, trên 5 tấc (thước tấc theo đồng nhân xích) khoảng ở gần xương đó có động mạch. Bộ Vi của nó thuộc về túc Dương minh kinh : là dạ dày, hễ còn thấy động là vị khí còn

sống trái lại im như tờ giấy không động đây là không còn vị khí nữa sẽ chết. Ba mạch dầu không thể ví với 6 mạch ở tay nó thông 12 kinh lạc được. Song một khi mạch tay đã hết, thì cũng phải xem 3 bộ mạch này, có thể quyết đoán được sống chết.

校 檢 鬼 脉 方 法

PHÉP GIẢO NGHIỆM QUI MẠCH

Thí dụ đương mùa xuân mà thấy mạch nặng bằng ba hạt đậu trắng, hoặc là *Phù, Sắc, Doãn*, đó là mạch Phế khác Can.

Bệnh sẽ chết trong những ngày Canh, Tân, Thân, Dậu.

夏 見 冬 脉

HẠ KIẾN ĐÔNG MẠCH

Mùa hè mà thấy mạch mùa đông, bệnh sẽ chết trong những ngày Nhâm ngày Quý.

Đương ngày nghiêm Đông mà thấy mạch tứ quý, thì bệnh ấy sẽ chết trong những ngày Mậu, Kỷ, Thìn, Tuất.

秋 見 夏 脉

THU KIẾN HẠ MẠCH

Đương mùa thu mà thấy mạch mùa hè, bệnh ấy sẽ chết trong những ngày Bính, ngày Đinh, vì những ngày này là những ngày hình khắc.

Ngày cuối tháng hay là ngày cuối mùa hè mà thấy mạch mùa xuân, khác ở Giáp, Ất, Dậu, Mão.

肝 見 肺 脈
CAN KIẾN PHẾ MẠCH

Tạng khi ưa sở sinh, mà nó ghét sở khắc. Vì thế cho nên Can thấy mạch phổi thì chết về mùa thu, nặng ở ngày Canh, chết ngày Tân giờ thì Tân Dậu.

Tâm thấy mạch Thận chết ở mùa đông, nặng quá ra là ngày Mậu, chết ngày Tỵ, giờ thì Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Phổi mà thấy mạch Tim thì chết ở mùa hè, nặng ra ngày Bính, chết ngày Đinh, giờ thì Tỵ Ngọ.

Tỳ thấy mạch Can chết ở mùa xuân, nặng ra ngày Giáp, chết ngày Ất, giờ thì Dần Mão.

Phân nhận thuộc lòng

(Thể trạng 28 mạch tóm tắt có vần cho dễ nhớ)

Bộ nào ^{Mạch} thấy chạy làm sao ?
Đặt tay xem thấy ^{bệnh} mạch nào, nghiệm ra.

浮 Mạch Phù chạy nổi trong da

Nhẹ tay đã thấy hình ra lá hành

沉 Trầm thì ấn sát đã đành

Ấn nặng tay xuống càng rành rõ thêm

遲 Mạch Trì vừa chậm vừa êm

Mỗi hơi thở thấy dưới trên ba lần

數 Sắc nhanh hơn Trì bội phần.

Trì ba, Sắc sáu có lần còn hơn.

滑 Hoạt đi rỗng chạy ruột trơn

Hình hư chuỗi hạt qua luôn rõ ràng.

滑 Sắc ^{rút} dừ còm cọt gần sang

Như đao cạo vỏ tre ngang khó lòng.

大 Đại phù to quá mạch Hồng,
Nhưng khi ấn mạnh lại không lực gì.

緩 Hoãn di hoà hoãn tựa Trì,
Hoãn di bốn chuyển, Trì thì ba thôi.

洪 Hồng như nước lụt cuốn trôi,
Bên tay cuốn cuộn lôi sóng lùa.

實 Thật thì đầy đặn đong đưa,
Nhẹ tay hai nặng cũng khua dạt dào.

弦 Huyền găng cung thẳng giây sao,
(*Mởy nhẹ tay Tr.B.*)
(Nhẹ tay hay nặng) khác nào giây cung.

緊 Khẩn quay quần quần lạ lùng ?
Đầu giây uốn chuyển, sợi chùng xoắn ra.

長 Trằng dài quá bộ vị là,
Khấp Quan Thốn Xích cả ba đều dài.

乾 Khâu hai đầu có cả hai,
Rỗng như rau muống có ngoài không trong

*Nhách vì như Xâu Khô Hồng
ly ty, khi có, khi không chẳng tống*

細 TẾ đều nhỏ xiu nhưng thông.
Lớn hơn Vi chút lại không thất thường.

濡 NHU mềm yếu ớt lạ đường,
Nhẹ tay còn có, nặng thường như không.

弱 NHƯỢC càng yếu đuối lòng bóng,
Nặng còn hơi thấy, nhẹ không thấy gì.

虛 HU tuy rộng lớn thần kỳ,
Nhẹ tay thấy lớn, nặng thì biến đâu.

革 CÁCH như mặt trống da trâu,
Nhẹ tay hoặc nặng, mạch hầu thẳng băng.

動 ĐỘNG như hạt đậu phải chãng,
Lắc lư nguyên chỗ, lảng nhãng trước sau,

散 TÁN tan tản mác cũng rầu,
Lúc không lúc có chạm đầu ngón tay.

仗 PHỤC chìm sát cốt mới hay,
Âm dương bí trác mạch này cũng nguy.

絕 TUYỆT như tuyết dứt còn chi,
Day tay nặng nhẹ không khi nào còn.

短 ĐOẢN thì ngắn ngủi cón con,
Thốn chưa khắp thốn, xích còn được bao.

促

XÚC gần lui tới lao xao,

Chợt nhanh chợt chậm gắt gao lạ lùng.

結

KẾT thì nghẽn khó đi thông,

Tự nhiên ngừng lại lại không được bền.

代

ĐẠI (đổi) đi dít mỏng nhào mềm,

Một hai ba bốn (chục) nghỉ êm một lần.

Mạch xem cốt phải tinh thần.

Tinh vi diệu quyết dân dân nghiệm ra.

Biết Cứu người phúc dẫu hà sa,
Biết *phép xem mạch* để ta giúp đời.
Biết được sung sướng, để ta giúp người.

Phần nhận thuộc lòng

(Tóm tắt có vần cho dễ nhớ. Nghiệm những mạch nào nó sẽ phát ra bệnh gì).

浮

Mạch PHÙ Phong khí hại ngoài,
Mạch KHÂU huyết bại hại hoài bên trong,
Mạch HOẠT ăn uống không thông,
Phát ra đờm rãi, tiêu không dễ dàng.
Mạch THỰC bệnh phát nóng ran
Mạch HUYỀN hư nhược khô khan nước mầu.
Nhân nghinh mạch KHẨN phát đau,
Ngoại tà khí huyết sát nhau hoá thành.
Mạch HỒNG khí huyết cạnh tranh,
Sinh ra nóng nảy đốt quanh trong ngoài.
VI là tích tụ lại rai,
Khí kết dưới rốn, đau hoài liên miên
TRÂM nhân khí huyết kết huyền.
Cũng vì khí uất đau liên bên hông.

HOÀN là khí huyết không thông,
Thịt da tê bại, bẹo không biết gì.
Sắc là tinh huyết bại suy
Đàn ông tinh tiết, đàn bà không con.
TRÌ là âm lãnh dương non,
Mạch PHỤC quan cách không còn hồ nghi.
Mạch NHU khí huyết đã suy,
Mồ hôi như tắm có khi như dầu.
Già còn sợ hãi lo âu,
Hướng chi trai trẻ ngộ hầu cũng nguy
Tinh suy mạch NHƯỢC cũng kỳ,
Huyết hư nhức mỏi già thì khỏi lo.
Mạch TRÀNG huyết thịnh trời cho,
Hoãn mà không loạn bệnh do có thừa.
Mạch Tràng dễ chữa dễ ưa,
ĐOÁN thì khó chữa lại vừa tốn công.
Bởi vì vị khí ít không,
Thành ra thiếu thốn giao thông khó mà.
TẾ là nguyên khí mất đà
Huyết tinh không đủ, trung Hà bệnh tăng.
ĐẠI (đối) suy nguyên khí chi bằng,
Chân Tạng mạch Đại khá rằng bệnh nguy.

XÚC là dương thịnh âm suy,
 Âm dương bất thuận nóng chầy bện hồng
 KẾT là tích tụ bên trong,
 Giao tranh nóng lạnh, vô cùng gian nan.
 HƯ là khí huyết khô khan,
 Sinh ra hoảng hốt mê man bất thường.
 Động là huyết thoát lao thương
 Băng-trung⁽¹⁾lở, tiết⁽²⁾truột như rót nước., lệ⁽³⁾huyết thường
 là hư
 Sác mà có lực nóng dư,
 Sác mà không lực cũng như mạch Trì
 Sác phát cường nhiệt cũng tùy,
 Sác mà Hồng thật có khi phát phiến.
 Đại là bệnh đang tiến lên,
 Khí huyết hư tổn lại thêm phong tà
 CÁCH bởi tinh huyết rời ra,
 Đàn ông tinh tiết, đàn bà đẻ non.
 Phần nhiều mạch Cách không con,
 Chân hư, suy chứng không còn hồ nghi.
 Mạch TUYỆT ấn chẳng thấy gì,
 Cũng như mạch chết, không thì bí chẳng ?

(1) Băng-trung là chứng huyết ra nhiều quá như núi

(2) Tiết : Chứng tiết tả, đi cầu tháo chảy trơn

(3) Lệ : Chứng lệ đau bụng muốn đi

Mạch TÁN tản mác lãng quãng,
Phát phơ lúc có hoạ chãng cùg rãu.

Việc thấ thuốc mạch là đầu,
Học cho tỏ rõ ngỗ hẩu cao tay.

Biết ngay bệnh hoạn giờ hay,
Biết ngay sống chết, khéo thay vô cùng.

Trước là tạo lấy phúc chung,
Siêng năng cứu giúp danh cùng non sông.

勘 病 診 脉 法

KHI THĂM BỆNH CHẨN MẠCH

Lúc đương thăm bệnh chãm lo,
Vọng, vãn, vãn, thiết, sao cho tinh tường.

Ngoại tà hay bệnh nội thương.
Thực, hư, hàn, nhiệt, âm, dương tỏ bày.

Căn nguyên bệnh vốn xưa nay,
Nghiệm cùng cội rễ biết ngay dữ lành,

Thuốc thang chữa bệnh đã đành,
Tinh thông mạch lạc kéo thành âu lo

Trước xem người, sau dò tiếng nói,

Phải hỏi xem bệnh mới hay xưa,

Đã từng uống thuốc nào, chưa ?

Chắc vừa xem mạch, lại vừa hỏi han.

Xem xong suy nghĩ kỹ càng,
Đổi phương dụng dược hoặc thang hay hoàn.

Cốt sao chóng khỏi hoàn toàn,
Không vì lợi nhỏ kéo mang tiếng là.

Ngồi thông thả điều hoà hơi thở,
Nghe mạch xem hay dỡ ra sào ?
Người cao ba ngón đặt vào,
Để thưa một chút, ngôi nào đúng ngôi.

Nhỏ lùn thu gọn tay thời,
Âm dương đúng vị, đúng ngôi tỏ tường.
Xích âm, Thốn bộ là dương,
Đàn ông mạch thuận Thốn cường xích nhu.

Đàn bà ngược lại mới chu,
Mạch ngôi Xích mạnh, Thốn nhu là thường.

Gái bên hữu mạch phải cường,
Trai mạch con gái là dương suy rồi.

Gái mạch trai dương thừa âm thiếu,
Bệnh thiếu thừa phải liệu cho cân.

Phù khâu hoạt sắc hoặc trắm
Phải cần minh bạch chớ lầm mà nguy.

Âm dương thủy hoả nghiệm suy,
Nhất là vị khí phải truy cho cùng.
Vị khí còn cát trung đã vậy,
Cũng chắc rằng chữa lấy hồi sinh.

Trừ khi trì sắc bất bình,
Ấn không có lực như bình hết hơi.
Cùng rồi mới đổ tại trời,
Nhưng mình nên hết đạo người, giúp nhau.

診 脉 七 調

CHẨN MẠCH THẤT ĐIỀU

Phép chẩn mạch bảy điều chớ lẫn,
Phải tinh tường cẩn thận mới hay.
Một là yên tĩnh lòng ngay,
Giữ gìn hơi thở chớ khuấy tư hào.

Hai đừng để việc nào lo nghĩ,
Bỏ việc ngoài lý trí mới tinh.
Ba là điều chỉnh hơi mình,
Thở ra hít lại quán bình từng giây.

Bốn là nhẹ ngón tay dò xét,
Nói trung bình để biết trộm phù.

Năm là sê án bì phu,
Xét xem Vị Phủ dự trừ nó cho.

Sáu nặng nặng thăm dò khí huyết,
Xem bộ nào cốt thiết phù trầm,
Bảy xem rãnh rãnh chớ lấm,
Huyền, Vi, Trĩ, Sắc, Phủ, Trầm, thực hư.

Mạch chạy đầy nghe như mình thấy
Cốt rõ ràng lực đầy hay không ?
Tinh thần vị khí phải thông.
Hễ còn dễ chữa, nếu không phải tường.

Tóm tắt mấy lời đại cương,
Vui vì nhân thuật ngày thường ngâm nga.
Thuộc lâu nghiên ngắm dễ ra
Quán thông mạch lạc thuốc là phải hay

脈裏相兼

MẠCH LÝ TƯƠNG KIÊM

Mạch nào thì bệnh làm sao ?
Người xem giỏi mạch bệnh nào chẳng tinh,
Biết ngay khí huyết trong mình,
Thịnh suy sống chết bệnh tình giờ hay.

Nghiệm xem nặng nhẹ nơi tay,
Vấn, dài, mau, chậm, chắc hay mềm rù.
Nhẹ tay đã thấy mạch *Phù*.

Phù (dương) (phong) cảm bì phu ở ngoài.

浮 虛 *Phù* mà có lực mạnh dài;

Giống *Hông*, giào giạt trong ngoài nóng dư.

Phù mà không lực là hư,

Phù Hư ngã nặng hay từ khí suy.

浮 散 *Phù* nhưng ấn chẳng ra chi !

Quá Hư thành *Tán* nguy vì phải phong.

Phù mà trong rỗng như không.

Lá hành rỗng ruột huyết vong cũng rầy.

浮 革 *Phù* găng như mặt trống tây (phù cách)

Tinh suy tiểu sản bệnh này khá lo.

浮 濡 *Phù* mà mềm nhũn không to (phù nhu)

Thịt xương nhừc mỗi duyên do thấp mà.

浮 遲 *Phù* Trì mình ngứa, phong tà !

Phù *Sác* phong nhiệt, nặng là *Phù* hư.

Phù nhu thương thấp phong ư ?

Độc *Phù* xuyên trường bệnh như hoả tà.

Những khi xem mạch nghiệm ra,
Cần xem khí huyết phong tà thấp ôn.

沉脈 Mạch Trầm ấn thí rõ hơn,
Chìm trong da thịt, chạy trơn Hoạt Trầm.
Ngộ ăn khí tạng thuộc âm,
Trầm mà có lực tích ngấm ở trong.

Trầm trì khí lực ít không,
Trung hà tích tụ khó thông được mà.
Trầm mà Trì nữa lạnh già,
Trầm nhưng thấy Sác thì là nóng trong.

Trầm, Huyền tâm phúc não nùng,
Nếu vì khí lạnh mạch trung Khẩn Trầm,
Trầm, Tế khí hư ngấm ngấm,
Ngón tay tê bại không cầm được đầu,

Trầm căng mặt trống da trâu.
Đó là ứ huyết bệnh sâu phải tường,
Trầm mà Nhu nhược lạ đường.
Đó là Thân yếu tổ tường huyết hư,

遲脈 Mạch Trì đi lại chậm ư ?
Một hơi thở nó lừ đừ ba thôi.
Đó là âm thịnh dương tối,

Trì mà không lực thì rồi hư to.

Nhân nghinh mạch Trì đáng lo.

Cũng vì hàn thấp duyên do trệ là...

Trì mà có lực hạn tà,

Tim đau bụng chối thật là hại đấy.

Nếu Trì hoà hoãn tốt thay.

Bởi vì Vị khí ngày nay vững bền.

Trì mà Sắc, bụng to lên.

Trung Hà thấp nhiệt đôi bên chối đấy.

Trì Hoạt : thực tích trướng đấy.

Cũng vì đờm ẩm xưa nay đã chảy,

Trì Trầm trong lạnh rõ thay.

Trì Phù ngoài lạnh chân tay giá đồng.

遲 脉 Trì mà mạch đi lung tung.

Sắc thường tinh huyết, mạch hung coi chừng,

Trì mà chốc chốc lại dừng,

Ấy là mạch Kế bởi chung tích đờm,

Trì mà dừng lại từng cơn,

Đó là mạch Đại (đổi) nguy hơn mạch Trì

Trừ khi đau quá cũng tùy,

Có mang ba tháng thấy thì không sao !

數 脉 Sác vì nóng này tiêu hao,

Mồ hôi, thở, mạch ra vào sáu kia,

Nóng nung buồn bã sớm khuya,

Chỉ vì táo nhiệt phong xuy tổ tường.

Sác mà có lực nóng cường,

Sác mà không lực, sang dương mụn mẫn.

Sác phù hoả đốt nóng tắng,

Đó là biểu nhiệt bụng căng Phiến buồn.

Sác Trầm nóng ở trong luôn,

Âm hư hoả thịnh phiến buồn miệng hôi.

Sác tế không lực âm đối,

Nhân nghinh thấy nó, là rồi phải lo.

Sác Hoạt đờm hoả phát to,

Làm cho úa thổ làm cho đạu như.

Nhức đầu vì nóng quá ư,

Nhị tiện bí sáp, đỏ như phẩm vào.

Sác mà ruốn ruột hay sao ? (Sác Hoạt)

Đó là hoả thịnh đờm lao nóng giốn.

Sác thêm vắn vắn giấy chôn

Đó là Sác khẩn đau đốn hoá nên.

Sắc mà dừng lại từng phen,
Đấy là Sắc Súc dương chen âm hoài.

Sắc mà lúc lắc lai dai, (Sắc động)
Đó thêm Sắc động nóng hoài băng trung.

短 脉

Doãn thời ngắn ngủi lạ lùng,
Thốn chưa tới thốn, chẳng cùng xích dây
Bởi vì khí trệ xưa nay,
Phục dương huyết trệ chẳng hay lưu hành.

Tam tiêu thực tích đã đành,
Làm cho tâm phúc đau quanh bụng người,
Nhân nghinh thấy nó chẳng chơi,
Âm dương bồi bổ được thời mới hay

長 脉

Mạch Tràn: dài mạnh quý thay,
Thốn trên xích dưới cả hai đều dài.
Vốn người sung túc mạnh hoài
Mạch này dễ chữa dễ tài chế ngay.

細 脉

Tế thì nhỏ xíu lạ thay !
Bởi vì hàn thấp mạch này trúng kinh,
Nhân nghinh thấy nó khác tình,
Thấp sinh trưởng mãn, làm mình đau thay,

Tế Hoạt hay ngã lẩn quay,
Lại sinh phát nóng ỏi hay thờ nhiều.
Tế Khẩn Trung Hà bao nhiêu,
Chân tay tê liệt không điều khiển như.

Vi là khí huyết đầu hư,
Mạch như tơ nhện hàn tử trong ra.
Dương hư thoát tiết quá ta,
Băng trung lậu hạ thế là bệnh luôn.

微 脉

Vi Phù úa thổ phiền buồn,
Vi Trầm hạ lợi, luôn luôn thất thường.
Vi không huyết xấu đáng thương,
Sắc Vi vong huyết rét thường nóng luôn.

Nhược Vi Sắc mặt u buồn.
Con trai niệu huyết luôn luôn thờ dài.
Đàn bà băng lậu không sai,
Vi chứng khí kém ra hoài mồ hôi.

大 脉

Dại to rùng rục sóng sôi.
Bệnh tình dang tiến nằm ngồi không yên.
Dại Phù biến chứng nhân tiến,
Dại Trầm lý chứng triển miên bệnh càng.

Trước to sau nhỏ rõ ràng
Nhức đầu chóng mặt mình càng ốm đau.
Sau to trước nhỏ cũng rầu,
Ngực đầy khó thở ngò hầu kết hung.

Đại vì khí thịnh nấu nung,
Làm cho huyết yếu thủy chung không lành.
Bao giờ *Hoãn* Đại rành rành
Đại *Tràng* lại hoãn mới thành mạch hay,

實脈

Mạch *Thực* có lực lắm đây.
Bởi chúng phục nhiệt rất hay thổ mà
Mạch *Thực* lại *Sắc* nữa là,
Tam tiêu bí tắc thấp và nhiệt đây

Thực mà *Khẩn* đáng sợ thay,
Lạnh trong dạ dày thổ tả lung đau.
Thực *Huyền* lao động cũng rầu,
Mồ hôi ra trộm mình đau như dẫu.

滑脈

Hoạt đi ruồn ruột lẩn lẩn
Bởi chúng ăn uống đơm nhân đầy mà.
Phi thi, qui chú xảy ra,
Túc thực, ứ huyết, những là đầy hơi.

Hoạt Phù đau bụng tả toì,
Hoạt nhục âm thống đái thời đau ghê,
Hoạt tán nan hoán bại tê,
Bán thân bất toại đi về chẳng hay.

Hoạt thực vì nóng quá đây,
Hoạt sắc nhiệt kết nóng này gấp đôi
Hoạt đi nhỏ nhỏ đờm thôi,
Hoạt trì khí nghịch ho rồi đờm ra

潜 脉 *Sắc* đi còn cộm như là

Cạo dao vào vỏ tre già vẩy rư.
Bỏ chứng tình bại huyết hư,
Hiện ra khí khẩu y như mạch này.

Hoặc là lạnh toát chân tay,
Hoặc là đi lị lại hay ố hàn,
Hoặc là Tâm phúc đau ran.
Sắc Khâu ứ huyết kết đoàn nó đau.

Sắc Trâm Hàn thấp cảm sâu,
Bởi vì sương gió mạch hầu *Khẩn* đây.
Sắc Trâm tê bại chân tay,
Nhân nghinh thấy mạch này đây nào nùng.

Dàn bà thai nghén *Sắc hung*,
Động thai đau bụng vô cùng âu lo

Nếu không thai nghén bụng to,
Đo là bại huyết rui ro chấp chông.

洪脉 Mạch *Hồng* nước lụt bông bông
Là bệnh trường mãn bị không đi ngoài.

Mạch *Hồng* đau đóm mình gai
Như đầu như mối nóng hoải âm y.

Thật Hồng điển đại cùng kỳ,

Đại Hồng Tả tý hay vì nóng ư,

Khẩn Hồng mụn nhọt ung thư,

Ho hen thở xuyên y như là tà.

Phù Hồng dương chứng thất tà.

Nhân nghinh mạch ấy tức là hàn ngân.

Đãi là hai việc khó khăn,

Bởi vì dương khí bị ngân ở ngoài

紧脉 *Khẩn* quay quăn quăn lái rai,

Đầu giây xơ xở như ai xử dãi.

Thương hàn nhức mỗi bản thân.

Nhân nghinh thấy nó có phần đau ghê.

Ho hen thở xuyên ẽ chẽ,

Chỉ vì gió lạnh trăm bề đau thương.

Khẩn Trầm lãnh khu tại ương,
Phát ra phong giân lại đương nhưc đầu

Khẩn Hoạt ăn uống tích lâu,
Phát ra giun sán phát đau tung hồi.
Độn thì, loạn huyết, lời thời,
Mạch đi *Khẩn* cấp rõ rồi Độn thì.

Khẩn Phù phổi có bệnh chi,
Phù Trầm lại *Khẩn* chỉ vì gió sương.
Cứng ngay cổ, bệng Thái dương
Thương tiêu trúng lạnh tại ương *Khẩn Trầm*

乾脈 Mạch *Khâu* huyết ứ âm thâm,
Đng trung lậu hạ huyết ngấm hai bên
Ruột non nóng thấy liền miên
Lâm ra âm lịch đau rên cả ngày.

Khẩn Khâu hoặc *Sác* chẳng hay,
Tràng ung *Hồng*, *Sác*, *Khâu* nay trệ trì.

濡脈 *Nhu* là vong huyết lãnh ty,
Mồ hôi ra lắm, cũng vĩ khí hư.

Nóng chung xan tiết đau như,
Nhu thì tiểu tiện buốt từ bàng quang.

弱脉

Nhược chính dương hư nhưc mỗi chân,

Phong tà khí lạnh rất bản thân

Xương gân nhưc mỗi như sâu cắn,

Cũng bởi phong hàn nhập thấu gân.

虚脉

Hư bởi âm hư, bởi nắng chãng ?

Yếu chân thờ gấp sợ chi bằng,

Hư phiền tự hàn mỗ hồi lảm,

Chỉ tại Vinh hư bứt rứt tãng.

Hư Đại lao thương vất vả chãng ?

Tổn thương nguyên khí hại chi bằng,

Phòng lao ngộ cảm phong hàn nữa,

Thận thuỷ hư lao hoá bốc chãng.

革脉

Mạch *Cách*, hư, Hàn nó xát nhau,

Bãng trung,⁽¹⁾ bán sản,⁽²⁾

Huyền, *Đại Khâu*, *Hư* nó đã lâu.

动脉

Động thường thấy ở bộ quan,

Lắc lư hạt đậu khô khan lạ lùng,

Nhân nghinh thấy mạch *Động* hung,

Giản kinh, đau xóc, giao công mạch nầy.

(1) *Bãng trung huyết ra như đổ xuống*

(2) *Bán sản* : đẻ non, đẻ chưa đúng ngày tháng, xuất tinh mau.
Trùng phong cảm thấp thành đầy ít,

Đem nhiều cơ rút chân tay.⁽¹⁾

Hư lao quyết lý, Bàng, hay ở hàn.

Động (dương)⁽²⁾ phát nóng ran ran.

Mồ hôi như tắm, mồ mang bằng hoàng.

Nhược bằng lúc lác vôi vàng.

Giống như mạch Xúc lại càng nguy thay.

Phế khô mạch nó thể nấy.

Hoặc là Vị khí đến ngày hết hơi.

散脉 Tan lan mạch thể tờ rời,

Nhân nghinh thay nó mệnh thời đáng lo.

Khi tan thảo cháy nguy to.

Năm tạng khí hết thâm dò được chi

Mồ hôi giá lạnh nhu chi

Chân tay xanh ngắt da thì như than.

Lục phủ khí thoát mồ man.

Mệnh trời đã định phần nản khó thay

伏脉 Phục chìm sát cốt mới hay.

Âm dương bế tắc mạch nay cũng nguy.

Nhân nghinh thấy nó khí suy.

Phong hàn thử thấp nguy mọi bề.

(1). *Kinh gian tâm kinh dâm hàn* : chết giắc lẫn quay

(2) *Âm dương tương bác* : âm dương xung đột.

Hôn mê, hoác loạn ế chế,
Túc thực đường tiết đủ bề *Hà Trang*.
Cố khi hoá phát nóng chung,
Biến ra máu mù động ngưng bầy nhảy
Thốn *Phục* đờm nóng nghệt đầy.
Xích *Phục* hàn tích nhẹ ngày nặng thêm
Quan *Phục* sốt rét liên miên
Súc thủy đình đờm khí huyết, không ăn.

Phục không, thổ đã khó khăn,
Nếu mà *Phục* Sắc thì ăn không vào.
Đó là quan cách bì lao,
Bởi vì lo nghĩ hư hao đã chầy.

促脉 *Xúc* bị âm thâm thiếu đầy,
Bởi dương quá thịnh mạch này đáng lo.
Nóng trong ứ huyết quá to,
Phát ban cuồng nhiệt duyên do hỏa đờm.

Chiến, sao, xào, rần, thịnh, cơn
Lại thêm khí giận, rượy thơm nich vào.
Dưới hư trên thịnh quá cao,
Làm cho hỗn khổ xôn xao nhiều bề.
Nhất là người bệnh nặng nề,
Hay người già cả phải đề phòng ngay.

Nhân nghinh mà thấy mạch này,
Đó là tạnh phủ tất gây bệnh cuồng.

結 脈 Kết là âm thịnh kết hôn

Thái dương bí kết đau đôn từng cơn

Kết vừa tích nhỏ còn con,

Kết mà quá làm tích hơn phải dò.

Kết Phủ hàn khí rui ro,

Trệ bên kinh lạc phải lo chớ lăm.

Kết Trâm đờm ẩm ngấm ngấm.

Bởi vì ứ huyết phải tẩm gốc đi

Thất tình khí uất kết chi,

Trong lạnh mạch *Hoãn*, *Súc* thì nóng trong.

Kết nên *Hoãn Xúc* phải không ?

Xúc là huyết tích, *Hoãn* không là đờm

代 脈 Đại đi dứt mòng nhào mềm,

Hai ba bốn chục nghỉ êm một lần.

Bao nhiêu nghỉ, bấy nhiêu năm.

Mười lần một nghỉ, một năm hết đời.

Đại (đời) là mạch đời người.

Đếm như đếm của cuộc đời còn chi

Nhưng người bệnh nặng có khi,
Hoặc đờm thấp gió bệnh nguy chẳng là.

Hoặc vì bạo chứng xảy ra,
Hoặc vì bí tắc hoặc vì tổn thương.

Cổ nhân cũng còn có phương.
Bài "Chích Cam Thảo" thiên cương tốt lành.

Phù nguy cứu khổ thập thành.
Còn nước còn tát cho đánh lũng nhau.

Mạch Đại ở người đau lâu !
Khí huyết đại bại, mạch dấu Đại không
Nhất là đàn bà lấy chồng
Có mang ba tháng thì không việc gì.

七情病脉理

MẠCH ĐỐI VỚI NHỮNG BỆNH NHÂN THẤT TÌNH

喜 樂 1)- Mừng quá thì hại trái tim, mạch tất hư.

Mừng thì khí hoàn cho nên thấy mạch *Tán* mà *Hư*. *Hư* quá thì thần đình lỏng lẻo dong dật mà mạch lại *Trầm*, bởi vì mừng quá thì hoá thịnh lẩn kim. Thận thủy muốn báo thù cho mẹ (Phế kim) mà khác lại tâm hỏa, cho nên tâm mạch phải *Trầm*. Bao giờ cũng thế hễ những người tâm tình hay bạo hỉ bạo nộ, nhiều khi còn dễ cái hoạ hoạ sâu trong đó vậy.

思 慮 2)- Nghĩ quá thì khí động hại ý mạch *Kết* và *Doãn*. Bởi vậy những người nghĩ ngợi quá độ, thì ở chỗ ý thức không yên, mà lý mạch lại *Huyền*.

憂 煩 3)- Lo quá thì trí trệ, nó làm cho hại phổi cho nên mạch *Trầm* *Sắc*. Bởi vì quá lo lắng quá độ thì cửa của **PHÁCH** (Phế) không đóng, Mà Phế mạch phải *Hồng*

怒 恨 4)- Giận dữ thì khí mạch nghịch, nó làm cho hại Gan, cho nên mạch *Nhu*, giận dữ quá thì cửa của hốn (tức Can) mở ngõ mà Can mạch phải *Sắc*.

恐 怖 5)- Sợ hãi quá thì khí chạy xuống, nó làm cho hại Thận, cho nên mạch đi *Trầm*, những khi sợ hãi quá thì cửa thần khí Thận không yên mà mạch phải *Nhu*

驚 懼 6)- Kinh hoàng quá thì hại trái *Mật* (giật mình bất thán) nó làm cho khí loạn, cho nên mạch *Động*. Khi kinh hãi quá, thì khí chạy vào Gan mà mạch *Tán*

哀 矜 7)- Thương xót bi ai thì khí nghẹt, nó làm cho hại Tâm hào *D. lạc*, cho nên thấy mạch *Khẩn*.

Nếu thương quá, thì khí của tâm hào lạc và Phế đều làm cho khí nó tiêu tan mà hiện ra mạch *Hư*.

六 淫 毒 氣 脉

MẠCH ĐỐI VỚI SÁU KHÍ ĐỘC

寒 1)- Khí lạnh (Hàn) làm cho hại Thận, làm ra bệnh Thương hàn, thì mạch *Khẩn* và *Trầm*

Lúc đầu tà khí nó tự kinh túc Thái dương (hàng quang) mà nó vào thì mạch *Phủ Thịnh* mà *Khẩn* vì chung mạch *Phủ* là bản năng của Kinh túc Thái Dương. *Khẩn* là mạch của chứng *Thương hàn*, còn thịnh là cái điểm bệnh dương tăng

暑 2)- Khí nóng (Thử) nó làm hại trái Tim, bệnh thương thử thì mạch *Hư*.

Lúc đầu tà khí nó từ Kinh Thủ Thiếu Dương (Tam Tiêu) mà vào, thì mạch *Hóng*, *Hư* và *Sắc-Hóng* là bản năng của Kinh Thủ Thiếu Dương. *Hư* là mạch của bệnh *Thương thử*, *Sắc* là điểm bệnh còn dương tăng.

燥 3)- Khí ráo (Táo) nó làm hại phổi, bệnh cảm phải khí ráo, thì mạch *Sắc*.

Lúc đầu là khí nó từ Kinh Thủ Dương Minh (Dạ dày) mà vào, thì mạch *Phù*, *Sắc* vì chung *Phù* là mạch của bản Kinh Thủ Dương Minh. *Sắc* là mạch bệnh của chúng cảm phải khí ráo.

濕 4)- Khí thấp (Là hơi ẩm ướt xông lên) nó làm hại Tỳ, bệnh thương thấp thì mạch *Tế* mà *Nhu*

Lúc đầu tà khí nó từ Kinh Túc Dương Minh (Dạ dày) mà vào, thì mạch *Tế*, *Nhu* : mà *Trùng*, *Tế* là bản Mạch của Kinh Túc Dương Minh, Còn *Nhu* là mạch của bệnh thương thấp, *Trùng* là điểm nó mới cảm vào.

風 5)- Khí gió độc (phong) nó làm hại Gan, Bệnh thương phong mạch *Phù* mà *Thịnh*.

Lúc đầu tà khí nó từ Kinh Túc thiếu Dương (Đảm : trái mắt) mà vào. Huyền là bản mạch của Kinh Túc Thiếu Dương *Phù* là mạch của bệnh thương phong, *Tán* là bệnh mới đến.

火 6)- Khí nóng (nhiệt) nó làm tâm bào lạc. Bệnh cảm phải khí nóng thì mạch đi thường thường là *Trầm* *Nhược* mà lại *Hoãn*. *Lúc đầu thì tà khí nó từ Kinh Thủ Thiếu Dương (Tâm tỳ)* mà vào. Mạch đi *Phù*,

Nhược, vì rằng *Trầm* là mạch của Tâm bào lạc, INhược là mạch của bệnh cảm nhiệt, *Hoãn* là điểm bệnh mới mặt.

Thử (rắn) và Nhiệt (nóng) cũng là đồng khí với nhau. Tuy rằng THử hay hại âm, kỳ thực Tâm không có lẽ bị cảm tà khí, cho nên tà khí nó đều phải rút về *Tâm bào lạc*.

Sự này nên coi lại với điều thương thử ở trên.

Phạm bệnh ngoài cảm nhẹ thì có mạch ở *Nhân nghinh*, là mạch *Khẩn Thịnh*, hoặc một bộ nào *Khẩn Thịnh* mà thôi.

Khi đã nặng thì nhiều bộ ứng *Nhân Nghinh*, lúc xem mạch những sự truyền biến như ở thương, hàn mà so sách cho kỹ càng

氣口與人迎脈訣

KHÍ KHẨU VÀ NHÂN NGHINH MẠCH QUYẾT

Đây là phép xem mạch của mạch kinh, đời xưa có hai phép như sau :

1)- Khí khẩu ở yế Quan bộ tay phải (Hữu) trước chừng một phân, là hậu của Thất tình, là chỗ để xem mạch !

Lo, Nghĩ, Sợ, Thương, Kính Khủng, Mừng, Giận và những phong lao hư hại.

Người làm việc vất vả quá nhiều, ăn uống không tiêu, và không tiết độ là những bệnh nội thương, gọi là khí *Khẩu* vì đó là Vị khí của năm tạng, và cũng là nghĩa của nó phải như ở nơi Vị khí.

2- Trước Quan bộ về tay bên trái (Tả) một phân là mạch *Nhân nghinh* chỗ đó là để nghe mạch của các chứng Phong, Hàn, Thủ, Thấp, Tào, Hảo, và những chứng vì ăn ở tình dục không tiết độ, không giữ gìn, cũng là cảm mạo những khí bất chính trong bốn mùa mà sinh ra, gọi là *Nhân nghinh* vì ngoại tà nó theo chỗ hư hại mà cảm vào trong mình làm hại các cơ quan.

Thời nhà Hán : người ta cho là mạch ở *Nhân Nghinh*, *Khẩn thịnh* là bệnh Thương Hàn.

Mạch ở *Khi Khẩu Khẩn* là thương thực.

Nhưng nếu chỉ thương thực mà không có bị hại về thất tình lao quyền, thì mạch đã không ứng ra ở *Khi Khẩu* đâu.

Cò nói lại bàn rằng : bệnh thương hàn đều bắt đầu từ Kinh Thái dương truyền vào.

Nhưng cứ theo như "Sách Nội kinh" thì nói rằng :

"Phong nó làm hại Gan.

Rét nó làm hại Thận.

Nắng nó làm hại Tâm bào lạc.

Thấp nó làm hại Tỳ.

Nóng. Nhiệt nó hại Tim.

Táo (ráo) nó hại Phổi"

Theo nghĩa đó mà suy cho rộng ra, thì Phong phải vào từ Kinh Thiếu Dương (Tam Tiêu).

Thấp nó phải vào từ Kinh Dương Minh (Đại tràng và Vĩ).

Nắng nó phải vào từ Kinh Thiếu Dương (Tam tiêu và Đởm)

Đó là theo ý kiến của Chu Đan Khê hiểu riêng được Kinh chỉ của Nội Kinh vậy

總 觀 三 部 脈 法
TỔNG QUAN TAM BỘ MẠCH PHÁP

PHÉP XEM MẠCH LUÔN Y
CẢ BA BỘ

Trong Nạn Kinh nói rằng :Thốn Khẩu là chỗ tụ họp của các mạch, nó là động mạch của Kinh Phủ Thái âm (Tâm) mà cũng là chỗ bắt đầu, và chỗ cuối cùng, của Thốn, Quan, Xích : năm tạng, sáu phủ, ngoài ra như mạch Xung Dương, chuyên ứng về Vị khí, mạch Thái Xung, chuyên về Can khí, mạch Thái Khê, chuyên về Thận khí, chỗ đầu có thông được cả mười hai kinh.

Bởi thế cho nên phép xem mạch cần phải trọng ở nơi Thốn Khẩu.

脈 本 生 於 陰 陽

Mạch vốn sinh ra từ Âm Dương.

Nhưng Dương sinh ở Xích, mà Động thì ở Thốn

Âm sinh ở Thốn, mà động thì ở Xích.

Quan thì ở giữa hai bộ : nửa là âm, nửa là Dương.

Dương mạch hay *Phủ* và *Sắc*, bệnh ở đầu, mặt, mắt, mũi hung cách.

Âm mạch thường *Trầm Trì*, bệnh ở rốn, bụng, lưng, đùi.

Trung mạch ở Quan bộ, thì theo thười mà *Trầm* mà *Phù*, bệnh ở bụng, sườn và Vĩ.

Âm Dương cần phải điều hòa, không nên lệch về bên nào.

Nếu mạch Dương chỉ chuyên ở trên mà lên cao khỏi huyết ngưng tể thì gọi là dật (dậy tràn).

Mạch Âm chỉ chuyên ở dưới mà vào sâu trong huyết Xích trạch, thì gọi là phúc (đổ nghiêng lệch). Mạch thốn không xuống đến Quan là Dương tuyệt. Mạch Xích không lên đến Quan là Âm Tuyệt, những mạch ấy gọi là (chân tạng), nó không có phần khí ở giữa đi lại làm cho âm dương hòa nhau, đó là mạch bệnh nguy.

Người học giả xem mạch, nếu theo đó mà khéo suy cho biết, thì trong ba bộ chỉ có một tắc chín phân mà khí âm khí dương, của thân thể người ta, nó thái quá, hay bất cập, đều hiện ra đó vậy.

Ông Vương Thúc Hoa 王叔和 nói rằng :

Dương : *Huyền* thì nhưc đầu,

Âm : *Huyền* thì đau bụng.

Dương : Sắc thổ và nhưc đầu,

Âm : Vĩ thì bụng đầy.

Dương : *Thật* thì mặt đỏ vì phong.

Âm : Vĩ thì phát ra chứng mồ hôi trộm.

Các mạch *Phù Táo* là Dương, mọi mạch *Trầm tể*, *Vĩ* là âm, mạch thuận âm dương dễ chữa, trái âm dương mâu thuẫn thì khó chữa.

Khi mới để tay vào mạch đã thấy hơi bì phu là *Phù*, *Phù* mà *Đại* và *Tán* là *Tâm*.

Phù mà *Đoản* và *Sắc* mà *phế*.

Mạch ở dưới cơ nhục là *Trầm* *huyền* và *Trùng* là mạch của Gan.

Trầm mà *Nhu* và *Hoạt* là mạch của *Thận*.

Ấn tay không nặng, không nhẹ, mà thấy mạch *động* là mạch của *Tỳ*. *Tỳ* bộ, phần nhiều gồm cả tà khí của bốn tạng kia cũng có mạch ở đó. Ngoài ra thấy có hòa hoãn là chân tướng của *Tỳ*.

Tất nhiên nó còn gồm có những thứ *Phù*, *Trầm*, *Hoạt*, *Sắc*, *Trùng*, *Đoản*, *Huyền*. *Đại* đều như thế.

Nhưng mạch *Trầm* mà *Hoạt* ở tả *Xích* là *thuận*, ở tả *thốn* là *nghịch*.

Phù và *Sắc* ở hữu *thốn* là *thuận*, ở tả *quan* là *nghịch*.

Mạch ở *thốn* *Khẩu* nên *Phù* mà lại *Trầm*, ấy là *Kinh* *Thiếu* *Dương* bị hư mà khí âm đè nén.

Nếu lại có lúc *Phù* *Hoạt* mà *Trùng*, thì là khí *dương* bị *khuất* *phục* ở trong khí âm vậy.

Mạch ở *Xích* bộ nếu *Trầm* mà lại *Thục* đó là *Kinh* *Thái* *Âm* bị hư, mà khí *dương* đè nén

Nếu lại có khi *Trầm* *Sắc* mà *Đoản*, là khí âm bị *khuất* *phục* ở trong khí *dương*.

Mạch ở *Xích* bộ vốn *Phù* mà lại *Phù* nữa, gọi là *Trùng* âm : 重陰

Mạch ở thốn bộ vốn *Phù* mà lại *Phù* nữa, gọi là Trùng dương. 重陽

Xích bộ và Thốn bộ đều thấy mạch *Vi*, gọi là âm dương sáp thoát ra.

Những chứng này đều là chứng nguy hiểm, bởi vì đó là những chứng ngũ hành sinh khắc bởi vì thiên lệch chứ không được hoàn toàn.

Ba bộ chạy luôn, sáu mạch đều có *Phù*, *Trầm*, *Trì*, *Sác*, ngang với nhau, ấy là mạch vừa dễ nhận mà lại dễ chữa khỏi nữa.

Sách mạch Kinh nói rằng :

"Ba bộ đều *Phù* là trong Phổi bị gió độc tất nhiên có chứng phát sốt chảy nước mũi và sợ gió.

Ba bộ đều *Trầm* *Trì* là khí lạnh bị kết, da dẻ khô khan, chân nguyên đã bại.

Ba bộ đều *Hoàn* là *Tỳ* nóng quá, tất nhiên có những chứng hôi miệng, miệng lưỡi môi lợi lở loét xưng đau, hoặc nôn mửa ra thức ăn.

Ba bộ đều *Huyền* là *Vị* tức giận hại *Gan*, tất nhiên sinh ra những chứng đau mắt, kéo màng, mắt mờ, nước mắt chảy luôn, hoặc phát ra mụn nhọt ung thư.

Ba bộ đều *Sác* là *Tâm* nhiệt quá, tất nhiên phát ra những chứng lở miệng lưỡi, môi căng nứt nẻ.

Ba bộ đều mạch *Hư* và *Nhu* hoặc *Sác* hoặc *Phục*, bệnh phải lâu ngày thì chết, bệnh mới phải và phải một cách bột phát thì chết

Ba bộ đều *Phù* và *Khâu*, *Hoạt* hoặc *Khâu* hay *Huyền* *Sác*, bệnh mới phải thỉnh linh thì sống, bệnh phải lâu ngày thì chết.

Ba bộ mạch đều *Hoạt* và *Vĩ* là ở bệnh *Phổi*, trên *Khẩn* dưới *Hư*, là bệnh ở *Tỳ*, *Trường* mà *Huyền* là bệnh ở *Gan*, mạch nhỏ huyết ít, là bệnh ở *Tâm*, *Thừa* *Tâm* bị nhọc, *Đại* mà *Khẩn* là bệnh ở *Thận*, *Hoãn* mà *Hoạt* là nhiệt ở trong dạ dày *Trì* mà *Hoãn* và *Sắc* là trong dạ dày có khí lạnh, hoặc hà hồn kết.

Nếu mạch *Thực* mà *Khẩn* là trong dạ dày có khí lạnh ăn uống không được, chứng này nếu đại tiện xôn ra luôn thì khó chữa, mạch này chạy liền lỵ như chuỗi tràng hạt, là gió lạnh động ở đại tràng.

Mạch chạy luôn luôn không đến *Thốn* *Khẩu* mà *Nhu* là khí nóng kết ở *Tiểu* tràng.

Mạch *Đại* mà *Hồng* là bệnh ở *Kinh* lạc. *Thốn* bộ mạch chạy *Sắc* xúc, mà *Xích* bộ mạch chạy *Hoãn* là *Kinh* lạc suy kém.

Thốn *khẩu* mạch chạy mạnh lớn, mà *Xích* bộ không có, đó là âm thịnh hơn *Dương*, tất nhiên phát ra chứng chân lạnh, nhức mồi.

Xích bộ mạch *Phủ*, *Đại* mà *Thốn* hầu không có, là *Dương* thịnh hơn *Âm*, người này tất nhiên đã hư tổn nhiều và lấm mố hôi, hoặc bụng dưới đầy và đau, không tiểu tiện hoặc khi đi tiểu tiện thấy đau ở âm hành, hay âm bộ, đại tiện cũng vậy.

Xích bộ mạch *Trầm* mà rắn chắc và *Trường*, *Quan* bộ không có, là âm dương xâm phạm vào nhau *Xích* bộ *Thốn* bộ đều không có mà *Quan* bộ có là âm khí rút cả vào giữa.

. *Tả quan* để nghiệm những chứng phong hàn, hoặc sự thịnh suy của phong hỏa.

. *Hữu quan* để nghiệm những bệnh nội thương như thất tình, khí uất, hay vì ăn uống không có tiết độ, làm việc vất vả quá sức, mà sinh bệnh.

Ba bộ; hoặc có bộ có mạch tới, hoặc có bộ không có mạch tới, là khí lạnh đọng ở Tý Kinh, làm cho mạch không thông đi được.

Bộ trên có mạch, bộ dưới không có mạch, là bệnh bị đã ăn không tiêu, đọng lại trong người, tất nhiên phát ra chứng thổ, nếu thổ không được thì chết.

Bộ trên không có mạch, mà bộ dưới lại có mạch, dù khôn khổ khó chịu đến đâu, cũng không việc gì; vì nó như cây có gốc, gốc còn sống thì cây không chết, cho nên có người Thốn khẩu mạch vẫn bình thường mà chết, là vì Thận tạng đã tuyệt ở trong rồi, như cây không có gốc sống vào đâu được.

Khi xem mạch, lại cần biết sự *lên, xuống, đi, lại* tiêu tức nhiều ít của mạch làm sao ?

升降去來

LÊN là mạch từ Xích bộ mà lên Thốn Khẩu, đó là dương sinh ở âm thuộc Biểu

XUỐNG là mạch từ Thốn Khẩu mà xuống Xích Bộ, đó là âm sinh ở dương thuộc về lý. ĐI nghĩa là : mạch từ phần da thịt mà lặn vào xương thịt, đó là khí chạy xuống cũng thuộc về.

LẠI nghĩa là : mạch từ trong phần xương thịt mà ra phần da thịt, đó là khí chạy lên cũng thuộc Biểu. Những sự việc Lên, Xuống, Đi, Lại của mạch đó tức như sự tiêu trưởng cũng như là tin tức sự thịnh suy của khí âm khí dương vậy.

Nói về sự *Lên, Xuống*, của mạch, thì khi nó lên mạch là khí cao, xuống mạch là khí trường, mạch ngắn mà cấp là bệnh ở trên, mạch dài mà khoan thai là bệnh ở dưới.

Bệnh thái quá thì mạch tràn lên trên,

Bệnh bất cập thì mạch tụt xuống dưới.

Nói về sự ĐI, Lại của mạch lại kíp mà đi chậm là trên thực dưới hư, tất nhiên phát cơn điên hoặc ngất đi (chết ngất).

Mạch lại chậm mà đi kíp, là chứng trên hư dưới thực, tất nhiên có chứng sợ gió.

Mạch tuy mất mà còn hơi thấy đi lại như một sợi chỉ thì có thể chữa được.

Mạch tuy còn mà không có đi lại, thì cũng là chứng mạch chết.

Mạch ở các bộ trên, dưới, tả, hữu đều thấy ứng như nhau mà coi bộ như là sam sì nhau là mạch bệnh nặng.

Mạch trên, dưới, tả, hữu các bộ đều mất hoặc không thể đếm được số nữa là chết.

Mạch ở tả bộ không điều hòa là bệnh ở tiểu, hoặc ở chân tay.

Mạch ở hữu bộ không điều hòa là bệnh ở lý, hoặc ở phủ tạng. Xét trong mạch Kinh cũng có chỗ nói hai tay mạch đều Phù, hoặc Trầm hoặc Thực thịnh như nhau ấy là mạch của hai mạch

Mạch ở hữu bộ không điều hoà là bệnh ở lý, hoặc ở phủ tạng. (Xung, Đốc), người ấy việc gì cũng dùng đàng hai lòng, tệ hơn nữa thì phát ra như là chứng đờ dẫn mê mẫn không biết gì là gì.

Xích bộ và Thốn bộ đều Phù thẳng lên, thẳng xuống, hoặc chỉ một mình Quan bộ mạch phù thẳng lên, thẳng xuống, đó là mạch của mạch Đốc 督. Người ấy tất nhiên có chứng lưng sống ngay đờ, lớn tuổi thì phát điên, mà trẻ con thì phát ra chứng động kinh.

Xích bộ và Thốn bộ đều thấy mạch *Thực* lên thẳng, xuống thẳng hoặc chỉ Quan bộ mạch *Thực*, lên xuống thẳng, đó là mạch của mạch Xung 衝 chứng ấy chắc trong ngực có khí lạnh.

Nếu Đán bà thì bệnh Trung, Hà, hoặc bệnh *Sán, Khí*, tuyệt không còn sinh đẻ nữa.

任 Mạch đi *Khẩn, Tế, Thực, Trường*, đó là mạch của mạch *Nhâm*, người ấy, tất nhiên có chứng đau ở bụng, đau suốt đến rốn, hoặc đau ở âm bộ, hay âm nang.

Phía tả phía hữu đằng trước (Thốn bộ) đều thấy mạch đập lên ngón tay; đó là mạch của mạch Dương Kiệu, 陽蹻 người ấy có lẽ sẽ phát ra bệnh điên cuồng hay kinh, giận, ghét gió, bán thân bất toại, hoặc động kinh, tự nhiên ngã lăn quay ra, rồi kêu như tiếng dê, mình ngậy dờ như cây gỗ hoặc tê bại.

Phía tả bên hữu bộ sau (Xích bộ) đều thấy mạch đập lên ngón tay : đó là mạch của mạch âm kiệu 陰蹻 người ấy sẽ có bệnh đau ở bụng dưới, đau suốt đến tận âm hộ, hay âm nang : đán ông thì là chứng *Sán khí* đán bà thì là chứng *Bãng huyết*.

Phía tả phía hữu bộ giữa (*Quan bộ*) đều thấy mạch đập lên ngón tay, đó là mạch của 帶脉 (mạch *Dải*) người ấy tất nhiên có bệnh ở bụng dưới, đau suốt sang đau lưng; đán ông thì ra chứng *Di tinh*, đán bà con gái thì không có kinh nguyệt, đều là những người không có con.

一 脈 二 變

NHẤT MẠCH NHỊ BIẾN

Mạch *Động* là âm cương đập nhau - âm dương điều hòa thì mạch không *Động*, nay dương khí đã bị trúng phải tà khí, thì khí phải *động*, khí đã bị tà khí làm hại, thì huyết sẽ không hành, nên bệnh tất bởi đó sinh ra, cho nên một mạch bị *động* biến ra hai bệnh.

Khi huyết há không phải là động ở tả là huyết, mà động ở hữu là khí đầu. Lại cũng một thứ mạch *Dại*, mạch *Hồng* mà có lực và *Thực* đó là nóng lắm. Nếu là không có lực mà lại hơi *Hư*, là chứng hư lắm.

Lại một thứ mạch *Vĩ* mà *Sắc* không có lực và *Doãn* đành là bệnh hư, nhưng mà những chứng khí nóng nấp nạt đêm khi, kết động cũng thấy mạch *Vĩ* và *Sắc*. Thế thì đầu chắc, có thể gọi là bệnh được sao ?

Coi đó thì biết rõ mạch cũng biến hoá, không thể câu nệ một đường lối nào được, cho nên khi chữa bệnh có khi nên bỏ chứng mà theo mạch, có khi phải bỏ mạch mà theo chứng, có khi hai phần theo mạch một phần theo chứng, có khi hai phần theo chứng, một phần theo mạch.

Xem mạch có khi gặp người thanh cao quý nhân, hai tay đều không có mạch, hay là có khi gặp người tay tả mạch nhỏ tay hữu mạch lớn, lại có người tay tả mạch lớn, tay hữu mạch nhỏ.

Lại những trường hợp gặp người bị cụt một hoặc cả hai tay, hoặc người phán quan mạch, người mụn nhọt làm hồng mất chỗ xem mạch, thế mà bảo không theo chứng thì còn biết làm thế nào ?

Theo tượng khí của Trời, thì khí dương ở phương Nam, mà khí âm ở phương Bắc, thân thể người ta hưởng ứng cũng y như Trời Đất vậy, cho nên người đàn ông hưởng về phía Nam sinh ra ở đấn, hai bộ thốn là Nam, được khí dương của Trời, vì thế cho nên thốn bộ mạch *Hồng*, mà xích bộ thì mạch *Nhược*, được như thế là người không bệnh. Theo tượng Đất khí dương ở phương Bắc thì khí âm ở phương Nam, người đàn bà con gái hưởng về bắc phương mà sinh ra bởi thân, hai xích bộ ở bắc, được khí âm của Đất, vì thế cho nên thốn bộ mạch *Nhược*, mà xích bộ mạch *Hồng*, đó thường, là người không bệnh.

Bao giờ cũng thế, hễ khí dương mạnh thì khí âm yếu, đó là đạo thường của Trời Đất, trái đi là nghịch, là bệnh vậy.

Cho nên khi xem mạch người đàn ông, mà thấy mạch người đàn bà con gái là không đủ, trái lại con gái mà thấy mạch con trai là thái quá, là có thừa.

Bởi vì người đàn ông được dương khí nhiều hơn âm khí, cho nên mạch ở tay tả mạnh hơn tay hữu.

Người đàn bà con gái được âm khí nhiều hơn dương khí, cho nên mạch ở tay hữu mạnh hơn tay tả.

. Tả Xích là gốc mạch Tinh phủ (Kho tinh) của người đàn ông con trai.

. Hữu xích là gốc mạch Huyết hải (Bể huyết) của người đàn bà con gái.

Nam tả nữ hữu, là định vị của Đất, vì rằng người ta lập hình ư địa cho nên theo cái đạo của Đất mà hoá nên đó, là cái lẽ thần hoá của Trời Đất (Thiên Địa Thần Hoá)

Người làm thầy thuốc biết được cái lẽ Thần Hoá của Trời Đất, hiểu được cái cơ vi của mạch lạc, phân biệt được cái lẽ diệu huyền của nam nữ, phủ tinh, huyết hải, lý hoá âm dương, thì mới quyết đoán được bệnh tình sống chết của người ta vậy.

SỐ ĐẠU VÀ VỊ KHÍ CỦA MẠCH

Thở ra là gốc ở Tâm và Phế

Trong lúc thở ra, lần động thứ nhất là mạch của Phế, lần động thứ hai là mạch của Tâm.

Hít vào gốc ở Can và Thận, trong một lúc hít vào lần động thứ nhất là mạch của can, lần động hai là mạch của Thận

呼 出 心 與 肺 (Hô xuất Tâm dư Phế)

吸 八 腎 與 肝 (Hấp nhập Thận dư Can)

Giữa khoảng thở ra hít vào cũng có một lần động, đó gọi là mạch Tỳ.

Bởi vậy năm chục lần động mạch chạy mới nghỉ một lần, hoặc không nghỉ lần nào, ấy là khí của năm tạng đều đủ.

Sau bốn chục lần động, mà mạch đã nghỉ một lần, tức là

Thận tạng tuyệt trước, khí của Can phải thay vào.

Người ấy chỉ hạn trong bốn năm, lúc cổ xuân mới mọc (thời vận của Can) thì chết, ấy là theo của Can bộ mà tính.

Ba chục lần động mạch nghỉ một lần, ấy là Can Thận hai tạng đều bị hại, khí của Tâm phải thay vào. Người bệnh ấy chỉ hạn trong ba năm, nhằm tiết Cốc vũ mùa hè, thời vận của Tâm mà chết.

Theo Tâm bộ mà tính, hai chục lần động mà mạch nghỉ ấy là người đó Thận, Can, Tâm, ba tạng đều không có khí, khí của Tỳ phải thay vào. Người ấy chỉ hạn trong hai năm, mùa lá dâu vàng, cuối mùa hè đầu mùa thu (thời vận của Tỳ) thì chết.

Theo Tỳ bộ mà tính mười lăm lần động mạch nghỉ một lần, đó là người ấy Thận, Can, Tâm, Tỳ, đều không có khí, khí của Phế phải thay vào. Bệnh ấy chỉ hạn trong một năm (cổ khô mùa Thu) thời vận của Phế, thì chết.

Đến như những người, hai lần động, hoặc ba, bốn lần động đã nghỉ một lần, là người đó có tạng đều sắp sửa tuyệt cả. Những người bệnh như thế, có thể lấy ngày mà dự định được việc chết.

Như thế thì xem mạch mà biết được thực hư sống chết cũng đủ thấy việc xem mạch quan hệ là thế nào vậy.

. Khí huyết trong mình người ta, bề ngoài tuy thế, nhưng mùa xuân thì nó lên, mùa hè thì nó nổi, mùa thu nó xuống, mùa đông chìm. Nó thường ứng với thường độ của bầu Trời.

四時脈論

SO SÁNH MẠCH VÀ THEO SÁT VỚI THỨ TỰ, NHẤT ĐỊNH CỦA BỐN MÙA

Chiếu theo các bộ mà nói thì : Can mạch *huyền*, Tâm mạch *hồng*, Phế mạch *sắc*, Thận mạch *trầm*, Tỳ mạch *hoãn*, đó là bản mạch của từng tạng.

Theo thời tiết mà nói thì mùa xuân mạch của sáu bộ đều kèm tượng *huyền*.

Mùa hè mạch cả sáu bộ mạch đều kèm tượng mạch *hồng*

Mùa thu mạch cả sáu bộ đều kèm tượng mạch *sắc*

Mùa đông mạch cả sáu bộ đều có kèm như tượng trung cho mạch Trầm. Mùa trường hạ (tháng sáu) và bốn tiết cuối bốn mùa, mạch cả sáu bộ đều tượng trung kèm theo mạch Hoãn.

Người nào mạch hợp với mùa như vậy, là người không có bệnh gì cả. Nhưng đầu sao, các mạch cũng phải hơi *Huyền*, hơi *Hồng* hơi *Sắc* hơi *Trầm*, mới là người có mạch Vị khí.

Nếu thấy nguyên *Huyền*, nguyên *Hồng*, nguyên *Sắc*, nguyên *Trầm*, thì gọi là mạch *chân tạng* không có vị khí để điều hoà cho nó.

Những người thấy mạch như thế rất nguy hiểm.

Cho nên mới nói rằng : Mạch trong bốn mùa phải lấy Vị khí làm gốc.

四時胃氣爲之本

TỨ THỜI VỊ KHÍ VI CHI BẢN

Vị khí tức là cái thể Bình thường của các mạch.

Nó là cái khí ở giữa các phủ, các tạng.

Mỗi khi xem mạch : Hễ thấy tượng thái mạch không lớn, không nhỏ, không dài, không ngắn, không chìm, không nổi, không trơn, không dứt, coi có vẻ trung hoà, nó ứng với ngón tay mình, tưởng chừng như nó có vẻ hơn hóm đặc ý, không biết đặt tên cho nó là gì, cho đúng được, đó là mạch Vị khí.

Nhưng điều cốt yếu vấn tất nhất là : hễ mạch có Vị khí thì mạch có lực, có thần. Hễ không có Vị khí mạch không lực, không thần, là bệnh khó chữa.

Xem mạch người đàn ông hay con trai, tay tả mạch nặng mà ở khí khẩu mạch đi hòa hoãn. Con gái hay đàn bà hễ mà tay bên hữu nặng mà ở Nghân nghinh thì mạch hoà hoãn, đó là thuận, là tốt, là mạch có Vị khí.

六甲循還若弟兄

Lục giáp tuần hoàn nhược Đệ huynh.

(Mạch đối với lục giáp vòng khắp như anh em.)

Khi hậu âm dương bốn mùa cùng nhau thay đổi tiếp theo luôn.

. Ngày giờ Đông chí tức là lúc khí âm cùng cực, thì lúc ấy dương khí sinh.

. Hạ chí là lúc khí dương cùng cực mà âm khí mới sinh, đó là hai tiết quan hệ trong mỗi năm, đối với người ta sự thay đổi của mạch cũng theo y như những tiết của trời đất vậy

Sau ngày Đông chí tuần giáp Tý (từ ngày giáp tý trước cho đến ngày giáp tý sau, đúng sáu chục ngày) gọi là tuần giáp tý thứ nhất)

甲子

Kinh thiếu dương vượng sáu chục ngày.

Nhưng khí của nó còn non, cho nên mạch chột lớn, chột nhỏ, chột dài, chột ngắn.

Sau ngày Đông chí tuần 甲子 giáp tý thứ hai, kinh minh vượng sáu chục ngày khí của nó dương sinh, cho nên mạch *Phủ*, *Dại* mà *Đoản*.

Sau ngày Đông chí tuần giáp tý 甲子 thứ ba, kinh thái dương vượng sáu chục ngày, bấy giờ khí của nó đã thịnh, cho nên mạch đi *Hồng* *Dại* mà *Trường*.

Đó là tiết trong một nửa năm đầu

Nửa năm về sau :

Sau ngày Hạ chí, tuần giáp tý thứ tư, kinh Thái âm vượng sáu chục ngày, bấy giờ âm khí mới sinh, cho nên mạch đi *Khẩn* *Dại* mà *Trường*.

Sau ngày Hạ chí, tuần giáp tý 甲子 thứ năm, kinh Thiếu âm vượng sáu chục ngày, Lúc bấy giờ âm khí đã thịnh

dẫn, cho nên mạch đi *Khẩn Tế* mà *Vi*. Sau ngày Hạ chí, tuần giáp tý thứ sáu, kinh quyết âm vượng, sáu chục ngày, âm khí lúc bấy giờ đã thịnh nên mạch Trầm, Đồn mà đôn hậu.

Lục lục : tam thập lục thành ra ba trăm sáu mươi ngày, ấy là một năm, đó là tam âm, tam dương, nó thay đổi nhau mà vượng, ngày giờ và mùa của nó là đại yếu.

Đó là tiết hết nửa năm sau.

Mạch và các tuần giáp tý quan hệ với nhau là như thế đó.

血脉要領

HUYẾT MẠCH VI YẾU LĨNH

nghĩa là làm sao ?

脉爲氣血府

MẠCH VI KHÍ HUYẾT PHỦ

Mạch là kho của khí huyết.

長脉

Người có mạch Trường là khí yên.

短脉

Mạch Đoản là dấu khí bị bệnh,

數脉

Sác là có chứng bực dọc nóng ruột.

大脉

Mạch Đại là dấu hiệu bệnh dương lên.

Mạch dẫu trên chạy mạnh là khí bốc lên cao.

Mạch dẫu dưới chạy mạnh là khí trường.

Mạch Đại 代脉 là chứng khí suy.

細脉

Mạch Tế là người ít khí.

瀦脉

Mạch Sác là người Tim dương bị đau.

Mạch to lớn là âm không đủ, dương có dư, nóng ở bên trong.

Mạch lại mau, mà đi thông thả, là chứng trên thực dưới hư, có khi phát ra điên cuồng, hoặc là ngất đi (chết giấc).

Mạch lại thông thả, mà đi mau, trên hư dưới thực, người có tính sợ gió.

Các mạch chỉ *Phù*, mà ấn tay không thấy nhảy lên, ở dương bộ (Tâm Phế) là bệnh nóng. Nếu ấn tay thấy mạch nhảy lên, là bệnh đau ở tay.

Các mạch *Tế* mà *Trầm* đều ở âm bộ (Tỳ Thận) là có chứng đau xương.

Nếu mạch chạy một cách bình tĩnh, thì là có bệnh ở chân.

Mạch động vài lần lại thấy thay đổi, là bệnh ở dương phần tất nhiên thường có chứng tiết tả, hoặc đại tiện đi ra máu mủ.

Mạch *Sức* là dương khí có dư.

Mạch *Hoạt* là khí âm có dư.

Dương khí có dư, là mình không có mồ hôi.

Âm khí có dư, là mình lấm mồ hôi, mà mình lạnh.

Nếu âm dương đều có dư, là không lấm mồ hôi, mà mình cũng lạnh.

Ấn đến sát xương mà thấy mạch chạy yếu sức, là chứng đau xương sống, và khắp mình đau có khi tê bại.

陰 陽 別 論

ÂM DƯƠNG BIỆT LUẬN

Âm mạch, dương mạch, đều *hư*, là bệnh trường tích (đi đại tiện ra huyết).

Mạch dương xen vào chỗ của mạch âm, là chứng hay đổ mồ hôi.

Mạch âm hư, mạch dương đập mạnh, phát ra chứng Băng huyết (máu ra nhiều).

Gại là âm : tức là mạch của chân tạng.

Như thấy mạch chân tạng là tạng khí đã bại, tàng khí mà bại thì là chứng chết.

Gọi là dương : tức là dương khí của Vị.

Hễ phân biệt được mạch dương, thì biết được chỗ bị bệnh.

Phân biệt được mạch âm, thì biết cái hạn của sự sống chết.

玉機真藏論

NGỌC CƠ CHÂN TẠNG LUẬN

Thật : là mạch Can tới, thì mạch trong ngoài rắn chắc, có khi căng như dây đàn, thế mà sắc mặt xanh nhợt không có vẻ nhuận, da lông khô kiệt là chứng chết.

Thận, Tâm, mạch tới, thì mạch rắn chắc và đập lên ngón tay lông lốc như sờ vào hát ý rì, thế mà sắc mặt đỏ bầm, không có vẻ nhuận, da lông khô khan là chứng chết.

Thận, Phế mạch tới thì *Đại* mà *Hư*, sờ vào thấy như lông chim, lông thú chạm vào, xem sắc mặt thì đỏ nhợt, không có vẻ nhuận, da lông khô là chết.

Thật Thận mạch tới mạch chạy đập lên ngón tay, một cách cứng rắn, tưởng như tay chạm phải đá, thế mà sắc mặt đen và hơi vàng, không có vẻ nhuận, da lông khô khao là chết.

Thật Tỳ mạch tới thì mạch thấy Nhược mà lại chọt mau, chọt thưa, thế mà sắc mặt vàng, lại hơi xanh, không có vẻ nhuận, da lông khô khao là chết.

Các mạch trên đều là mạch chân tạng, hễ đã thấy mạch chân tạng thì khó có thể chữa được.

返關脈訣

PHẢN QUAN MẠCH QUYẾT

Những khi đi thăm bệnh để tay ấn vào mạch bệnh nhân, thấy hình như mất mạch, đừng vội cho là mất mạch, nhưng phải cố gắng tìm tòi, vậy nên lật úp tay bệnh nhân xuống mà xem ở phía dưới cao cốt, sẽ thấy mạch động, đó tức là Phản quan mạch.

Gặp trường hợp như thế này, ta càng phải ra công cứu vớt, thấy mạch rồi cũng cứ xem xét, rồi quyết đoán cũng như những mạch thường, không có điều gì khác.

對照形色脈

ĐỐI CHIẾU HÌNH SẮC MẠCH

Xem hình sắc, mà biết được bệnh cơ của người ta, như thế có thể gọi là bậc thông minh.

Chân mạch người ta, mà biết được gốc bệnh có thể gọi là Thần.

Hỏi bệnh người ta mà biết được rằng họ bị đau ở đâu, bằng bệnh gì, gọi là khéo.

Sắc và mạch cùng bệnh nó ứng với nhau, cũng như một gốc cây.

Gốc, ngọn, rễ, lá, nó có quan hệ với nhau. Hễ rễ, gốc chết, thì ngọn, lá cũng phải khô.

Người nào sắc xanh thì mạch Huyền.

. Sắc đỏ thì mạch Câu.

. Sắc vàng thì mạch Đại,

. Sắc trắng thì mạch Mao,

. . Sắc đen thì mạch Thạch.

Thấy sắc ấy mà không thấy mạch ấy, nếu lại thấy mạch tương khác với sắc ấy, là bệnh chết.

Bằng như thấy mạch tương sinh với sắc ấy, thì bệnh sẽ chóng khỏi.

Hễ sắc và mạch tương sinh, thì là thuận là sống, mà tương khác thì là bệnh, chết.

Thí dụ : Sắc xanh mạch *Huyền* là thuận, vì xanh là sắc của Can, mà

Huyền là mạch của Gan.

Nếu sắc xanh mà mạch *Đoan*, Sắc là mạch của Phế, Phế kim khắc Can mộc là nghịch là chết.

微音脉訣

Ý NGHĨA CỦA MẠCH

Mạch nhờ về khí vị của cơm gạo, mà thành ra công dụng bởi nó hợp với cái máy đóng lại, mở ra.

Khi động, khi tĩnh, đều có thường độ, rõ rệt được lẽ thuận nghịch, vì vậy lấy mạch mà đoán được những sự lành dữ, thì mới có linh nghiệm.

脈之淵源

Nguồn gốc của mạch bởi những khí động đây ở dưới rốn, bởi hai trái thận mà ra, nó mường tượng y như là cái túi bóp lại phồng ra vậy.

Ngon của mạch là nhờ ở Vị-khí, của cơm gạo, hợp với sự thở hít mà ứng với sự bóp lại phồng ra của cái Túi kia, như là máy động cơ. Bởi vậy, lúc thở ra, khí ở Tâm và Phế đi ra, thì động hai lần, lúc hít khí vào Can và Thận, mạch cũng động một lần thở và một lần hít, gọi là một tức (một hơi) tất cả thở ra hít vào, mạch động bốn lần.

脾胃脈論

TỶ VỊ MẠCH LUẬN

Tỳ Vị thuộc về Hành thổ, muôn loài vạn vật đều phải nhờ đó mà sinh sống, những thức ăn uống vào dạ dày, khí của cơm gạo sôi sủi vẫn xay cũng như là cái máy nó tiêu hóa, rồi nó bốc lên trên ngực, những phần trong sạch, hóa ra vinh huyết, phần trọc khí hòa vào vệ khí.

Vinh huyết, và Vệ khí, lại theo Kinh lạc (các mạch máu) mà phân phối ra hai bộ Thốn, Khẩu rồi theo thứ tự mà đi các nơi.

Vị (dạ dày) thuộc Thổ, bởi tính của Thổ rất hay hòa bình, cho nên mạch của Vị cũng phải Hòa Hoãn. Nó xen vào mạch của bốn tạng kia, mà không có tên riêng.

Mạch con người ta tuy rằng phải ở Vị đấy, nhưng mà sự động của mạch vốn bởi khí huyết trôi chảy do đấy mà ra, chứ không phải việc riêng của một mình Vị mà thôi đâu.

Sách Nội Kinh nói rằng :

"Huyết không có khí, thì động lại không đi, khí không có huyết thì tan rã mà không có chỗ nương tựa.

Khí như vật hơi.

Huyết như sóng nước. Hơi đi sóng động, khí chạy thì huyết đi.

Nói tóm lại, Mạch chỉ là tinh thần của Khí và Huyết vậy".

Nói cho đúng, khí huyết sinh ra là nhờ ở nơi Tỳ Vị nó chứa thức ăn uống. Đã đành rằng Vị khí là gốc cho nguyên khí, bởi vì những thức ăn uống đều chứa đựng ở đó, nhưng cũng phải nhờ ở sức chuyển thấu cũng như vận tải của Phổi và Đại-Trường, vì vậy cho nên mười hai Kinh thấy đều có mạch cả, nhưng mà phải tôn Vị khí làm đầu đó.

Khí của cơm gạo, thức ăn ở dạ dày, tiêu hóa bốc lên, Phổi nhận được trước hết, và lại khí của mười hai Kinh, cũng đều tụ họp cả ở đó. Bởi vì nó là chủ các mạch.

Thức ăn uống vào trong dạ dày, biến hóa ra khí huyết, liền theo đó thì Vị khí nó sẽ đi suốt trong mười hai Kinh, như làn sóng nhiệm mầu vỗ vào các bến nước sông vậy.

骨 格 脉 理

HỌC MẠCH CÂN PHẢI BIẾT ĐƯỢC CHỖ CỐT YẾU.

Nghĩa của mạch, cũng như lý thuyết mạch, thấy ở các sách kể như là cũng đã rõ ràng lắm rồi, xưa người ta học thuốc thường học thuộc lòng, thế mà đến lúc xem mạch cũng còn man mác phân vân không biết đâu mà lẫn ra nữa.

Xét ra cũng chỉ vì tuy học nhiều đấy, nhưng không biết được đến chỗ cốt yếu của nó.

Vậy thì học thế nào mới có thể biết được cái chỗ cốt yếu ?

1. Phải biết cốt yếu của từng bộ vị,
2. Phải biết cốt yếu của từng Kinh tạng,
3. Phải biết cốt yếu của từng mạch thể.

. - *Nói về cốt yếu của từng Bộ Vị :*

Thí dụ : Xem các bộ đều không sao, chỉ riêng có bộ nào đó trái với thường độ, đó là bộ ấy có bệnh.

. - *Nói về sự cốt yếu của từng Kinh tạng :*

Phàm thấy mạch Hồng không cứ ở về bộ nào đều có thể nói là mạch của Tâm Kinh.

Hễ thấy mạch Huyền không cứ bộ nào, đều có thể gọi là mạch của Can kinh.

Rồi cứ thế mà suy ra mạch Phù của Phế.

Mạch *Hoãn* của Tỳ,

Mạch *Trầm* của Thận.

Các tạng đều có mạch riêng,

Mạch của tay bộ nào thuộc vào tạng đó.

Hễ tạng nào trái với thường độ, ấy là dấu bộ đó có bệnh.

. Trái thường độ, mà mạch chạy mạnh; là dấu bệnh đó có dư;

. Trái thường độ, mà mạch chạy yếu, đó là dấu bệnh đó không đủ.

. - Thế nào là cái cốt của mạch *Thế* ?

Sách Nội Kinh nói rằng :

"Một mạch riêng lớn đó là bệnh rôi.

Một mạch riêng nhỏ đó là bệnh rôi.

Một mạch riêng chậm đó là bệnh rôi.

Một mạch riêng mau đó là bệnh rôi."

Ấy là cái cốt của mạch *thế* đó.

Cần phải ý thức mà nhận định.

Ai đã biết được ba cái cốt đó, thì khi coi mạch mới khỏi phân vân.

Sách Nội Kinh lại nói rằng :

"Biết được tinh thần của một cái cốt của nó, thì đã có thể biết được sự sống chết, bệnh nặng hay nhẹ của người ta rôi."

Và lại nói rằng :

"Biết được cái cốt của nó rôi chỉ một lời nói là hiểu hết.

Nếu không biết được cái cốt của nó thì cứ man mác như rừng núi không biết đâu là cùng".

Tôi còn nhớ câu rất lý thú, xin ghi cả vào đây để hiến các bạn đọc thân mến :

失其訣者 脉絡皆差
THẤT KỲ QUYẾT MẠCH LẠC GIAI SAI
得其旨者 沉訣是妙
ĐẮC KỲ CHỈ GIÁ, TRÂM VỊ THỊ DIỆU.

Xin tạm dịch :

Trâm vị huyền diệu lắm thay

Thế mà nhận được thì hay chừng nào !

Lung tung Mạch lạc xôn xao

Bởi không biết đến chỗ vào tinh thông.

TINH THẦN HAI ĐIỂM CHÍNH

HUYỆT KHÍ HẢI, và HUYỆT ĐAN-ĐIÊN

1. Huyết 氣海 (*Khí hải*) nó ở ngay bên dưới rốn, hai tấc. Gọi là Khí hải vì chính nó là bể sinh khí, của con người đàn ông cũng như con trai.

2. Huyết 田丹 (*Dan-Điền*) nó cũng ở ngay dưới rốn ba tấc, nó còn có tên nữa là Huyết Quan-Nguyên, tức là chỗ mạch Nhâm, và mạch túc Thiếu âm gặp nhau chính nó là cửa ngõ của khí âm, và khí dương.

Hai huyết này là cội rễ của thân thể con người, và là nơi chứa đựng tinh thần. Sở dĩ nơi có hơi phập phồng ở hai huyết này, có thể nói nó ví như cái máy động cơ thiên tạo, đó tức là nguồn gốc sự sống, nguồn gốc của mạch lạc vậy.

Danh từ 田丹 (*Dan-Điền*) theo như Sách Đông-Y Bảo Giám chép rằng :

"Ốc với tủy gọi là *Tủy hải* là một *Dan-diễn* thượng. Trái Tim gọi là *Dáng-cung* là *Dan-diễn* trung, thứ hai, còn huyết nữa ở giữa bên dưới rốn ba tấc, gọi là *Dan-diễn* hạ. Hạ *Dan-diễn* là nơi phủ khố sinh tinh, và tàng tinh.

Trung Đan-diễn (Trái Tim) là cái phủ khố tàng thần.

Thượng Đan-diễn (Bộ óc) là cái phủ khố tàng khí.

Hạ Đan-diễn bên dưới rốn là nơi phủ khố sinh tinh".

Thiên Ngô-Chấn chép rằng :

"Người ta bẩm thụ được tứ khí mà sinh ra có mình, nhờ được âm dương đào chú, mới nên hình thể, cho nên trong mình người ta có tinh, có khí, có thần, làm chủ. Thần sinh ra bởi khí, khí sinh ra bởi tinh, ai muốn sống lâu khỏe mạnh cần phải luyện mà giữ gìn cho vững được Tinh, Khí, Thần, cho chắc chắn là sống lâu và khỏe mạnh".

Nên có mấy câu :

Bên tinh vững khí sống lâu

Thần tiên lục địa phải đâu khó lòng.

順 逆 脉 訣

MẠCH THUẬN VÀ MẠCH NGỊCH

Phạm những chứng không đủ, bởi tự bên trong mà ra thì rất sợ những mạch thuộc về loài Dương.

Như là : *Phủ, Khâu, Hồng, Sác.*

Những chứng có dư : bởi ở ngoài truyền vào, thì rất sợ những mạch thuộc về loài Âm.

Như là : *Trầm, Trì, Vi, Nhược.*

Bệnh nào phạm đến những điều kiêng sợ này, là bệnh rất khóchữa.

Những chứng (có dư) mạch phải có lực và có thần.

Nếu như mạch chạy : *Vi, Sác, Tế, Nhược*, không ứng với ngón tay, ấy là điềm nghịch.

Những chứng không đủ : mạch phải khoan thai mềm mại.

Nếu như mạch chạy *Hồng, Đại, Thực, Hoạt, Phủ, Sác*, đó là điềm nghịch.

Những bệnh phát lên một cách dữ dội, mà cách chạy *Phủ, Hồng, Sác, Thực*, là thuận. Những bệnh lâu ngày mạch đi *Hoãn Vi*, đi *Nhu, Nhược* là thuận.

Những bệnh mới phát mà mạch *Trầm, Vi, Tế, Nhược*.

Bệnh lâu ngày mà mạch *Phù, Hồng, Sác, Thực*, đều là nghịch cả.

Các bệnh mạch với chứng, cần phải hợp nhau, bằng như chứng có dư mà mạch không đủ, mạch có dư mà chứng không đủ, thì bệnh nhẹ cũng phải dang dai lâu ngày, bệnh nặng thì nguy hiểm.

Trong Nội kinh đối rằng :

"Mạch nhỏ giống như Sác gọi là bệnh phải lâu ngày.

Mạch *Phù*, mà *Hoạt*, gọi là bệnh mới phải.

Cho nên những chứng có dư : kiêng thấy mạch *âm*.

Những chứng không đủ : kiêng thấy mạch *dương*.

Bệnh lâu ngày mà thấy mạch *Sác*, bệnh mới phải mà thấy thân hình sút kém, mạch sắp thoát ra mà chết.

Những chứng nguyên khí hư hại có khi mạch thấy rất nhỏ, như muốn tuyệt. Nếu dùng những thuốc hồi dương cứu bản mà mạch khí từ từ trở lại mới là điểm lành.

回 陽 救 本

Nếu mạch hiện ra một cách mạnh mẽ hăng hái, chợt thấy như là nguyên khí đã bằng được như cũ, đó chính là thứ mạch giả dối, khéo không thì chỉ trong một hai ngày lại thấy sắp sửa mạch bị thoát ra, như trước đó, chừng ấy thì không thể nào chữa được.

Bằng như sau khi dùng thuốc hồi dương cứu bản, mà tuyệt nhiên không thấy sinh ý chút nào, thì cũng không còn thể nào chữa được nữa.

Nếu như các bộ mạch đều sắp thoát, nhưng riêng được có mạch của Vị tạng vẫn còn, thì cũng có thể còn cơ vớt vát chữa được một vài phần sống chăng ?

GIÁO NGHIỆM
HUYỀN VI
CỦA TẠNG PHỦ MẠCH

心 部 脈

(TÂM BỘ TỨC TẢ THỐN)

Tâm bộ mạch đi *Phủ, Đại, Tán*, tức là Tĩnh mạch, là không bệnh, vì những mạch này vốn là mạch của trái tim.

Nếu thấy mạch khi mới bắt đầu *Hồng*, đó là chứng bị tà khí truyền vào Tiểu-Tràng.

Tâm bộ thấy mạch *Phủ, Sắc*, đó là chứng ở bụng nhứt đầu, phát sốt, đỏ mặt, (mặt đỏ là chứng ngoại cảm nóng bị vít ở biểu) và đau ở các đốt xương, có khi còn đau cả trái Tim. *Tâm* bộ thấy mạch *Phủ, Trì*, đó là chứng ở bụng dưới, vì lạnh quá mà đau, hoặc vì Vị Hư nên hay ợ chua.

Tâm bộ thấy mạch *Phủ, Hư*, đó là chứng thiên đầu thống (đau nửa đầu) hoặc đau một bên mang tai.

Tâm bộ thấy mạch *Phủ, Huyền*, đó là chứng sán khí, hoặc bị giun sán quấy nhiễu.

Tâm bộ thấy mạch *phủ, Khản*, và *Hoạt*, đó là chứng bị đi đái rất, hoặc tiểu tiện bí tắc khó đi, đau buốt, hoặc đại tiểu tiện đều bí.

Tâm bộ thấy mạch *Phù, Hồng*, đó là chứng đờm hỏa và nóng tích lại cạnh sườn, nên ở lồng ngực bị đau.

Tâm bộ thấy mạch *Phù, Đại* mà *Tương*, đó là chứng bị gió độc phạm vào phủ tạng, phát ra điên cuồng, hoặc làm cho tỉnh ra người ngớ ngẩn, ngây dại.

Tâm bộ thấy mạch *Phù, Thực*, đó là chứng bởi vì nóng quá hóa ra phong.

Mạch quyết rằng : Mạch đi rất *Thực* thì mặt đỏ, phong táo đau, và sắc mặt với trái Tim cùng liên hệ với nhau đó.

Tâm bộ thấy mạch *Phù, Nhu*, đó là chứng năm tạng đều hư, ở chân thường có mô hôi. (Vì mạch của năm tạng hệ thống đều phát ra ở chân).

Tâm bộ mạch *Phù, Khâu* : đó là chứng ứ huyết, chứa ở trong ngực, làm cho đường khí phần không thông. Nếu khí đó bốc lên thì thổ ra huyết, hoặc đổ máu cam. Khí nó chạy xuống thì đại tiện ra huyết, đi lý ra huyết, có khi vừa thổ huyết, vừa đi lý.

Tâm bộ mạch đi *Phù* luôn xuống cả đến Quan bộ, đó là chứng các đốt xương bị đau, hoặc trong lòng phiền buồn bực dọc, sắc mặt đỏ. Tâm bộ mạch đi *Phù, Tuyệt* là ở bụng bên dưới rốn đau bĩ, vì Tỳ lạnh hoặc chứng Trung, chứng Hà.

Tâm bộ mạch đi *Trầm, Sát* mà *Thực* mà *Hoạt* đó là chứng nói mê, nói sáng, hoặc bị chứng Tâm kinh, hoặc là chứng lưỡi cứng đờ, nói không nên tiếng.

Tâm bộ mạch *Trầm, Trì* : đó là chứng huyết hư, hoặc ở Thượng tiêu bị lạnh, hoặc tám thần bị suy kém.

Tâm bộ chỉ thấy nguyên một thứ mạch *Trầm*, đó là có bệnh khí uất đờm nằm không ngủ được, hoặc khí uất bốc lên mắt bị đau nhức, hoặc bị khí uất chạy xuống thành ra chứng băng huyết, lậu huyết, quá nữa thì thổ huyết.

Tâm bộ thấy mạch *Trầm, Vi* : đó là chứng kinh huyết suy quá, hư hỏa bốc lên, ngực bụng đầy nghẽn, quá nữa cạnh sườn cũng đầy và đau tức.

Tâm bộ mạch *Trầm hoãn* : đó là chứng gân bị co rút phát ra chứng lưng đau, cứng đờ, cổ cũng cứng đờ, không quay đi quay lại được.

Tâm bộ mạch *Trầm Hoạt* : đó là chứng đờm và khí nóng bốc lên, làm ra úa thổ, có khi run sợ, lúc khởi lúc run.

Hoặc là *Trầm Tế* mà *Hoạt*, không phải mạch nào của bản mạch của nó đó là thủy khắc hỏa là chứng không chữa được.

Tâm bộ Mạch đi *Huyền Sắc* : đó là *Tâm* kinh khí hư, huyết ít mẹ⁽¹⁾ không đủ nuôi được con⁽²⁾ đến nỗi vị khí bị hãm ở dưới, sinh ra tâm thần suy kém, mặt không sắc máu, tiếng nói lớ đờ không muốn nói, tinh thần uể oải, quá hơn nữa thì khí huyết vít đọng, ngưng trệ làm cho thân thể thấy đau.

Tâm bộ mạch *Trầm Khẩn* : đó là *Thận* có tà thủy tràn lên đè nén trái *Tim* gọi là *Tặc* tà, phát ra chứng *Chân tâm thống* chứng này cũng nguy lắm.

Tâm bộ mạch đi *Trầm Phục* : đó là bởi lo nghĩ uất ức nhiều quá, hoặc đờm rãi nhiều quá, *Tâm* và *Phế* hai kinh tích tụ làm cho bí tắc trong lồng ngực.

Tâm bộ mạch *Trầm Huyền* : đó là chứng *Can* tà lấn *Tâm* làm cho lúc đói thì đói một cách khốn khổ, mà lúc no thì no an ách.

Tâm bộ mạch đi *Trầm Nhược* : đó là chứng dương khí hư sinh ra run rợ hãi hùng.

Sách Quyển Dư chép rằng :

左寸弱兮陽氣虛
TÁ THỐN NHƯỢC HỀ, DƯƠNG KHÍ HƯ,

(1) *Chủ thích* : Theo như hệ thống ngũ hành sinh khắc tâm hỏa sinh Vị thổ, vì vậy cho nên gọi *Tâm* là Mẹ, *Vị* là con.

(2) *Chủ thích* : Theo như hệ thống ngũ hành sinh khắc tâm hỏa sinh Vị thổ, vì vậy cho nên gọi *Tâm* là Mẹ, *Vị* là con

心 驚 悸 兮 汗 難 除

TÂM KINH QUÝ HỀ HÃN NAN TRỪ

Xin tạm dịch :

Khi hư tả thốn mạch như lư,

Tâm thần hoảng hốt dương hư kinh hoàng,

Mồ hôi lã chả ra tràn,

Cũng vì Dương khí nát tan hư rồi.

Tâm bộ mạch đi *Trâm Tuyết* : đó là chứng đau dưới trái tim, lòng bàn tay tay nóng, hay úa thổ, lở miệng.

Tâm bộ : ấn tay nhẹ đã thấy mạch *hư*, ấn tay nặng cũng thấy mạch *hư*, đó là chứng Tâm và Tiểu Trạng đều *hư*, tất nhiên nó sẽ phát ra chứng tiết tả, hoặc gai gai sốt, hoặc chân tay giá lạnh, hoặc đại diện đi ra huyết.

Tâm bộ : ấn tay nhẹ thấy mạch *Thực*, ấn tay nặng cũng thấy mạch *Thực* : đó là chứng đại tiện bí kết, vì là Tâm và Tiểu-trạng đều thật, tiểu tiện không thông, hoặc là người ấy ở trong tâm phúc, ý ạch no đầy khó chịu.

肝 部 脉

CAN BỘ MẠCH

(TỨC LÀ TẢ QUAN)

Can bộ mạch đi Huyền mà có vẻ mềm mại dịu dàng : đó là người không có bệnh tật gì cả.

Vị Huyền là mạch chính của Gan, còn mềm mại dịu dàng là mạch của Vị.

Can bộ lúc đầu thấy mạch *Vị* sau rồi thay mạch *Huyền*: đó là chứng *trái Mật bị kinh rối* sẽ phát ra chứng *Hoàng Đản* (chân tay mặt mũi vàng, nước đái đều vàng)

Can bộ mạch đi Huyền Sác : đó là chứng phong nhiệt tác tộ, rồi nó sẽ phát ra sốt rét, chân tay gân mạch co quắp.

Can bộ mạch đi Phù Trì : đó là chứng gai gai rét sợ lạnh, có khi ra phát sốt, nước mắt chảy ra.

Can bộ mạch đi Phù Tế : đó là chứng Đàm khí hư khiếp (yếu kém) tất nhiên phát ra rùng mình, chân tay run lẩy bẩy, đêm ngủ ra mồ hôi trộm.

Can bộ mạch đi Phù Nhược hoặc Vị hoặc Tán : đó là chứng Phế mạch đê Gan làm cho Can khí phải hư : người ấy rồi sẽ mắt nầy đom đóm hay là vì hoa mắt, lại trông các đồ vật không rõ.

Can bộ mạch đi *Phù Khâu* : đó là chứng thất huyết vì huyết hư quá, không đủ nuôi được gân thịt, cho nên chân tay tê bại xui trệt.

Nếu là cực *Phù* thì liệt gân, hoặc bán thân bất toại, hoặc đại tiện ra huyết.

Can bộ mạch đi *Phù, Đại* mà *Hoạt* và *Thực* : đó là chứng tâm mạch đê Can, huyết nóng sinh ra lậu, đến nổi đầu mắt không được thanh sáng, mắt mờ, hoặc sưng đau yết hầu, cổ họng khô ráo khó chịu.

Can bộ thấy mạch *Huyền* nổi lên đến thốn bộ, tất nhiên sẽ phát ra chứng nhức đầu, chóng mặt, hoa mắt, đầu nặng trĩu gân mạch đau buốt.

Can bộ mạch đi *Phù Sắc* : đó là chứng huyết hư, huyết thiếu, hư quá sẽ sanh ra chứng nôn óe, hư nữa thì hai bên cạnh sườn đầy trướng, mình đau nhức. Đàn bà thấy mạch này có chứng huyết động và khí trệ, kinh nguyệt không thông.

Nếu *Phù Sắc* mà *Doãn* thì là ác mạch của Can.

Can bộ chỉ thấy mạch *Phù* : đó là chứng chân tay, đùi gối đau nhức, miệng đắng, hay sợ hãi kinh hoảng.

Can bộ mạch *Trầm Trì* : đó là chứng huyết lạnh phát ra Sẩn khí, công kích, đến nổi đêm nằm ngủ không được.

Can bộ mạch đi *Trầm Sắc* : đó là chứng uất khí, bởi hay giận dữ, Can hỏa bốc lên luôn, hay có những chứng ung thư, mụn nhọt, chốc lở.

Can bộ mạch đi *Trầm Huyền* mà *Khẩn* và *Thực* : đó là chứng thận thủy không đủ sinh mộc, đến nổi Can hư kết lại thành tích, hoặc cạnh sườn đau.

Can bộ mạch *Trầm Thực* : đó là chứng da thịt bị đau, gân bị co rút.

Can bộ mạch *Trầm Vi* : đó là chứng Can khí bị hư rồi, nó phát ra đau mắt, có màng mỏng, có khi phát ra chứng đại tiện đi nhiều.

Can bộ mạch Trầm Nhuộc : đó là chứng huyết hư làm cho gân mạch kho kho, co rút gân mạch, ở lưng uốn cong như cung giương. Đàn bà sau khi sinh con rồi hay bị bệnh này.

Can bộ mạch Trầm Hoãn : đó là chứng dư thức ăn, ăn vào không tiêu, hơi độc hun bốc lên ngực, làm cho ngực đau như dùi đâm, hoặc là khí kết ở bụng mà bụng nổi đau.

Can bộ mạch Trầm Phục : đó là chứng khí lạnh, phạm vào trong huyết, làm cho chân tay đau nhức khó bề co vào, duỗi ra.

Can bộ mạch Trầm Nhu : đó là chứng Phách suy, làm cho trong lòng run sợ hoảng hốt, nửa mình bên dưới và chân tay đùi về trảm trọng không muốn động cựa, cất nhắc gì nữa.

Can bộ mạch Trầm Tuyệt : đó là chứng không còn Can mạch, người đó mê man, đái són, bệnh này gặp ngày canh tân hành Kim⁽¹⁾ vận hạn là chết.

Can và Đả đều thấy mạch *Thực* cả, tất nhiên có chứng nôn oẹ, ấu thổ thức ăn vào không tiêu.

Can và Đả đều thấy mạch *Hư*, tất nhiên có chứng chân tay giá lạnh, làm cho tính tình khó nết, không vui, hoặc khi mừng, lúc giận, không chừng.

腎 部 脉

THÂN BỘ MẠCH (tức Tả Xích)

Thân bộ mạch đi *Trầm Thực* mà *Hoạt* : đó là người khỏe mạnh không bệnh.

(1) *Phế Kim khắc Can Mộc*, cho nên đến ngày hành Kim là tận số.

Thân bộ mạch đi trước Vị sau Trâm : đó là chứng bệnh ở Bàng-quang.

Thân bộ mạch đi Phù Sác : đó là chứng Bàng quang hỏa động, cũng bởi vì công việc làm ăn vất vả quá độ mới sinh ra chứng nhiệt, tiểu tiện đi ra đỏ.

Thân bộ mạch đi Phù Trì : đó là chứng tinh bại, rồi sinh ra chứng bạch đới (rớt trắng) bạch trọc (nước đái đi ra đục như nước gạo thổi) đến nổi tai ù tai kêu, nếu lâu không khỏi, có thể điếc được.

Thân bộ mạch đi Phù Hoạt mà Thực và Đại, đó là chứng nhiệt tà ở Tâm kinh nó lấn xuống, làm ra chứng tiểu tiện khó đi và đau buốt.

Nếu mạch đi *Phù* quá, thì tại hàn tà nó thấm vào Tiểu tràng tất nhiên nó sẽ làm ra chứng thiên trụ⁽¹⁾, tiểu tiện đi ra hơi khăm khảm.

Thân bộ mạch đi Phù Khẩn : đó là chứng ở bên trong thận bị có gió độc, rồi nó bốc lên tai, làm cho tai điếc.

Thân bộ mạch đi Phù Sác : đó là chứng bên trong vì hư hàn ra chứng Sản khí Thận nang ở ngoài sưng lớn, rồi làm ra mộng tinh, di tinh.

Thân bộ thấy mạch Phù Hư : đó là chứng Phong và Khí nó đập nhau, tất nhiên phát ra chứng đau răng, hoặc chảy máu chân răng rồi làm ra lưng sống mỏi, nếu nặng hơn nữa chân tay lên nhiều mụn nhọt.

Thận bộ mạch đi Phù Khâu : đó là chứng Thận hư, đàn ông con trai thì đi tiểu tiện ra huyết, đàn bà con gái ắt sinh ra chứng lậu huyết.

(1) *Thiên trụ* : Ngọc hành âm nang sa xuống một bên

Thận bộ mạch đi *Phù Hoàn* : đó là chứng gió độc nó vào Kinh Thái Dương, Bàng-quang bị bệnh, phát ra chứng Thương Phong, làm cho tiểu tiện phải đi luôn.

Thận bộ mạch đi *Phù Thực* : đó là chứng khí nóng bởi Tâm nó truyền sang Tiểu-tràng, phát ra chứng đầy trướng rồi ở bụng dưới tức chói, đại són, tiểu tiện đi ra từng giọt (lâm lịch)

Thận bộ mạch đi *Phù Hoạt* : đó là chứng dương lãn âm, bởi vì Thận hư không hóa được thủy. Thủy khí tụ lại, ở bụng ở rốn giá lạnh.

Thận bộ mạch đi *Phù Hồng* : đó là chứng âm đạo suy tổn, đến nổi hỏa đề lên thủy, phát ra chứng nóng.

外 感 脉

NGOẠI CẢM

Hễ thấy mạch này thì là nhiệt nó vào trong Bàng-quang, đến nổi làm ra chứng tiểu tiện đỏ, mà khó đi, hai đùi đau buốt.

内 伤 脉

NỘI THƯƠNG

Thấy mạch này là chứng âm tinh suy kiệt, quá lắm thì chân mềm nhũn, đầu gối nhức mỏi, đau buốt.

Thận bộ thấy nguyên mạch *Phù* : Đàn ông con trai thì dinh tinh, mộng, đại són. Đàn bà con gái thì kinh nguyệt không thông.

Thận bộ mạch đi *Trầm Sắc* là chứng âm hư thủy kiệt, rồi hỏa động hoặc có ứ huyết.

Thận bộ mạch đi *Trầm Trì* : đó là chứng thân lạnh, làm tiểu tiện đi luôn, tinh khí bạc nhược vì đi đại nhiều quá.

Đàn bà con gái hễ thấy mạch này thì là chứng huyết kết, tử cung cũng lạnh.

Thận bộ mạch đi *Trầm Khẩn* mà *Hoạt* và *Huyền* : đó là chứng thận bị gió độc, hoặc bởi hơi ẩm ướt phạm vào lưng đùi, làm nhức mỏi.

Thận bộ mạch đi *Trầm Huyền* : đó là chứng dạ dày bị lạnh, không chế nổi được thủy. Thủy khí đọng ở hạ tiêu.

Thận bộ mạch đi *Trầm Vị* : đó là chứng khí hư.

Đàn ông con trai thấy mạch này thì có chứng di tinh, tiểu tiện đi ra huyết.

Đàn bà con gái thấy mạch này, nó sẽ phát ra chứng băng huyết, chứng bạch đới, kinh nguyệt không đều. Nếu *Trầm* lắm, thì sẽ phát ra chứng ngứa ở dưới âm hộ, hoặc chân đùi nhức mỏi đau buốt.

Những chứng này đều là bởi vệ khí không thông, thấp nhiệt thịnh quá.

Thận bộ mạch đi *Trầm Hoàn* : đó là chứng thổ khí nó đề lên thủy, cũng bởi hạ nguyên hư lạnh, chân tay tê bại.

Thận bộ mạch đi *Trầm Thực* : đó là chứng khí âm tích ở hạ bộ, rồi nó sẽ phát ra chứng sản khí, hoặc là chứng trung chưng Hà, hoặc là tiết tả.

Thận bộ mạch đi *Trầm Nhu* : đó là chứng khí huyết đều hao tán. Đàn ông con trai thấy mạch này thì tiểu tiện đi ra huyết.

Đàn bà con gái thấy mạch này phát ra chứng thất huyết, hoặc có bệnh trụ thai.⁽¹⁾

Thận bộ mạch đi *Trầm Sắc* : đó là chứng Thận hư không thể làm cho Trường Vị ấm áp, tất nhiên thân thể sinh ra giá lạnh, bụng sôi như sấm kêu.

Thận bộ mạch đi *Trầm Hoàn* mà *Sắc* : đó là chứng huyết hư sinh ra nóng nẩy.

Thận bộ mạch đi *Trầm Tán* : đó là chứng đau lưng, tiểu tiện đi nhiều.

(1) *Thụ thai* : *Đẻ non, rơi con.*

Thận bộ mạch đi *Trâm* mà đới *Hoạt* : đó là mạch Thuận, dù có bệnh cũng không hề chi.

Thận bộ thấy mạch *Trâm Nhược* : đó là chứng khí âm sắp tuyệt.

Thận và Bàng-quang đều thấy mạch *Thục*: đó là chứng nhức đầu, đau mắt..

Thận và Bàng-quang đều thấy mạch *Hư*, nó sẽ phát ra chứng đau bụng, tim đau, hoặc đi tả ra như tháo cống.

肺 部 脉

PHẾ BỘ MẠCH (tức Hữu Thốn)

Phế bộ mạch đi *Phù Sác* mà *Doãn* : đó là mạch bình thường, người không bệnh.

Phế bộ mạch đi trước hơi *Phù*, sau rồi kèm thêm *Tán* và *Đại* : đó là mạch khí của Đại-trường trong sạch, cũng không có bệnh gì.

Phế bộ mạch đi *Phù Sác* : đó là chứng trúng phải gió độc, phát ra ho hắng, mình nóng, đại tiện khó đi.

Phế bộ mạch đi *Phù Trì* : đó là chứng Phổi bị lạnh, đờm dài kết ở trong ngực, ăn uống khó tiêu, có khi phát ra đi tả.

Phế bộ mạch đi *Phù Thục* mà *Hoạt* và *Đại* : đó là chứng tâm hỏa đề lên Phế, làm ra những chứng khô ráo cổ họng, đau như cát cổ, nhổ ra đờm dài dính đặc, mũi ngạt, ngủ không biết mùi, khó nói.

Phế bộ mạch đi *Phù Khâu* : đó là chứng ứ huyết tích ở trong ngực, làm ra chứng nôn oẹ, hoặc đổ ra máu cam, nếu huyết ứ nhiều quá, ngực sẽ phát ra đau tức dữ dội.

Phế bộ mạch *Phù* chạy dài lên khỏi Thốn Khẩu : đó là chứng khí không trở xuống được, nó sẽ phát ra chứng ngực và bụng đầy tức.

Phế bộ mạch đi *Phù Hồng* : đó là chứng Hỏa thịnh quá, phát ra những chứng đờm dài nhỏ ra dính đặc mà hôi tanh.

Phế bộ mạch đi *Phù Khẩn* : đó là chứng cảm mạo phải gió độc lạnh làm ra ho hắng, có khi phát ra thờ xuyên.

Phế bộ mạch đi *Phù Hồng* : đó là chứng gió lạnh truyền vào Đại tràng làm ra chứng ho hắng, nóng lạnh. Phế bộ mạch đi *Phù Hoạt* : đó là chứng đờm nhiều, đầu mặt choáng váng, chóng mặt nhưc đầu, khó chịu.

Phế bộ chỉ thấy nguyên có một mạch *Phù không* : đó là chứng khí kém, mà ở bên dưới trái Tim có nước.

Phế bộ mạch đi *Trầm Sác* : là chứng Hỏa đề lên phế, nó sẽ phát ra những chứng đờm dài khô khè, hoặc là ho hen, xuyên.

Phế bộ mạch đi *Trầm Trì* : đó là chứng bởi đờm nhiều ăn uống khó tiêu, dần dần phần khí sẽ suy giảm.

Phế bộ mạch *Trầm Khẩn* mà *Hoạt* : đó là chứng phế bị có gió độc, hoặc khí lạnh, hoặc đờm độc, phát ra chứng ho hắng, đờm dài khô khè.

Phế bộ mạch *Trầm Tế* mà *Hoạt* : đó là chứng Thận thủy đề lên phế, bệnh nó phát ra bởi ở trong xương.

Phế bộ mạch đi *Trầm Thực* mà *Hoạt* : đó là chứng nhiệt kết ở ngực.

Phế bộ mạch đi *Trầm Nhược* : đó là chứng dương hư phát ra chứng kinh giản trơn mắt, sợ hãi hoảng hốt, hoặc ra nhiều mồ hôi.

Phế bộ thấy nguyên mạch *Trầm* : đó là chứng đoản khí, hơi ngắn khó thở hay ho hắng. Phế bộ Đại-trường đều thấy mạch *Thực*: đó là chứng môi không mím được, cánh tay hay có rút, không

khèo. Phế và Đại trường đều thấy mạch *Hư* : đó là chứng hay kinh sợ, tính tình không vui, mắt hoa thường nảy ra đóm đóm.

脾 部 脉

TỖ BỘ (tức là Hữu Quan)

Tỳ bộ mạch đi *Hoãn* : đó là người khỏe mạnh không bệnh tật gì.

Tỳ bộ mạch trước đi *Vị* sau mới *Hoãn* , cũng là người không bệnh.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Sác* có lực, đó là chứng trong dạ dày có hoả, thường hay ợ chua, nôn oẹ ầu thổ, chân răng sưng đau hoặc chảy máu, người rất chóng đói, đêm ngủ hay ra mồ hôi trộm.

Tỳ bộ thấy mạch *Phù Sác* mà không có lực : đó là chứng đã bị thấy thuốc dùng thuốc chữa lằm, như là thổ hạ đến nỗi hại cả Tỳ Vị.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Trí*: đó là chứng Tỳ Vị hư hàn, hay nôn oẹ bụng đầy trướng, võ kêu bôm bốp.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Sác* cũng là chứng Tỳ Vị hư hàn, ăn uống không tiêu.

Tỳ bộ thấy mạch *Phù Thực* : đó là chứng vì làm công việc vất vả quá độ, hại đến tỳ thổ. Tâm hoá nhân cơ hội đó đè nén, chỉ tiêu cơm gạo ra bã giả, mà không hoá thành tinh huyết để nuôi năm tạng, đến nỗi phát ra bệnh, tất nhiên có những chứng miệng khô cổ ráo, hay là khát nước, tiểu tiện hay đi luôn, mà thân thể hao mòn.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Khâu* : đó là chứng vị khí suy kém, vinh khí bị bại da thịt không nhuận không có vẻ bóng nhoáng, và cứ dần dần hao mòn.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Khẩn* : đó là chứng trong bụng bị lạnh mà đầy, đau bụng luôn, sôi bụng luôn.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Hư* : đó là chứng ở bên trong hư hàn, tất nhiên khí đoản hơi ngắn, khó thở.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Huyết* : nó sẽ phát ra những chứng hư hàn, tất nhiên khí đoản hơi ngắn, khó thở. Tỳ bộ mạch đi *Phù Đại* và *Huyết* chạy luôn lên đến

Thốn bộ, đó là chứng Tỳ bị có gió độc truyền vào, tất nhiên miệng khi ngủ hay chảy nước dãi ra.

Tỳ bộ mạch đi *Phù Huyết* : đó là chứng bởi Can khí mạnh quá hại đến Tỳ khổ, tất nhiên có những chứng chân tay co quắp, hoặc rời rã mỗi một, hay là sốt rét, hoặc đi lị.

Tỳ bộ chỉ thấy nguyên mạch *Phù* : đó là chứng có gió độc tụ ở trong dạ dày, vì Vị bị hư quá, tất nhiên bụng lớn phình ra chân tay thì gầy nhỏ lại, mừng tượng như là con nhện.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Sát* phát ra những chứng mỗi một, tính chỉ ưa nằm, hoặc ăn rồi lại thổ, hoặc miệng hôi, hoặc chân răng hay chảy máu.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Trì* : đó là chứng ăn nhiều hoa quả, những giống sống, giống lạnh, ăn vào khó tiêu, đọng lại thành tích, làm cho bụng đầy, ít ăn, sinh ra đờm nhiều, hơi thở khô khè, ngắn hơi, hoặc phát trướng, hoặc đau bụng.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Hoãn* : đó là chứng trên thịnh dưới hư, khí không thăng giáng được dễ dàng, mà kết lại ở dưới bụng.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Hoãn* : đó là chứng hư hỏa đốt tỳ thổ, đến nỗi Tỳ khí bị hư, Vị khí bị tắc ăn uống không còn biết ngon, hay không ăn được.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Vị*, đó là chứng bởi Vị Tỳ thổ có khí uất kết, bốc lên Tâm bộ, tất nhiên nó sẽ phát ra những chứng Tâm thống, hoặc ợ hơi chua, hoặc ăn cơm hay nghẹn.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Phục* : đó là chứng âm khí kết lại ở trong bụng thành khối.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Sắc* : đó là chứng tâm hoá suy kém, khiến cho Tỳ không sinh khí không thể tiêu hoá cơm gạo thức ăn, phát những chứng hay nôn oẹ, ít ăn.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Nhu*, tất nhiên phát ra những chứng hơi ngắn, khó thở.

Tỳ bộ mạch đi *Trầm Nhược*, tất nhiên có chứng hay thở.

Tỳ bộ chỉ nguyên thấy mạch *Trầm*, tất nhiên phát ra những chứng đại tiện đi nhiều, hay nôn oẹ đầy bụng, chân tay mỗi một không buồn động cựa, quá hơn nữa thì thành bệnh cổ, bụng trướng to căng như trống cái.

Tỳ Vị đều thấy mạch *Hư* : đó là chứng khí hư không đủ thở chân tay giá lạnh, đi tả luôn luôn.

Tỳ Vị đều thấy mạch *Thực* phát ra nóng lạnh, sốt rét, hoặc đầy trướng, hoặc đau cạnh sườn, hoặc hay kinh, giận, giật mình sợ hãi.

命門部脈

MỆNH MÔN BỘ (tức là Hữu Xích)

Mệnh môn bộ mạch đi *Trầm Thực* và *Hoạt*, đó là người khoẻ mạnh không có bệnh.

Mệnh môn bộ trước thấy mạch *Vị* sau *Trầm*, đó là người ở Tâm bào lạc không có hỏa tà cũng như là người không có bệnh hoạn.

Đàn bà con gái mạch ở *Mệnh môn bộ*, nên *Phủ* và có lực, nếu ai có mạch *Phục Sắc* thì không có con.

Mệnh môn bộ mạch đi *Phủ Trì*, đó là chứng tương hỏa đã suy, thường phát ra chứng đại tiện đi luôn, hoặc hay có chứng đở mồ hôi trộm.

Mệnh môn bộ chỉ thấy nguyên mạch *Phù*, đó là chứng bị gió độc cảm vào trong *Phổi*, tất nhiên có chứng dai tràng khô sấp không thông.

Mệnh môn bộ mạch đi *Phù Huyền* : đó là chứng nước uống bị đọng lại trong bụng ở bên dưới rốn, thường thường quặn đau.

Mệnh môn bộ mạch đi *Phù Hoạt* : đó là chứng đờm hoả nhiều quá tác hại, phát ra những chứng đi tả khát nước, uống nước vào càng sôi bụng.

Mệnh môn bộ mạch đi *Phù Khẩn* : đó là chứng bị gió độc phạm vào *Hạ tiêu*, tất nhiên bụng dưới thấy đau.

Mệnh môn bộ mạch đi *Phù Khâu*, phát ra những bệnh đại tiện đi ra huyết.

Mệnh môn bộ mạch đi *Phù Tế* : đó là chứng gây sốt rét ra nhiều mồ hôi, tính hay rừng mình.

Mệnh môn bộ mạch đi *Trầm Sát* : đó là chứng *Mệnh môn* hoả thịnh, phát ra khát nước và tiểu tiện đỏ.

Mệnh môn bộ thấy mạch đi *Trầm Trĩ* : đó là chứng *Mệnh môn* hoả suy, tất nhiên đại tiện long tiểu tiện trong, mà đi luôn, như thế là dần dần có hại, hao môn.

Mệnh môn bộ mạch đi *Trầm Vi* : đó là chứng *Bàng quang* bị đau, phát ra những bệnh tiết tả, hoặc là chứng bạch trọc, bạch đới.

Mệnh môn bộ mạch đi *Trầm Sát* : đó là chứng tình khí kiệt quệ, phát ra những chứng đại tiện bí kết ở bụng dưới, và ở chân thường thường lạnh.

Mệnh môn bộ mạch đi *Trầm Nứt* mà *Hoạt* : đó là chứng *Hạ tiêu* vì lạnh mà đau bụng, *Trầm Phục* đau chân.

Mệnh môn bộ : ấn tay nhẹ, vừa hoặc ấn tay nặng đều thấy mạch *Thực*: đó là chứng nhiệt khí mạnh quá, khó giải

Nếu ấn tay nhẹ, ấn tay vừa, ấn tay nặng nặng đều thấy mạch *Hư* : đó là chứng hàn quá khó bỏ, quý nhất là ở chỗ tựa như *Hư* mà lại *Thực*: tức *Nhược* mà lại *Hột*.

Mệnh môn bộ còn có tên nữa là : *Mệnh Mạch*, lại trên hai cung Xích bộ một phân, đều gọi là huyết *Thần môn*, đó là chỗ mạch của *Mệnh môn* tràn lên.

Người bệnh có mạch ấy thì sống.

Người không có mạch ấy thì chết.

Cho nên muốn đoán bệnh sống bệnh chết, đầu rằng cốt ở chỗ xem mạch Vị khí đã đành, nhưng mà cũng cần xem cả mạch.

Mệnh môn nữa càng chắc.

Những mạch *Mệnh môn* (cung bộ) nam nữ đều khác nhau.

Người đàn ông con trai theo về thiên đạo, hữu tuyến, người con trai trước hết phải chủ ở Hữu Thận, cho nên *Mệnh môn* bộ Vị.

Mệnh môn thì ở bên Hữu, mà Thận bộ vị lại ở bên tả Xích.

Đàn bà con gái theo Địa đạo tả tuyến, người con gái trước phải lấy bộ Vị Thận là Tả Thận, cho nên cung bộ của *Mệnh môn* lại ở bên tả, mà Thận lại chủ về bên tay hữu.

Nói ví dụ như người đàn ông có bệnh mà hữu xích *Mệnh môn* mạch tốt, thì bệnh bề ngoài dầu nặng đến đâu cũng không hề chi.

Người đàn bà có bệnh mà mạch ở Tả Xích bộ *Mệnh môn* mạch tốt, thì dầu bệnh nặng đến đâu, cũng chẳng khi nào chết được.

Phần thứ hai

THÁI TỐ MẠCH HUYẾT 太素秘傳脈

Trời đất có núi sông cây cỏ, mây mưa gió táp nhiều khi biến chuyển để hình dung sự vận động lưu thông, cũng như luân chuyển khí thể trong hoàn vũ.

Người ta cũng thế, Tạo hoá đã tạo thành nhân vị, cũng có thân thể thịt xương, khí huyết mạch lạc lưu thông liên hệ khắp quanh tạng phủ, cũng như các mạch máu tuần hoàn, hơi thở ra, khí hít vào, bởi tâm tỳ phế thận, ví như một động cơ thiên tạo, đó gọi là sự sống.

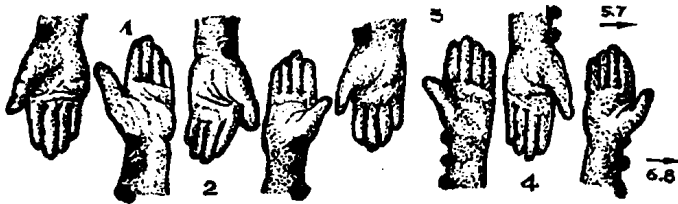
Phải chăng đó là định luật của Tạo Hóa, hay bí quyết của diệu huyền.

Ngày xưa các bậc thánh hiền, chân nhân quân tử, đã vì nhân sinh mà gia công nghiên cứu, đã ý thức được đến chỗ tinh vi, cũng như đã khám phá ra được những sự huyền bí của tạo vật thật là một việc cao siêu không kể xiết.

Bàn về sách mạch Thái Tố, chẳng những xem mạch mà biết được bệnh cư, lại còn có thể biết được kẻ tốt người xấu, biết được kẻ dữ người lành, biết được người ấy sống lâu hay chết non, biết được thịnh suy hay bĩ thái.

Xem mạch còn có thể biết được cha, xem mạch cha có thể biết được người con, xem mạch chồng có thể biết được người vợ, xem mạch vợ có thể biết được người chồng, thật là vô cùng kỳ diệu, ai đã dám nói chắc, rằng có rằng không được chăng, ai đã biết được rằng hay hay dở việc gì ở đời cũng mười phần biết đầu rằng đúng cả như mười ?

Chúng ta xét thấy công phu sự nghiệp của tiền nhân để lại, cũng lấy làm hãnh diện ta là cháu chất dòng dõi các ngài, đương nhiên ta được thừa hưởng những sự nghiệp lớn lao, vô cùng vĩ đại ấy, những công lao nghiên cứu công trình ấy thiết tưởng chúng ta cứ ra công học tập, nghiên cứu cho tinh vi, biết đầu lại không có thể rồi ra chúng ta sẽ lãnh hội được nhiều phần ưu ái ấy vậy.



THÁI TỐ THÔNG HUYỀN LUẬN

太素通玄論

Có người hỏi rằng :

Sống trong thế kỷ hai mươi này, giữa thời đại nguyên tử dưới ánh sáng mặt trời văn minh, sao cụ còn cố chấp, sao lại còn có những chuyện Huyền vi viễn vông kỳ cục vậy ?

學未到疑爲迂濶

Học vị đáo nghi vi vu khoáng

成功來得意何如

Thành công lai đắc ý hà như ?

Xin tạm dịch :

Học hành chưa hiểu ra sao ?

Dạ còn thê mặc nói vào nói ra.

Hiểu rồi nghĩ ngợi bao la

Khen lao mộ mển rằng là tuyệt hay.

Việc gì khó thì nó mới hay, nói ngay như mạch thái tố, khó thì khó thực, bởi nó hàm súc biết bao nhiêu là diệu quyết huyền vi, nn các ngài hồ nghi là phải, nhưng thử xét lại xem, trong thiên hạ biết bao nhiêu việc khó như người ta thường nói, lên trời là khó

(đăng thiên nan) thể mà ngày nay người ta cũng đã bay cao tít lên trời, biết đâu rồi họ sẽ tới mặt trăng cung Quảng. Và lại sách mạch thái tổ tiên nhân để lại, tuy là huyền vi đấy, nhưng xét thấy cũng có lý kia mà, bởi chung vũ trụ sinh thành sinh hoá hoá đều là khí tượng, mà đến như là người ta sinh sống ở đời tất nhiên ảnh hưởng đất trời, thử nghĩ kỹ mà xem, trời đất với người là một, vậy thì xem khí tượng của trời, tinh hoa của đất mạch lạc khí hoá của người, đều cũng là nhị khí dữ thần, ngũ hành sinh khắc, mạch lạc tinh vi, vậy thì người có thần mới có thể biết được chỗ thần của đất trời vạn vật sinh trưởng, cũng như là lý hoá của thiên nhiên, hướng chi, ta đã là cái học tinh thần, luyện học lấy cái thần để mà nghiên cứu lấy chính bản thân, mượn cái đó mà suy ra cứu cánh, chính cái đó, biết đâu lại không tự đấy để mà biết đến chỗ tinh vi thần bí cả thần vậy.

太素脉理體狀 THỂ TRẠNG MẠCH THÁI TỔ

Mạch Thái tổ về thể trạng, hay hình thức cũng tham khảo như các sách mạch khác, như sách mạch Vương Thúc Hoà, nghĩa là cũng nhận định bằng những mạch Phù, Trầm, Trì, Sác, Hoạt, Sắc, Hoãn, Đại, cũng căn cứ theo như Tổ Vấn, Nạn kinh cũng như các sách mạch Đồ, mạch Kinh, mạch Quyết, chính truyền, quyền dư mạch, cùng là những sách của cụ Trương Trọng Cảnh, tất cả đều tham gia khảo cứu.

Bởi vì ngày xưa những bậc thánh sư như Hiên Viên, Hoàng Đế cũng thể theo phép mạch của Hoàng Chung rồi phát minh mãi ra. Thế mới biết sách mạch rất tinh vi đã đành, mà lại kể như là nó cũng đã có từ nhiều đời, người ta đã từng kinh nghiệm, và đã biết sách đó quan trọng như thế nào rồi vậy.

脉字論

ĐINH NGHĨA RIÊNG CHỮ MẠCH

Theo như sách "Thuyết Văn Giải Tụ Hồ Lâm" thì nghĩa chữ mạch một bên là chữ Nguyệt, một bên là chữ Vinh là ý nói : Người ta sống lâu khoẻ mạnh là đều nhờ cơ thể mạch lạc, phải căn cứ vào chỗ mạch máu, nghĩa là mạch máu lưu thông (Vinh hành mạch trung. Vệ hành mạch ngoại nội ngoại tương phù tri), mạch được vững vàng lưu thông thì người ấy khoẻ mạnh sống lâu được vậy.

TRẢI QUA NHIỀU THỜI ĐẠI BÌNH LUẬN VỀ SÁCH MẠCH.

Sách "Xuân Thu Phồn Lộ" 春秋繁露 bàn về mạch lạc khí huyết của người ta có chép rằng :

"Mạch lạc con người ta ví như những lỗ trống không, lưu hành trong huyết mạch, hội ở Nhân Nghinh Khí Khẩu 2 tay 6 bộ thông qua cơ thể, cũng y như Trời Đất có núi sông thông suốt cả hoàn vũ, vậy thì trong mình người ta cũng có những mạch lạc giao thông cũng y như là non sông nước suối vậy, thế cho nên mới nói rằng :

人身亦是小天地

(Nhân thân diệp thị tiểu thiên địa là thế đó).

潜夫 Ông Tiêm Phu nói rằng : "Phàm những khi người ta muốn chữa bệnh, trước hết phải biết rõ mạch lạc trước đã, vì cốt phải làm sao biết được bệnh cơ, thực hư nội ngoại nóng, lạnh, phát xuất bởi đâu, có như thế thì làm thuốc mới hay, bệnh mới chóng khỏi người mới khoẻ mạnh, sống lâu tiêu dao mà hưởng hết tuổi trời".

華陀

Ông Hoa Đà nói rằng : "Xem mạch là cốt thiết để biết bệnh cơ, biết được khí huyết thịnh suy. Hễ mạch hay, mạch thịnh thì khí huyết thịnh, vui vẻ khoẻ mạnh làm ăn phát đạt. Nếu không

may người bị mạch suy thì khí huyết hư tổn suy vi, người hay yếu ốm gầy còm phiền buồn bực dọc, cũng như người khí huyết nóng: thì mạch Sác, khí huyết lạnh : thì mạch Trì, khí huyết thiếu: thì mạch Nhược, khí huyết hoà bình : thì mạch dĩ Hòa Hoàn không bệnh tật."

王叔和

Ông Vương Thúc Hoà đời nhà Tấn, thật là người rất có công với nền Y đạo, vì ông đã phân tích mạch quyết đầu ra đấy, ông đã chia ra làm Cửu hậu thập biến Thất biểu, Bát lý và nói rõ các thứ mạch, ông đã nghiên cứu được nhiều mạch rất hay, rất rõ ràng, có thể nói được rằng Mạch đến như ông là đã đến chốn vậy.

Trong bài Dưỡng Sinh của ông Cao Đàm bàn về ông Vương Thúc Hoà nói rằng : ông Vương Thúc Hoà đã soạn thành Kinh Mạch gồm có Mười quyển rất tinh vi.

Trong Đường thư ông 許允 Hứa Doãn Tông nói rằng : đời xưa những bậc danh y đều lấy sách mạch làm cốt yếu, cho việc làm thuốc, vì rằng : nếu mạch cố tình, thì mới biết được rõ bệnh.

Thiên Xuyên Canh 輟耕 chép rằng :

Người ta bấm thụ được khí hóa ngũ hành của Trời Đất, ứng vào thủ túc tam dương, tam âm, để mà sống. Cùng với Túc tam dương túc tam âm hợp lại thành mười hai kinh lạc, liên lạc khắp mình lưu thông không đứt, mạch đó nó ứng vào 2 tay 6 bộ vậy.

Sách nội Kinh nói rằng : 內經
Mạch ấy là phủ của huyết vậy.

脈者血之府 MẠCH GIÁ HUYẾT CHI PHỦ

Sách thuyết Văn Giải Tự Hồ Lâm nói rằng :

血理分行體者

HUYẾT LÝ PHÂN TÀ HÀNH THỂ GIẢ

Nghĩa là chữ Mạch bởi chữ Phái một bên chữ Huyết, nó sẽ theo đường lối cong queo mà lưu thông khắp thân thể người ta vậy.

Ngày xưa bậc danh y ông Biển Thước 扁鵲 rất tinh mạch : Khi Tề Hoàn Công còn đương khỏe mạnh mời ông xem mạch, ông nói ngày nay Vua tuy còn khỏe mạnh nhưng tôi xem mạch thấy có cơ nguy, nếu nhà Vua dùng thuốc ngay đi may ra còn chữa được. Vua cười nhạt không tin, nói là ông điên, không chịu dùng thuốc, sau quả như lời ông nói không sai, mời ông thì ông đã biết trước nên trả lời muộn rồi không kịp nữa.

玄微脈訣

BÍ QUYẾT HUYẾT VI

HAY LÀ CÁI CHÌA KHÓA CỦA MẠCH THÁI TỐ.

Muốn xem mạch Thái Tố phải tinh.

Trước hết hãy định thần, phải chia ra từng bộ phận, bộ nào tạng hay phủ nào làm chủ, bộ phận nào cũng phải đúng ngôi của nó cũng như suy nghiệm nó vào địa vị nào, phải nhớ cho thật đúng cung cách và bộ vị của nó.

1) Như tay trái người đàn ông : thốn bộ là tâm địa vị, thuộc về chính bản thân, chính mệnh của thân mình, mình làm chủ.

Kế đó là địa vị của Tiểu tràng, chủ về cung thiên vị xuất xứ, vì rằng : Tâm với Tiểu tràng là hai kinh liên hệ với nhau, cho nên nói rằng :

Tâm dữ tiểu tràng tương vi biểu lý.⁽¹⁾ tượng trung tạng và phù là 2 cái trong ngoài liên hệ với nhau.

Nhưng theo hệ thống của nó thì nói rằng : Trâm là hậu của Tâm, mà Phù là hậu của Tiểu Tràng.

2) Mạch người đàn ông bên tay trái, quan bộ là địa vị của Can kinh, chủ về cung cách (Công Danh Phú Quý). Kế đó là địa vị của Đâm chủ về cung cách Phúc Đức : vì rằng Can với Đâm là hai kinh liên hệ với nhau, cho nên nói rằng :

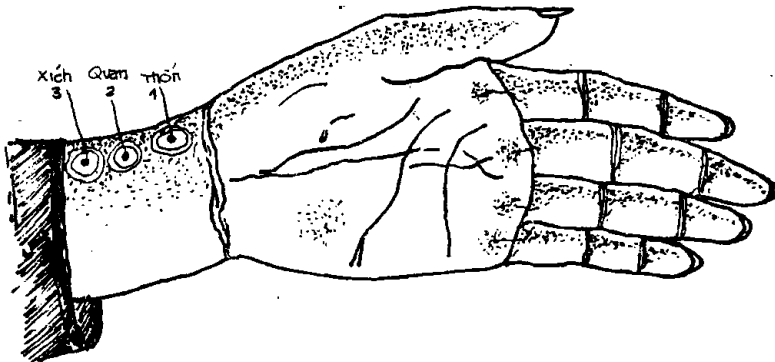
Can dữ Đâm tương vi biểu lý.

Nhưng theo hệ thống của nó Trâm là hậu của Can, Phù là hậu của Đâm.

3) Mạch người đàn ông bên tay trái xích bộ là địa vị của Thận kinh chủ về cung cách Thọ Yếu, sống lâu hay chết non. Cứ theo hệ thống của nó thì Trâm là hậu của bên Thận, mà Phù là hậu về bên Bàng Quang.

Kế đó Bàng Quang là phù thường tương ứng với bắc phương Thận thủy Bàng Quang nó chủ về cung cách Tai ách.

Xin xem như hình vẽ dưới đây thì thấy rõ :



(1) **BIỂU LÝ** : là ý nói tượng trung, tạng và phù là 2 cái trong ngoài liên hệ với nhau.

4) Mạch của người đàn ông bên tay phải (tay hữu) ở Thốn bộ là địa vị của Phế bộ (phổi) chủ về cung cách của Cha Mẹ phản ứng đến người con.

Kế đó là địa vị của Đại tràng (ruột già) chủ về cung cách của vợ con, tốt hay xấu, quý hay tiện, vì rằng hai kinh Phế cùng với Đại tràng cùng liên hệ với nhau, cho nên nói rằng (Phế dữ Đại tràng tương vi biểu lý). Nhưng theo hệ thống của nó Trâm là hậu của Phổi, Phù là hậu của Đại tràng.

5) Mạch của người đàn ông bên tay phải ở Quan bộ là địa vị của cung Tỳ chủ về cung cách Điển trạch (ruộng nương nhà cửa, gia cảnh thịnh suy bi thái).

Kế liền đó là địa vị (Vị kinh) Dạ dày chủ về cung cách của cái vốn liếng giàu nghèo. Vì rằng : Tỳ với Vị là hai kinh liên hệ với nhau, cho nên nói rằng (Tỳ dữ Vị tương biểu lý).

Nhưng theo hệ thống của nó nói rằng : Trâm là hậu của Tỳ, mà Phù là hậu của Vị.

6) Mạch của người đàn ông bên tay phải (tay hữu) bộ Xích là địa vị của Tam tiêu cùng với Mệnh môn,⁽¹⁾ môn bộ" tương hỏa chủ về Vận hạn cung cách kỳ vọng ở mùa hè, mà địa vị ở hữu xích. Nhưng theo hệ thống của nó thì nói rằng : Trâm là hậu của Mệnh môn mà Phù là hậu của Tam tiêu, cho nên mới nói rằng : Mệnh môn với Tam tiêu tương xi biểu lý vậy.

CHÚ THÍCH : 候 Hậu là Khí hậu, Tiết hậu, tả tình trạng sự vật như : chứng hậu, hóa hậu, dân hậu.

(1) Xin xem phần "Mệnh môn bộ"

相生相剋脈

NÓI VỀ TƯƠNG SINH, TƯƠNG KHẮC

Theo sự tuần hoàn sinh khác mà nói thì tả xích thủy sinh Tả quan mộc, Tả quan mộc sinh tả thốn hoả; Tả thốn hoả tiếp Hữu xích hoả. Hữu xích hoả sinh hữu quan thổ, Hữu quan thổ sinh Hữu thốn kim, Hữu thốn kim sinh Tả xích thủy.

Đó là cái ý sinh hoá hoà và là cái ý không ngừng không hết, luôn luôn tuần hoàn, nó có tính cách mẹ con tương thân của nó. Nhược bằng cứ theo sự đối đãi theo địa vị mà nói thì Tả thốn Hoả khắc Hữu thốn kim.

Tả quan mộc khắc hữu quan thổ.

Tả xích thủy khắc hữu xích hoả,

Vì rằng Tả cương mà Hữu nhu.

Ví như vợ chồng có khác, nhưng tay tả thuộc dương tay hữu thuộc âm, cho nên tả thốn quân hoả là ngôi đã tôn hơn cả mà lại ở trên.

Hữu xích tướng hoả thì ngôi thấp mà ở dưới, tỏ ra là có đạo Quân Thân, vì thế Ba bộ bên trong hình như đã có cái lẽ tự nhiên cấp bậc đó vậy.

Vì thế cho nên mới nói rằng : người giỏi xem mạch có thể xem cha mẹ đã biết được người con của ông như thế nào rồi vậy.

Xin xem hình vẽ bên đây thì thấy rõ.

婦人脈論

SO SÁNH MẠCH CỦA PHỤ NHÂN

Mạch Thasi Tổ xem mạch người đàn bà đối với mạch đàn ông thì lại khác. Nghĩa là mạch người đàn bà thì mạch bên tay hữu chạy mạnh hơn bên tay tả, vì là đàn bà thuộc Âm.

Hơn nữa đối với cung cách về phần cha mẹ lại đóng ở cung Can Bộ Vị, chứ không phải đóng ở cung Bộ Phế như người đàn ông.

Mạch bên tay tả thì đi yếu hơn mà lại có khi nhỏ. Chỗ này cũng là một điểm ý tứ phải tinh tế hết sức mới so sánh kịp, phải luyện tập hết sức tinh vi mới chuyên tinh được vậy và lại cũng phải dần dần mới nghiên cứu cho cẩn thận được.

Đến như cung cách của người chồng thì lại đóng ở Tỳ cung địa vị. Mạch bên hữu đi mạch : nghĩa là đi to hơn bên tay tả.

丈夫脈論

SO SÁNH MẠCH ĐÀN ÔNG

Người đàn ông (con trai) là dương.

Hệ thống của nó là Nam phương thành phần dương là trời.

Bởi vì Trời sinh ở Dần

人生於寅

Thiên sinh ở Dần, cho nên hai tay thốn bộ nó được cái chính khí của Trời là Dương, cho nên thường khi thốn bộ mạch Hồng mà xích bộ mạch nhược là quả mạch bình thường thì thường hay cũng có thể nói là mạch tốt được.

婦人處女脈論

SO SÁNH MẠCH CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ VÀ CON GÁI

Người đàn bà hay con gái thuộc âm.

Hệ thống của nó là bắc phương là Đất (Thiên nhất sinh thủy địa lục thành chi) cho nên bắc thuộc thì dương khí ở bắc, mà âm khí thì ở Nam, người con gái thuộc Bắc phương, theo hệ thống là âm và đất.

Đất sinh ở thận cho nên hai tay ở xích bộ mạch thuộc Bắc bởi vì Bắc được cái chính khí của nó là âm, cho nên người đàn bà thốn bộ mạch nhược mà xích bộ mạch Hồng, là sự bình thường của con người thường rồi vậy.

Theo lẽ tự nhiên thì bao giờ cũng là dương cường âm nhược. Bởi vì chishn đạo của Trời là như thế, cho nên nói rằng được như thế, cho nên nói rằng được như thế là thuận, trái cái đó là nghịch là bệnh tật vậy.

Muốn biết tánh tình người ta có thể nghiệm nơi mạch lạc cũng biết được nữa.

Người nào mạch đi cấp bách, thì tất nhiên tính nết người ấy cũng nóng nảy, vội vàng hay hoảng hốt vậy.

Người nào hai tay sáu bộ mạch đều, thường thường hoà hoãn, tất nhiên người ấy thái độ hiền hoà, khoan dung vui vẻ trái lại người ấy lúc bị ức quá, thì lại hung cực nóng tính có khi lại quá ư nóng.

Người nào hai tay bộ quan mạch đều đi khẩn cả, là người tính khí vội vàng cấp xúc có khi lại còn hoảng hốt là khác.

Người nào mạch ở địa vị Can mạch thường đi lại phân minh rõ ràng, thì người ấy tâm hoài thẳng thắn.

Người nào mạch thậ thủy thấy tản mác không đều mà lại trầm nữa, thì người ấy hay tính luyến ái dục tình, tính ưa tài nghệ, hay thương người nghèo, hay giúp đỡ người nghèo khổ.

Người nào mạch phệ bộ mà phù hoãn, là người đa mưu túc kế, nhưng phải tội cũng đa tình, rượu chè be bét, sắc dục lâm ly.

Người nào mạch Can bộ đi phù hoãn, mà quan bộ thì lại đòi trầm, thì người ấy tính hay biến lộn, ghen ghét quanh co.

Người nào Thốn quan xích hay sáu bộ phân minh, đi đúng địa vị của nó, thì người ấy chính trực quan minh.

Người nào mà mạch Tâm bộ không đều, đi thì khi thẳng khi giáng : lỗ mỗ không đều là người ấy giàu tính ích kỷ, tham lam hại người vô cứ.

Người nào được mạch Tuỳ kinh là *Hoãn Đại* là người rộng rãi yêu người, hay hy sinh công việc của mình để làm ích cho đời, cũng như hy sinh của cả của mình, để giúp đỡ anh em, đối với mọi người rất tốt.

Người nào mạch Thốn bộ *Trầm Hoạt* thì người ấy tính rất tôn sùng thần thánh, phật trời. Người nào mạch Thốn bộ đi *Phù* trong ấy còn thấy có mạch *Hư* thì người ấy giàu về tính âm chất, dị đoan quỷ thần, đồng bóng.

Còn những mạch kẻ sĩ, bậc anh hùng, hay người hào kiệt : tính tình quả quyết, cương trực thẳng ngay, thì mạch bộ *Đảm* tất nhiên *Huyền* tràn, mạch đi nhỏ mà rắn chắc.

Những bậc thông minh hay là những người hiếu nghĩa cao siêu, những người giàu bác ái, nhiều đức tính hay, đối với mọi người có

tín nhiệm, ngoài nước trong nhà, đều được mọi người kính nể, tất mạch ở Vị kinh thấy *Hồng* mà *hoãn* .

Những người có mạch trúng cách: *Vân Hạc Xung thiên* (*Huyền hoạt mà lại Phù tràng rắn chắc mà nhỏ xiu*) thì tài năng văn võ kiêm toàn.

Những người có mạch trúng cách: *Ngư Long tại hải* (*Tâm thận hoãn hoạt*) là những người tài ba lỗi lạc, văn chương cái thế một trời.

Những người mạch to phồng rỗng thô bì mà đi nhanh khí cấp là những người lính tráng lao công vất vả.

Những người mạch to như cái dạ mà lại đi chậm, thỉnh thoảng có lúc đình trệ như là đứng dừng lại, là những người gian tham trộm cắp, danh vật chơi bởi, ngày đêm lêu lổng không thường, cao bồi đi điếm, mèo mả gà đồng chẳng hạn

太素决断脉 MẠCH THÁI TỐ QUYẾT ĐOÁN.

Gia sự cát hung. Nhân duyên hạnh phúc.

Trước hết phải lắng mà nghiệm xem, người ấy mạch động hay mạch tĩnh.

Người nào Tỳ cung mạch đi *hoãn* mà *dại*, thì người ấy từng khi nhờ vợ làm giàu, nhờ thế lực nhà vợ, hoặc của vợ làm nên.

資妻富有

Người nào Thận bộ mạch đi *hoạt* mà *trầm*, thì tất nhiên cha mẹ người ấy phúc đức giàu có sống lâu (Thọ) 父母俱全
Người nào bộ mạch ở Mệnh môn cung cách mạch đi *trầm* hoạt thì người ấy được những đầy tớ, con ở gái trung thành với chủ (ngoan).

Người nào mạch ở Phế bộ có vẻ nhẹ nhàng thanh nhã thì người ấy có phúc, xa mã đầy nhà. 五福臨門

Người nào mạch ở Thận bộ có mạch *Huyền hồng* lại đi cấp tốc thì người ấy trái với cha mẹ, có khi quá ra phải đi ở sang làng khác, hay là có tính bông lờng viễn vọng.

Người nào mạch ở Can bộ đi *Hồng* thì người ấy có nhiều

丁財兩旺

cháu con : Đinh Tài lưỡng vượng, thế phiệt trăm anh, dòng dõi nhiều đời nối nghiệp ông cha. 多子多孫

Người nào mà Phế bộ mạch đi trầm khản là người : Gia đình kém phúc, vất vả gian nan, vợ con tật bệnh khó khăn.

Người nào quan bộ phù huyền thì người ấy mặc dầu ông cha giàu có cũng khó mà giữ được cơ nghiệp ông cha.

Người nào quan bộ mạch Phục Thốn bộ mạch trì thì người ấy con cái khó nuôi.

Người nào bộ Xích mạch *hồng*, bộ Thốn mạch *thật* anh em rất hay xung khắc, chả mấy lúc anh em hoà thuận với nhau.

Người nào Xích bộ mạch *huyền* chạy dài khắp ngón tay thì cháu con có phúc, cửa nhà làm ăn ngày càng thịnh.

子孫福澤

Người nào mạch ở Thận bộ đi thấy mạch động ba lần rồi lại thốt nhiên thấy *trầm lặng* sát cốt là dấu vợ đã có mang.

Người nào mạch ở bộ Phôi mạch đi rần chắc thẳng bằng như sờ vào da mặt trống, rồi lại thấy mạch *Sắc* mạch *doãn* là

điểm sắp có tai ương, coi chừng và cẩn thận, khôn khéo để đề phòng.

Người nào mạch ở Thận bộ thấy *trì* rồi lại hơi *trầm* là điểm sẽ gặp được người con nuôi tử tế.

Người nào mạch ở bộ Tâm tế là điểm người ấy sắp cưới nàng hầu, tình tứ họ theo. **情思外來**

Người nào mạch ở Phế cung thấy có mạch *Phục* mà lại thấy tán là điểm vợ người ấy đã có ngoại tình.

Tình vi ý thức nhiệm mầu **妻有外情**

Nghiệm xem biết trước ngõ hầu đỡ lo.

Mạch Thái Tố mà xem tinh cũng như là xem tướng, vì nghiệm ra có thể biết được người nào công danh phú quý, hạng nào nghèo khó bần cùng. Người nào tốt, kẻ nào xấu, ai sống lâu, người mệnh bạc, ai phong lưu, những khi nào, người nào bị tai ương, cha con vợ chồng, bạn bè, kẻ giúp việc, tâm địa cư xử làm sao ? Có thể biết trước được hết.

Chịu khó mà nhận lần lượt sẽ kể sau đây :

Người nào mạch ở bộ Tâm thấy có *Hông hoạt* lưu thông :

Thể thái mạch mừng tượng nghe như nước thủy triều đương tiến lên thì tất nhiên người ấy phải là bậc lang miếu chỉ tài, kinh bang tế thế.

Người nào mạch ở Phế bộ thấy có *Huyền*, *Tràng* mừng tượng nghe như nó óng ả mà chắc chắn, nghĩa là mạch đi nhỏ rần chắc mà dài, tất nhiên người ấy công khanh phú quý quyền hành bộ trưởng không sai.

Người nào mạch ở bộ Phổi thấy nó đi *hông* mà lại *hoạt* nữa, tất nhiên là người giàu có phong lưu.

Không may cho những người nào mạch ở Phế bộ mạch đi *sắc* mà lại còn *vi* : thì người ấy cả đời chỉ thấy vất vả nghèo nàn, làm ăn khó khăn túng thiếu. 貧窮艱苦

Khi xem ạch về mùa đông chính lẽ ra là mạch *Thạch* thế mà lại thấy mạch *Huyền*, thì khi sang xuân, năm mới tới, người ấy tất nhiên sẽ có tin mừng.

Xem mạch về mùa xuân đáng lẽ ra là mạch *Huyền* thế mà lại thấy mạch *Mao*, thì sang thu người ấy tất có tai bay vạ gió.

Xem mạch về mùa hè đáng lẽ ra là mạch *Hông* thế mà lại thấy mạch *Thạch*, thì khi sang đông người ấy sẽ bị tật bệnh.

Xem mạch về mùa thu chính lẽ ra là mạch *Mao* thế mà lại thấy mạch *Huyền* thì khi sang xuân người ấy phát tài nhưng cũng đáng lo vì có khi xảy ra bệnh nặng.

Người đi thi cử :

Khi xem mạch lúc gần sáng sớm tinh thần thế chất tự nhiên
名標虎榜
hễ thấy bộ Mật mạch đi *Huyền*, *Hông*, tất nhiên danh tiêu Hồ bảng, cá vượt long môn.

Người đi thi, Tâm bộ *Hông*, *Hoạt*, kỳ thi ấy danh chiếm bảng vàng, Long nhan trực tiếp, đến vua yếm ẩm, mũ áo vinh qui bá tử.

前貧後富

Những người mạch đi trước rít sau mới thấy đều là người tiền bản hậu phú, hậu vận phong lưu.

Những người mạch đi trước đều sau lại rít, ngắt ngư chậm chạp, hình như có bể đình trệ loanh quanh là người tiền phú hậu bản.

前富後貧

Những người mạch chạy *Huyền* mà ứng ở *Tỳ* cũng là *điểm* sắp có hoạnh tài may mắn, nhưng cũng không lâu, sau cũng hết. Nếu có tiếc xót, cũng chỉ phí công.

易生難養

MẠCH NGƯỜI KHÓ NUÔI CON

Những người *Tâm* bộ mạch đi *Trầm* *Thật* mà lại có hơi *hoạt*, thì khó nuôi con (Hữu sinh vô dưỡng).

破產脈

MẠCH NGƯỜI PHÁ SẢN.

Những người *Can* bộ mạch đi đi *Phù*, là *điểm* phá sản vong gia thất thổ, kiện tụng vào ra.

遷移脈

MẠCH THIÊN DI (ĐỔI CHỨC)

Người đương làm quan tự nhiên *Thận* bộ thấy có mạch *Hoạt* lại thêm mạch *Động* nữa tất nhiên có truyện thiên di thay quan đổi chức tức thì.

饑寒脈

MẠCH CƠ HÀN.

Những người mạch ở *Thận* bộ đã thấy mạch *Thật* mà lại còn *Hư*, là *điểm* phải lo về sự đói rét đến thân một ngày rất gần.

災殃運限

MẠCH TAI NẠN

Những người mạch ở Thân bộ đã *Doãn* mà lại còn *Phục*, thì người ấy sẽ gặp tai nạn, chết một cách oan uổng.

田產訟脉

KIỆN TỤNG ĐIỀN SẢN

Những người mạch ở Tỳ cung chạy *Trâm* mà lại còn *Khâu*: người ấy sẽ lấy vợ giàu, nhưng phải cái lo kiện tụng về điền sản lời thối.

父母不平

PHỤ MẪU BẤT BÌNH

Những người mạch ở Phế bộ chạy *Trâm* mà lại còn *Vĩ*: người ấy đối với cha mẹ hay có những chuyện bất bình, thường khi có việc chỉ than phiền cùng khóc lóc, trách móc chê bai.

福德脉

PHÚC ĐỨC MẠCH

Những người mạch ở Thận bộ chạy *Trâm* là người phúc đức, tu nhân ích thọ sung sướng an Khang.

夭折脉

MẠCH YẾU CHẾT

Những người mạch ở Thân bộ mạch *Vĩ* thì mệnh đoán bệnh nhiều, đau thương, chóng chết.

溺死脉

NẠN CHẾT ĐUỐI

Những người mạch ở Thân bộ *Doãn* mà lại còn *Phục*, lại còn *Trầm* thì là người có điềm bị thủy ách, muốn tránh cần phải kiêng sông nước chó qua.

蟲毒傷脉

BỊ SÂU BỌ

Những người mạch ở Thân thấy *Nhu* mà lại *Trầm*, lại còn đổi *Nhuộc*, người ấy cần phải xa lánh chỗ rậm rạp, để phòng rắn rết, kiêng kỵ sâu bọ có khi cắn hại không chừng.

少年脉

THIỆU NIÊN MẠCH

Những người tuổi đương niên tráng sức trai trẻ kiêng thấy mạch *Trầm* hoặc *Vĩ* là những mạch không thích hợp và tốt.

老人脈

LÃO NHÂN MẠCH

Những người già tuổi tác *Trâm Tế* không sao, có kiêng là những mạch *Phù mạch Đại* không hay.

*Mạch Thái Tố xem Đàn Bà,
Ai là Quý tướng, ai là Hàn Vi.*

Khi xem người đàn bà thì phải xem mạch tay phải trước, vì rằng : Mạch người đàn bà thì hữu xích làm chủ.

Những bà mà mạch xích bộ về bên tay phải : mạch đi *Trảm* mà lại *Hoãn* , là bậc mệnh phụ phu nhân, nghi gia nghi thất, gia đình hạnh phúc lâu dài.

Chiếu theo hệ thống đối với phu quân :

Mạch các bà mà bộ quan bên tay tả là địa vị mạch của người chồng. Mạch đi *Hồng Hoạt* mà lại *Huyền* là người vợ hiền rất tốt, giúp đỡ chồng con, lại còn đảm đang mọi việc, giúp ích gia đình, thịnh vượng về vang.

Những bà mà mạch ở tỳ cung mạch đi hòa *Hoãn* là người có tính cách bầm thụ kiên trinh nghĩa khí.

Những người đàn bà mạch ở Phế bộ thấy mạch *Dại* là người có nhiều tính xấu hay đổ kỵ ghen tuông.

Những người đàn bà ở bên tay tả mạch ở Tâm bộ có mạch *Trảm tế* là người đàn bà sát hai đời chồng, đến đời chồng sau mới vừng.

Những bà mạch ở Thân bộ tức là về tay bên tả xích bộ mạch đi *Hồng Hoạt*. Người ấy sau có sinh con quý tử khoa bảng trăm anh.

Những bà mà bộ mạch ở Mệnh môn, mạch đi *Hồng* là người diễm phúc, sinh được nhiều con đoan trang thực nữ.

Những người đàn bà mà mạch ở Tâm bộ mạch đi *Trầm* là người sinh con nguyệt hoa phóng đãng, lãng mạn chơi bời.

Những người đàn bà mà mạch ở Tâm bộ đi *Lễ* đi *Vithi* người ấy rất khó nuôi được con.

Những người đàn bà mạch ở xích bộ đi *Phù* mà lại *Đại* là người phá hại chồng con, khuynh gia bại sản tan cửa nát nhà. Những người đàn bà mạch ở xích bộ đi *Phù* phiếm là người có tính trăng hoa, đồng tây phóng đãng, hay ít ra cũng là có tính riêng ý trái, gió trăng hẹn hò, ngô liễu vườn xuân chẳng hạn.

Những người đàn bà mạch ở xích bộ thấy *Sáclà* dấu hiệu người ấy đã có thai rồi.

Lại như muốn xem cho biết thai con trai hay thai con gái thì khi xem hễ thấy mạch dương thì sau đẻ con trai.

- Mạch dương là những gì ?

Mạch dương là những mạch *Hồng*, *Huyền*, *Thật* đó là mạch dương.

Khi xem hễ thấy mạch âm là sau đẻ con gái.

- Mạch Âm là những gì ?

Mạch âm là những mạch *Trầm*, *Trì*, *Vi*, *Tế* là mạch âm.

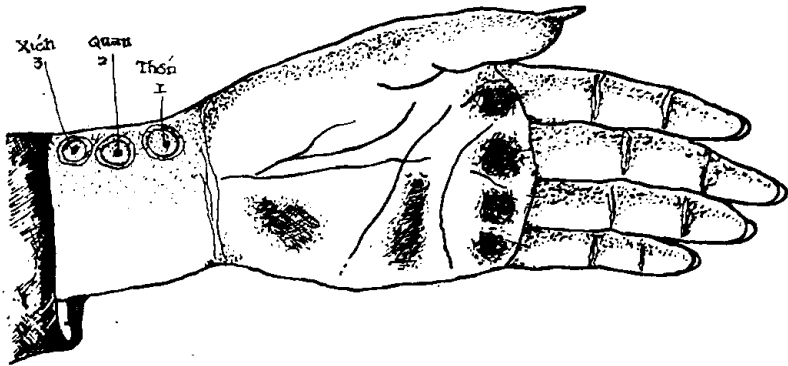
Nếu cẩn thận mà so sánh, thì có thể biết ngay trước được là sau sẽ sanh trai hay gái.

Người đàn bà khi đương có thai mà xích bộ đi *Hồng Hoạt* mà lại còn *Tràng* nữa là dấu hiệu người ấy sau sẽ sanh đôi (một lần đẻ luôn hai đứa con).

Người đàn bà khi đương có mang mà mạch ở *Thận* kinh thấy đi *Nhu* đi *Nhược* nên phải đề phòng, khéo khéo cái thai đó có thể chết trong bụng mẹ.

Người đàn bà khi mới có thai mạch cũng bình thường, nhưng mà sau khi đã có thai ít lâu thì mạch thường đi *Hư* (hư đây là nói mạch hư).

Lúc bấy giờ mạch ở Thốn bộ có thấy đi Vithường nhỏ xíu. Mỗi một hơi, thở ra hít vào, mạch chỉ đến năm lần, mạch đầu Phù Trầm cũng thế. Nhưng có điều khác là ấn cũng thấy đi như thường không dứt. Nếu người khỏe mạnh không có bệnh gì khác mà lại tắt kinh không thấy có, là dấu hiệu đã có mang, nhưng mãi đến khi có mang đã được ba tháng thì bấy giờ mạch đi Sác là dấu hiệu chắc chắn đã có mang rồi.



訴脉太素 TỔ MẠCH THÁI TỐ

Lần đầu tiên người đọc bản thảo sách mạch Thái Tố này, hình như có ý thắc mắc, lại thảo luận với chúng tôi rằng : Tại sao mạch Thái Tố dám nói rằng : xem mạch con có thể biết được cha.

Xem mạch mẹ có thể biết được con.

Xem mạch chồng có thể biết được vợ.

Xem mạch vợ có thể biết được chồng.

Như thế thì chả là nói ngoa lắm sao ? Chả hóa ra vu khoát dị kỳ quá ư viễn vông hay sao ?

Lại còn nói biết được cả lúc thịnh suy, khi bĩ thái, biết được cả đầy tớ ở nhà, tốt hay xấu, cho đến cả người nhờ của vợ mà làm giàu cũng biết, như thế chả là vu khoát quá hay sao ?

Xin thưa : Vâng.

Ngài nói cũng có lý, nhưng phạm ở đời cái gì gọi là phi thường, tất nhiên nó phải vượt mức quá những cái bình thường, đã đành rằng mặc dầu có những việc phi thường hay thường thường đi nữa, việc gì nó cũng phải có lý mới đứng vững được, thì đây tôi xin hiến Quý vị cái chìa khóa để các vị khám phá ra cái bí quyết phi thường của Tiên nhân đã xây nên nền móng đó.

Xét vi mạch Thái Tố có những cung cách mạch lạc, tùy theo số mệnh mỗi người đã an bài. Ta phải có con mắt tinh vi và phải có những ý thức cao siêu tuyệt diệu, mới khám phá ra được những kỳ công không bút nào chép hết, có những cái huyền diệu tinh vi, đã ấn định rõ từng bộ phận, người xưa đã phát minh ra đó thật là Thánh vậy : Thánh ở chỗ cao kỳ mà có lý, Thánh ở chỗ cao siêu và tế nhị vô cùng. Thánh ở chỗ phi thường mà tuyệt diệu, nếu như con mắt tầm thường thì có thể nói chưa thể thấu, triệt được vậy.

Theo thiên kiến chúng tôi, thời xưa các bậc Hiền thánh cao minh đã trải nghiệm, lập ra phương pháp như giáo huấn, đạo đức, văn học, nghệ thuật, y đạo, vân vân để dạy đời, việc gì cũng vậy đều đã có chân kiến cả, chẳng hạn như mạch Thái Tố đây.

Mạch Thái Tố có khác nào xem số tiền định, người có quý tướng nó sẽ hiện ra mặt và hiện ra mạch, *tướng* số nó lộ ra ngoài, còn *mạch* thì nó ẩn ở bên trong, là những cung cách bộ phận mạch lạc đó.

Tướng người nào có vẻ khô ngô tuấn tú, tất nhiên người ấy sẽ thông minh đĩnh ngộ. Người có tướng quý cách phi mỹ, thì người ấy tất nhiên giàu sang nhân hạ.

Tướng người khác khổ, thì tất nhiên vất vả gian lao. Người cha có tướng sinh con quý tử, thì tất có con hiền cháu quý, người con có tướng cha mẹ hay, thì tất nhiên mẹ cha có phúc lộc.

Mẹ có quý tướng để con thực nữ đoan trang thì tất nhiên sẽ có con đoan trang thực nữ.

Người con gái có quý tướng lấy chồng giàu sang, thì tất nhiên phải gặp người chồng phú quý.

Người con trai có quý tướng lấy vợ hiền hậu, thì tất nhiên sau này sẽ lấy được vợ hiền vợ giỏi, mệnh phụ phu nhân.

Kẻ giàu người nghèo đều có tướng cả, thế thì người có quý tướng, cũng như người có mạch quý, hoặc xem tướng, hoặc xem mạch cũng thế, cứ như thế mà nghiệm suy mới biết thánh hiền xưa thật là đã có phép tuyệt diệu vậy.

Dưới ánh mặt Trời văn minh nhân loại còn có gì là lạ ? Còn có gì là quái gở đâu ? Còn có gì là viễn vông đâu ?

Sở dĩ tiền nhân đặt ra phép mạch Thái Tổ này phải chăng là những bậc kỳ tài, những bậc thánh, cũng như giàu kinh nghiệm, và lý trí tuyệt đích thông minh.

Xin các ngài ý thức cao siêu, ta hãy tạm bỏ ra một ít thì giờ ai là người có thiện chí, hãy lưu tâm nghiên cứu tất nhiên sẽ thấy chỗ hay.

Gắng công trắc nghiệm cho hay,

Học hành hiệu quả có ngày thành công.

Thử xét như thế giới hiện nay, ai dám nói thế nào là phải, phải với hôm nay biết đâu chưa chắc đã phải với ngày mai hay với chỗ này, chưa chắc đã hay được với chỗ khác.

Ngày xưa khôn ngoan ai bằng ông Gia-Cát-Lượng, khi nằm ở trong màn mà đã biết suốt được mọi việc trong thiên hạ : vậy mà khi ra ngoài mặt trận chết đến nơi cũng còn chưa hay.

Giỏi thao lược ai bằng tướng Hàn-Tín, trăm trận đánh trăm trận được, mà về sau chịu chết dưới tay người đàn bà.

Than ôi ! Việc đời nhiều bất trắc. Thế có phải tại thời chăng ? Tại số chăng ? Hay là tại trời chăng ?

Hay chỉ tại người ta quá cậy tài năng ? Những đã tưởng rằng mình khôn ngoan quá mức thông minh tột bực, tưởng rằng tài giỏi hơn đời rồi, cho nên không lo xa tính trước, hay cũng là bởi không được đọc sách Mịch Thái Tố này chăng ?

Như thế phỏng có đáng tiếc hay không ?

Bấy giờ khách mới nghe ra : khen là có lý, lại còn công nhận là hay, ân cần khuyên tôi cố gắng để mang lợi ích cho Đời.

太素精華別論
THÁI TỐ TINH HOA BIỆT LUẬN

六經優劣人觀脈訣
LỤC KINH ƯU LIỆT MẠCH

心

Tim ưu thì chỉ mạch *Hồng*,
Rất kiêng cấp *xúc* mạch không hay gì

肝

Huyền trang Can bộ ưu chi,
Bệnh thì *Trầm Doãn* không khi nào nhầm.

腎

Thận kinh chỉ muốn *Hoạt Trâm*,
Tối hiểm *Vĩ tiều* âm thâm không hay.

肺

Phế phù nhè nhẹ quý thay.
Rất kiêng mạch *Khiển* không hay chút nào.

命門

Mệnh-môn mạch *Trầm* tốt sao ?
Để phòng *tuyệt phục* thế nào không hay.

脾

Tỳ cung hòa *Hoàn* tốt thay.
Mà kiêng *Huyền Khẩu* cả ngay mạch *Tràng*.

六經形症

LỤC KINH HÌNH CHỨNG

Thương hàn mạch khẩn Thận tà,
Mạch *Hư* cảm nắng Tâm là chủ *Hư*.
Táo thì mạch *Sắc Phế* ư,
Tế Nhu thương thấp bởi như *Tỳ* rồi
Can phong *Phù* rồi lời thôi,
Hỏa tim mạch *Nhược* lửa sôi nóng càng.
Lục kinh tà khí làm tàng,
Nhân nghinh khí khẩu phải càng dần đo.

Biết ngay chỗ nó rui ro,
Để mà giải quyết ngay cho chóng lành. —

太素尋源脈訣

THÁI TỔ TÂM NGUYÊN MẠCH

MẠCH THÁI TỔ

心性對與數命玄微脈訣

TÂM TÍNH ĐỐI VỚI SỐ MỆNH

Người bộ Tâm *Hồng Thịnh*, là có tài kinh bang tế Thế

Người bộ Can *Huyền Tràng*, là người có phúc công khanh
phú quý

Người sáu bộ *Hồng Hoạt* là người giàu sang,

Người sáu bộ *Vĩ sắc* là người nghèo hèn,

Người can đảm mạch *Hồng, Huyền*, là người danh tiêu hổ
bảng thi đỗ cao.

Người Tâm bộ *Hồng Hoạt* làm Quan to, thường được
gần Vua Chúa.

Người bộ Tỳ mạch *Huyền*, dấu có của giàu sang phú quý
cũng khó giữ được lâu dài.

Người Tâm bộ mạch *Trầm* là người khó nuôi con

Người Tâm bộ mạch *Vĩ mà F'ù*, là tán tài, hay bị kiện tụng

Người Thân bộ mạch *Đông Hoạt* là làm người đương
Quan phải đổi (thiên di).

Người Bộ Thận dít khó (*Sắc*) là kẻ nghèo hèn

Người Thân bộ mạch *Đoản Phục* là người yếu tướng chết
non,

Người Tỳ bộ mạch *Trầm Khâu* bị dẫu con trong nhà kiện
tụng,

Người Phế bộ mạch *Trầm Vi* là cha mẹ hay đau ốm

Người Thân bộ mạch *Trầm* là người sống lâu thọ khảo

Người Thân bộ mạch *Vi* là người gần đến ngày chết.

Người bộ Thận mạch *Đoản, Phục, Trầm* nên phòng xa kẻ
bị chết đuối

Người bộ Thận mạch *Trầm, Trệ* nên phòng xa kẻ rắn rết
sâu bộ cắn

Xem mạch người trai trẻ nên kiêng thấy mạch *Trầm, Vi*.

Mạch người già cả nên kiêng mạch *Phù, Đại*.

太素分部校檢脉訣
MẠCH THÁI TỔ PHÂN BỘ GIÁO NGHIỆM
MẠCH QUYẾT

(Nói riêng từng bộ từng mạch và sự tốt xấu của bảy mạch
biểu)

寸部浮脈

MẠCH PHÙ

Thốn bộ mạch Phù, là tiện tướng
Mạch *Phù* bộ Thốn chẳng hai chi,
Tham đâm kiện tưng phân ly não-nùng.
Nô tỳ đối trá bất tung,
Quý ma, nhâm nhín tin đông tin dài,

HÌNH KHẮC

Nhức đầu nóng lạnh lai dai
Tấm thân đầu khổ ở ngoài ở trong
Mạch này người chẳng thông dong,
Mưu toan vất vả mà không ra gì.

關部浮脉

QUAN BỘ MẠCH PHÙ

Quan bộ mạch Phù tính vũ phu,
Thiên tư nóng nẩy ngao du chơi bời,
cửa nhà cơ nghiệp bao đời,
Ruộng nương để lại, nó thời phá tan.

TU TÍNH

Biết mà xây dựng là hơn,
Cửa nhà thịnh vượng chẳng hờn giận ai.

HÌNH KHẮC

Đau tim đau bụng lai dai.
Siêng năng cần kiệm một hai nghiệp thành

尺部浮脉

XÍCH BỘ MẠCH PHÙ (xấu)

Xích bộ mạch Phù cheo leo,
Anh em xa cách, giàu nghèo khác nhau.
Mẹ cho bệnh tật ốm đau.
Họ hàng chếnh mảng chống nhau vô cùng.
Sinh nhai rời rã lung tung,
Mỗi người mỗi ngã đám khùng như ma.

HÌNH KHẮC

Thái dương có bệnh phòng tà,
Đau đầu nhức mỏi chẳng thà yên thân.

寸部 孔脹

THỐN BỘ MẠCH KHÂU

Mạch *Khâu* Thốn bộ vừa đầu,
Lang thang đầu đó, ngõ hầu góm ghé
Máu may, tài tử nhiều nghề,
Gia đình quyến thuộc không hề ai hay.
Hoạnh tài tích trữ mê say,
Cháu con nhờ đó mượn vay tiêu xài.

HÌNH KHẮC

Bệnh hay thổ huyết lai dai,
Mạch này đái sồn, hai tai kêu hoài.

QUAN BỘ MẠCH KHÂU

Mạch *Khâu* quan bộ chẩn chờ.
Anh em phúc đức được nhờ của cha.
Bởi nghe kẻ xấu gièm pha,
Anh em hiểu nghĩa thành ra không tròn.

HÌNH KHẮC

Tai bay vạ gió nha môn,
Chỉ vì ăn nói không tôn trọng lời.
Kết hung đau đớn đầy voi,
Bởi vì tử huyết động nơi hồng mình.

XÍCH BỘ MẠCH KHÂU

Mạch Khâu bộ Xích lạ thay,
Bôn ba chẳng chịu ở ngay chỗ nào.
Hoạnh tài sao khéo ra vào,
Có rồi lại hết, hết đào lại ra.

HÌNH KHẮC

Thương thay vắng cửa vắng nhà,
Mẹ cha chẳng hưởng tuổi già với con.
Bệnh sinh đái són buồn nôn.
Đái ra cả máu, tiện môn đau hoài.

寸部滑脉

THỐN BỘ MẠCH HOẠT.

Việc hay nhiều lúc biết ngay,
Thốn đi mạch Hoạt, ngón tay tài tình,
Vương công quyền quý chuộng mình,
Hoạnh tài may mắn công đình tới lui,

HÌNH KHẮC

Cổ bốn sao khéo hên xui,
Rời ra lăm chuyện ngậm ngùi riêng tây.
Xuân qua hoa đã nở đây,
Hết thời xuân sắc, ong bay bướm chuồn.

關 部 活 脈

QUAN BỘ MẠCH HOẠT

Bộ quan mạch *Hoạt* quan sang,
Đa mưu túc kế khôn ngoan đủ điều.
Ngôi cao tài lộc càng nhiều,
Tiếng tăm lừng lẫy trăm điều đảm đương.
Thanh danh hiển hách phi thường.
Uy quyền bao quát bốn phương một nhà.

HÌNH KHẮC

Không may bệnh tật phát ra,
Ốm đau lâu bị chứng là *Vị ung*.

尺 部 滑 脈

XÍCH BỘ MẠCH HOẠT

Người nào *Xích Hoạt* quý thay,
Công thành danh toại rộng mây gặp thời.
Thông minh tài trí hơn người,
Nếu được bộ *Xích, Hoạt* thời giàu sang.

刑 尅

HÌNH KHẮC

Vợ hiền con thảo vẻ vang,
Trăm anh văn vật an Khang thọ tràng.

Đến sau tạt bệnh giờ giang,
Về già táo bón đau màng ruột non.

寸部實脈

THỐN BỘ MẠCH THẬT

Mạch bộ Thốn Thực khá đầy,
Nhà dẫu có nghèo vẫn thấy phong đăng.

HÌNH KHẮC

Vợ con sợ khắc hình chằng,
Mẹ cha cũng thác làm ăn buồn rầu.
Anh em cốt nhục yêu nhau,
Chớ chi hờ hững là đau lòng rối.

BỆNH HOẠN

Thượng tiêu ngực nóng như sôi,
Làm ăn vất vả đứng ngồi được đau.

關部實脈

QUAN BỘ MẠCH THẬT (xấu)

Bộ quan mạch Thật cũng rầu.
Dẫu thành tám đó không câu cú gì,
Tiến tài thời vận hao đi,
Ruộng vườn bán hết cũng vì vận đen.

刑 尅
HÌNH KHẮC

Vợ con hiểm khích ghét ghen,
Bởi chung hình khắc bao phen lộng hành.

BỆNH HOẠN

Dạ dầy nóng hồi bao quanh,
Thuốc không đúng bệnh lại thành ra hư,

尺 部 實 脈
XÍCH BỘ MẠCH THẬT

Mạch *Thật* bộ *Xích* ăn chơi,
Phiêu lưu công tử đáng người bông tiền.
Nguyệt hoa hiếu sắc tung tiền,
Rượu chè be bét tính nghiêng phấn son,

HÌNH KHẮC

Vong gia bại sản hao mòn,
Chính mình không tiếc, người còn tiếc chi.
Lại thêm bụng ông da chì,
Khí trong ngực nóng, bệnh thì liên miên.

寸 部 弦 脈
THỐN BỘ MẠCH HUYỀN

Mạch *Huyền* bộ *Thốn* quan to.

Hoạnh tài nóng nảy làm cho hao mòn
Chức cao tước lộc quyển môn,
Trưởng mình quý giá Vương tôn ra vào.

HÌNH KHẮC

Vợ con kiêu hãnh làm cao,
Tốt mà không tốt làm sao bây giờ.

BỆNH HOẠN

Phong tà cấp bách bệnh cơ,
Gây nên hoạn nạn không ngờ đau thương.

關 部 弦 脈

QUAN BỘ MẠCH HUYỀN

Mạch *Huyền* quan bộ (chủ) công danh,
Mạch đi đầy ngón tay rành đức to.
Đi thi đỗ sớm khỏi lo.
Đặng khoa vinh hiển, trời cho phúc lành.

HÌNH KHẮC

Không may của cải tan tành,
Huyền Trạng quan hữu lại thành không hay,
Kính phong run rẩy chân tay,
Bệnh tình cấp bách đến ngay không ngờ.

尺 部 弦 脈

XÍCH BỘ MẠCH HUYỀN

Mạch *Huyền* bộ Xích lao đao,

Lo toan uống phí, làm sao không rầu.
Vô tình cốt nhục lia nhau,
Vì tiền đến nỗi lòng đau đóm lòng.

卅 尅
HÌNH KHẮC

Mệnh nào có được thông dong,
Nuôi con bệnh nạn long đong nhiều bề.

BỆNH HOẠN

Đau mình nhức mõi ê chề,
Của hao mòn của, bệnh rề rề mang.

寸 部 緊 脉
THỐN BỘ MẠCH KHẨN

Thốn đi mạch *Khẩn* cũng kỳ,
Cuống phong bệnh hoạn tính thì không hay.
Cửu lưu⁽¹⁾ tạp nghệ sở xoay
Lên voi xuống chó đổi thay bao lần.

HÌNH KHẮC

Hàn tâm muốn về chủ nhân,

- (1) *CUU LƯU* : *CHIN DÒNG PHÁI* : 1) Dòng phái về Nho giáo học. 2) Dòng phái về đạo học. 3) Dòng phái về âm dương học. 4) Dòng phái về pháp học. 5) Dòng phái về danh gia học. 6) Dòng phái về mặc gia học. 7) Dòng phái về học thuyết tung hoành gia pháp. 8) Dòng phái về tạp gia học. 9) Dòng phái về nông gia học. tạp nghệ xử xoay.

Loanh quanh chỉ muốn ôm chân sang giầu.

BỆNH HOẠN

Phong tà bệnh nạn ốm đau,

Thái dương biểu chứng nhức đầu đau xương.

關部緊脈

QUAN BỘ MẠCH KHẨN

Bộ quan mạch *Khẩn* ăn chơi,

Nguyệt hoa ong bướm là lời phong tình.

Nhà nghèo kiện tụng linh tinh,

Điều toa gièm báng khoe mình giỏi giang.

HÌNH KHẮC

Vợ con cay đắng trăm đàng,

Anh em ché trách lại càng chán nhau.

BỆNH HOẠN

Ruột tẩm chín khúc quận đau,

Chân tay tê bại nhức đầu đau hông.

尺部緊脈

XÍCH BỘ MẠCH KHẨN

Xích đi mạch *Khẩn* cũng hay,

Thân danh kiêu cách ngồi ngay công đường.

Nói làm không đúng kỳ cương,

Nói đầu bỏ đẩy việc thường không đầu.

HÌNH KHẮC

Nghênh ngang xe ngựa bạn bầu,
Rời ra tình nghĩa cơ hầu như không.

BỆNH HOẠN

Hạ tiểu khí bí khó thông,
Bụng đau tai điếc nghe không thấy gì.

寸部洪脉

THỐN BỘ MẠCH HỒNG

Thốn Hồng tuần tú anh tài,
Sớm nên danh giá lâu dài thọ khang.
Lộc tài phú quý giấu sang,
Cháu con hiển đạt vẻ vang bao đời.
Già mà thấy mạch Hồng thời,
Sinh con quý tử nên người mến yêu.

BỆNH HOẠN

Cực Hồng khí nóng thượng tiêu
Cũng là tật bệnh nhưng nhiều thọ chăng ?

關部洪脉

QUAN BỘ MẠCH HỒNG (quý mạch)

Quan Hồng si hoạn công khanh,
Quan Hồng mà Hoại phúc lạnh vẻ vang.
Kính dâng nghi lễ dâng hoàng.

Gia đường trật tự huy hoàng uy nghiêm.

BỆNH HOẠN

Cực Hồng vị nhiệt không sai,
Bệnh hư kinh quý một mai khỏi dần.

尺部洪脈

XÍCH BỘ MẠCH HỒNG

Mạch *Hồng* xích bộ hại thân,
Cuồng, phong, tỵ sắc lăm phần không hay.

HÌNH KHẮC

Tự nhiên biến cố vạ lây.
Cửa nhà tiền của cũng bay lối nào.
Vợ con điếu đứng làm sao ?
Anh em đều ghét người nào cũng chê.

BỆNH HOẠN

Bụng đau quanh rốn hôn mê,
Cùng đường không biết xoay nghề gì đây.

八裏分明凶吉訣
BÁT LÝ PHÂN MINH
SỰ TỐT XẤU CỦA TÁM
MẠCH LÝ

寸部微脈
THỐN BỘ MẠCH VI

Mạch Vi bộ Thốn mong manh,
Khóc than thương tiếc sinh thành hồi ôi.
Anh em chỉ một mình thôi,
Mẹ cha xung khắc chia đôi sơn hà.

HÌNH KHẮC

Làm ăn vất vả xông pha,
Giâm mưa giải nắng người ta chê cười.

BỆNH HOẠN

Khí hư huyết thiếu yếu người.
Tai kêu như sáo cả đời ốm đau.

關部微脈
QUAN BỘ MẠCH VI

Mạch Vi quan bộ gian nan,

Ấm nhờ trời nắng, cơ hàn túi thân.
Theo người hầu hạ ân cần,
Họa may người giúp được phần nào chăng

州 赴

HÌNH KHẮC

Hoặc đi buôn bán kiếm ăn,
Khỏi bề hình pháp khó khăn muôn vàn.

BỆNH HOẠN

Tỳ hư khí kết Tâm Can,
Bụng đau khốn khổ ruột gan não nùng,

尺 部 微 脉

XÍCH BỘ MẠCH VI

Mạch Vi bộ Xích khôn cùng,
Ly hương phá sản không dung một người.
Vợ con đôi rách tả tơi,
Mẹ cha lặn đận một đời đau thương.

HÌNH KHẮC

Đến đầu trộm cắp bát lương,
Gian tham khốn khổ ăn lường lẫn nhau.

BỆNH HOẠN

Thận hư bụng dưới quặn đau,
Hối tâm hối cải cho mau kéo mà.

寸部沉脉

THỐN BỘ MẠCH TRẦM

Mạch *Trầm* bộ thốn khéo thay,
Phật tiên mộ đạo, thường ngày chu du,
Cửu lưu khắp khển đi tu,
Lại ham tử sắc xuân thu ra vào.

HÌNH KHẮC

Dấu rằng không đến nổi nào,
Nhưng không quyết chí làm sao cho toàn.

BỆNH HOẠN

Bệnh đau hung cách tâm can,
Lãnh đờm đọng trệ ruột gan bệnh hoại.

關部沉脉

QUAN BỘ MẠCH TRẦM

Mạch *Trầm* quan bộ chẳng may,
Làm ăn vất vả đêm ngày dờ dang,
Bỏ làng bỏ tổ đa mang,
Một mình hai vợ giang san nhờ nàng.
Cửu lưu lòng những mơ màng,
Tưởng rằng khôn khéo lại mang tiếng là.

BỆNH HOẠN

Bệnh vì khí nghịch phát ra,

Đau hông đau bụng xót xa khó lành,

尺部沉脉

XÍCH BỘ MẠCH TRẦM (quý mạch)

Mạch *Trầm* bộ *Xích* gia thanh.

Công phu khó nhọc mới thành tiếng tăm,

Khôn ngoan quý tử siêng năng,

Cửa nhà vườn tược làm ăn vững vàng.

QUÝ MẠCH

Phúc dày vui vẻ thọ Khang,

Một nhà sum họp mọi đàng đều hay,

BỆNH HOẠN

Cực *Trầm* nhức mỏi chân tay,

Lưng đau đi đứng khó thay ra vào.

寸部缓脉

THỐN BỘ MẠCH HOÃN

Thốn đi mạch *Hoãn* lao đao,

Ngực đầy dờm khí hít vào khó thông.

Vợ con hình khắc long đong,

Than cô thế yếu khó mong gặp thời.

HÌNH KHẮC

Thà rằng di lính cho rồi.

Hợp tình hợp cảnh may rồi mạnh ra.

BỆNH HOẠN

Thấp phong tê tái thịt da,
Huyết phong đã vậy cũng là khí hư.

關部緩脈

QUAN BỘ MẠCH HOÃN

Quan đi mạch Hoãn chán thay,
Tĩnh người biển lặn lại hay ghen càn.

HẠNH PHÚC : MẸ CHA

Vợ con tiền của dàng hoàng,
Làm nên giàu có vừng vàng thất gia,
Thung Huyền tươi tốt rườm rà,
Mẹ cha thọ khảo cửa nhà vĩnh quang.

BỆNH HOẠN

Tỳ hư chứng bệnh dở dang
Bởi vì lãnh kết đau rang tạng tỳ.

尺部緩脈

XÍCH BỘ MẠCH HOÃN

Xích đi mạch Hoãn cũng kỳ,
Thi vì tính khí chậm thì góm ghé.
Mưu mô kế hoạch say mê.
Vì hay nghi kỵ hóa đê tiện nhiều.

刑 尅
HÌNH KHẮC

Mưu gian chức khéo bao nhiêu,
Cũng thành vô ích thêm điều khổ thân.

BỆNH HOẠN

Tinh hư mềm nhũn tay chân.
Bệnh vì suy nhược xương gân mỗi ngày.

寸部 滯脈
THỐN BỘ MẠCH SẮC

Thốn đi mạch Sắc hay Trâm ,
Khó nuôi con cái xót thắm mẹ cha.
Cơ mưu không tin người ta,
Dẫu rằng sự thật, thế mà hồ nghi.

HÌNH KHẮC

Làm Quan không thọ được vì,
Tính hay nghi kỵ việc gì không xong.

BỆNH HOẠN

Tâm hư huyết chứng long đong
Họ không đờm bởi nghịch xông hỏa tà.

關部濇脈

QUAN BỘ MẠCH SẮC

Bộ quan mạch sắc hợm đời,
Tính hay ong bướm ham chơi dâm tà.
Vợ con phá sản vong gia,
Cửa nhà suy sút nguyệt hoa tan tành.

HÌNH KHẮC

Thọ thì khó vừng đã dành,
Anh em xa cách lại thành cô đơn,

BỆNH HOẠN

Bệnh tình cứ một ngày hơn,
Dạ dầy suy yếu thuốc com khó vào.

尺部濇脈

XÍCH BỘ MẠCH SẮC

Xích đi mạch Sắc bao nhiêu
Tính hay ghen ghét rất nhiều mưu thâm.
Tham dâm chè rượu ngấm ngấm,
Nên hay kiện tụng muôn phần dở dang.

HÌNH KHẮC

Khuê phòng thê thiếp đa mang.
Tình ngang ý trái muôn vàn góm ghê.

BỆNH HOẠN

Khí hư sôi ruột é chề
Bệnh tình chưa khỏi chi bề thuốc thang.

寸部遲脈

THỐN BỘ MẠCH TRÌ

Mạch Trì bộ thốn thiên di,
Một đời cô quả phân li não nùng.

HÌNH KHẮC

Anh em cốt nhục như không,
Con nuôi khó nhọc trông mong nổi dòng
Di cư mới được thông dong,
Qua ngày đoạn tháng phòng không một mình.

BỆNH HOẠN

Hư hàn tích lũy dờm sinh,
Nên thường ho háng bệnh tình khá to.

關部遲脈

QUAN BỘ MẠCH TRÌ

Mạch Trì quan bộ khổ a,
Bôn ba bậc vác cửa nhà sạch không.
Mẹ cha chẳng được cậy trông,
Vợ con khốn khổ không mong mỗi gì.

HÌNH KHẮC

Tăng Ni hoặc có thương vì,
Nhà buôn khó nói bàn chi được nào ?

BỆNH HOẠN

Bệnh tình phổi đã hư lao,
Lại thêm hàn khí bách vào hại thân

尺部遲脈

XÍCH BỘ MẠCH TRÌ

Xích Trì chạy chột lao lung,
Di cư không định tứ tung ngũ hành.
Tiêu hao ngày tháng lẫn quanh,
Cha ông sản nghiệp cũng thành ra tro.

HÌNH KHẮC

Nuôi con nhiều lúc phải lo,
Bệnh tình không biết rồi ra thế nào ?

BỆNH HOẠN

Bàng quang khí kết mãi vào,
Mỗi ngày hư lạnh tiêu hao sức dần.

寸部伏脈

THỐN BỘ MẠCH PHỤC

Thốn mà mạch phục sao đây,
Chính người đàm khí mạch hay thất thường.

Việc làm không có chủ trương,
Tính hay do dự thích đường phong quang.

刑 尅
HÌNH KHẮC

Cửa nhà của cải giấu sang.
Vào ra như thể tuyết tan không chùng.

BỆNH HOẠN

Hoả tà bốc nóng bùng bùng,
Trong lòng nghịch khí huân chung nào nùng.

關 部 伏 脉

QUAN BỘ MẠCH PHỤC

Bộ quan Trâm phục cũng kỳ,
Tính người lảm cẩm lảm lý rất hay,
Nuôi con vất vả đêm ngày,
Việc làm áy náy, tâm hay nào nùng.

HÌNH KHẮC

Ruộng vườn thất lạc lung tung,
Làm ăn tiến thoái vô cùng dở dang.

BỆNH HOẠN

Bệnh nhiều tích tụ lan man,
Càng ngày càng thấy bệnh mang mãi vào.

尺部伏脈

XÍCH BỘ MẠCH PHỤC

Xích đi mạch phục thương thay,
Cô đơn hèn mọn cánh tay bản hàn,
Đông tây chạy khắp mọi đàng.
Làm ăn vất vả xóm làng xa xăm.

HÌNH KHẮC

Không nhà không chỗ làm ăn,
Ruộng vườn không có, bản khoán một mình.

BỆNH HOẠN

Bôn đôn báng tích bệnh sinh,
Nghèo hèn hoạn nạn xót tình éo le.

寸部濡脈

THỐN BỘ MẠCH NHU

Mạch *Nhu* bộ Thốn ăn chơi,
Ham mê chìm chuột, việc đời như không.
Đa tình mèo mả gà đồng.
Tính hay nóng nảy lòng bông suốt đời.

HÌNH KHẮC BỆNH HOẠN

Đến khi bệnh hoạn kêu Trời,
Nặng đầu nhức mỏi tiến thời có đầu.
Mồ hôi thánh thót như dầu,
Thiệt tha tình ái ngô hầu được chăng ?

關部濡脈

QUAN BỘ MẠCH NHU

Mạch *Nhu* quan bộ biết đầu,
Tĩnh không tranh đấu mặc dầu khen chê.
Đông con nhiều cháu sừng ghê,
Ông cha cơ nghiệp mọi nghề đều hay.

HÌNH KHẮC BỆNH HOẠN

Sau cùng tình thế đổi thay,
Khí suy bệnh hoạn không may hiểm nghèo.
Mệnh trời thọ yếu ai chiêu,
Giấu mà không thọ có điều xót xa.

尺部濡脈

XÍCH BỘ MẠCH NHU

Mạch *Nhu* bộ xích thật là,
Đa mưu túc kế thế mà khổ tâm.
Tham lam tài sắc đa dâm,
Chỉ vì cái tội ngoại xâm khắc hình.

HÌNH KHẮC BỆNH HOẠN

Chẳng may bệnh hoạn thành linh,
Hư hàn tiết tả bệnh tình cheo leo.
Mạch *Nhu* tuổi trẻ hiểm nghèo,
Có khi bệnh hoạn chết theo ông bà.

寸部弱脈

THỐN BỘ MẠCH NHƯỢC

Thốn đi mạch *Nhược* lạ lùng,
Việc làm chóng chán lung tung buồn cười.
Ông cha sản nghiệp mấy đời,
Dần dần bán hết kẻ cười người chê.

HÌNH KHẮC BỆNH HOẠN

Đến khi bệnh hoạn mới ghê,
Âm dương tranh đấu khó bẻ thuốc thang.
Đêm ngày sốt rét kinh hoàng
Rét đi nóng lại nhật khoan lâu ngày.

關部弱脈

QUAN BỘ MẠCH NHƯỢC

Quan xem mạch *nhược* lạ thay,
Dương suy tu tỉnh mới hay đạo trời.
Mẹ cha tiên cảnh sớm chơi,
Con thời không có, tựa đời hư mờ.

BỆNH HOẠN

Đến khi mắc bệnh càng lo,
Bởi vì chúng thờ khè khò đờm duyên.
Ai xui cảnh hưởng đa khiên,
Để cho kẻ tục người tiên bận lòng.

尺部弱脉
XÍCH BỘ MẠCH NHƯỢC

Xích đi mạch Nhược long đong,
Nói làm khác hẳn, như không định gì.
Nhỏ to cũng có nghề chi,
Còn hơn chày bừa mong gì viễn vọng.

BỆNH HOẠN

Đến khi có bệnh hết trông,
Hạ tiêu quyết lạnh, mạch trong hư càng.
Thuốc thang lo lắng vội vàng,
Thế mà bệnh tật đeo mang vẫn còn.

太素貴賤中格朕
NÓI VỀ CÁC THỨ MẠCH
TRÚNG CÁCH

Cách thứ nhất

家資勾陣

GIA TƯ CÂU TRẬN CÁCH

Tỳ cung mạch Hoãn quý thay,
Gia tư câu trận cách này mới hay.
Nhờ Trời trong lúc vận may,
Gặp được người vợ tốt thay lạ lùng.
Đem bao nhiêu của về chung,
Xây nên hạnh phúc vô, cùng giàu sang.

HÌNH KHẮC

Vi, Trâm, Phục, bị kiện ngang,
Mạch đi *Phù Sát* lại mang tội tình.

Cách thứ hai

雲鶴衝天

VẬN HẠC XUNG THIÊN CÁCH

Xung thiên vận hạc ít khi,
Mạch kiếm Văn Vũ cao kỳ hiếm thay.

Công danh phú quý phúc này,
Suốt trong đất nước hoạ may một vài,
Ân Uy tài đức ở đời,
Kinh bang tế thế là người tuyệt luân,
Phải chăng phúc đức xoay vần,
Văn quan võ tướng tinh thần cao siêu.

Cách thứ ba

魚龍在海

NGƯ LONG TẠI HẢI CÁCH MẠCH

Ngư long tại hải yên vị,
Văn chương cái thế thiếu chi anh hào.
Cầm tâm tú khẩu quý sao ?
Tiếng tâm lừng lẫy biết bao sao xa gần.
Kinh luân tài sức tuyệt trần,
Nho y lý số tinh thần vẻ vang.
Trên vì nước dưới dân làng,
Vẻ vang cha mẹ mọi đàng đều hay.

Cách thứ tư

蝶入花園

DIỆP NHẬP HOA VIÊN CÁCH MẠCH

Hoa viên Diệp nhập lạ lùng,
Bạn trai xích nhược của chung mới toàn,
Xích yếu cửa nhà giấu sang,
Mạnh thì phá sản vợ càng tai ương.
Đàn bà hữu xích cần cường,
Yếu thì phá sản chống thường hết trọn.

Gái thì hữu xích cường hơn,
Trai cần xích nhược, ruộng nương vợ giàu.

Cách thứ năm

龍蛇混殺

LONG XÀ HỖN SÁT

Long xà hỗn sát diệu kỳ.
Tỳ Vi tỳ Nhược mạch thì sáp lại,
Việc quan ngày một ngày hai.
Sinh ra kiện tụng lai rai không ngờ.
Khéo khôn nghĩ để đợi chờ,
Nếu không hao tổn thế cờ nguy sao ?
Biết còn sớm liệu mới cao,
Thân danh hoàn hảo cứ sao không làm.

Cách thứ sáu

驚飛千里

KINH PHI THIÊN LÝ

Kinh phi thiên lý cách hung,
Công lao lặn dận thủy chung không thành.
Cả hai xích mạch đều nhanh.
Mạch lao *rắn chắc* Phù thành không hay.
Tâm cơ uổng phí chẳng may.
Tinh thần cuồng nhiệt xỏ xoay ra ngoài.
Ly hương biệt xứ đi hoài.
Đông Tây bất định thương ai mạch này.

Cách thứ bảy

鷺 鴈 高 飛

THU NHẠN CAO PHI

Cao phi thu nhận cũng kỳ,
Lệ sâu thấm gối đàn thì dứt giây.
Gương kia ai sẽ đòi đây,
Phế *Phù* không lực mạch đây kíp không.
Bao nhiêu gấn bó phí công,
Tóc tơ ảm đạm ai không thấm sâu.
Ruột tâm chiến khúc canh trâu,
Tâm can khô héo buồn rầu lạ thay !

Cách thứ tám

鴻 鴈 失 羣

HÔNG NHAN THẤT QUẦN

Thất quần hồng nhận đua bay,
Xích mạnh *Phù Đại* (to) chẳng hay quân bình
Nói tỳ phản bội lại mình,
Rắp mưu làm hại ra tình đấu tranh.
Anh làm kiểu cách đàn anh,
Nhưng em chỉ thích tranh dành lời thôi.
Mưu mô khích bác xa xôi,
Điều qua tiếng lại, lời thôi phũ phàng.

Cách thứ chín

野 鶴 騰 空

DÃ HẠC ĐĂNG KHÔNG

Phù, Hư, Trầm, Khản, Xích cung mạch này.

Nghê riêng theo đuổi hằng ngày,
Tài tình độ nhật khéo thay cũng vừa.
Buồn mình đến chốn nhà chùa,
Hay làm thấy thuốc cứu người ra tay,
Cửu lưu biến hoá đổi thay.
Mạch này cũng thể một tay thấy cò.

Cách thứ mười

春臺壽域

Xuân đài trường thọ

Xuân đài trường thọ cách này,
Thận cung Nhâm quý dưới tay *Hoạt Trâm*.
Mạch dài dằng đặc âm thầm,
Đó là mạch quý thọ xuân Khang cường.
Thung huyền ty tuyết song đường
Tiêu dao phú quý thọ trường vinh quang.
Mình nên danh giá vẻ vang.
Phúc cha nhân đó lại càng mừng vui.

Cách thứ mười một

朱雀登科

Chu tước đăng khoa

Bộ Tâm chu tước mạch *Hồng*,
Văn chương thi đỗ bảng rồng vẻ vang.
Bạc vàng phú quý giàu sang,
Mẹ cha vui vẻ vinh quang cửa nhà.
Vô thì Tướng Tá ngựa xa,
Đồng nhung thiết giáp vinh hoa lẫy lừng.

Hình khắc

Chẳng may trái lại không chừng,
Tâm mà *Trầm Phục* thì đừng nói chi.
Mẹ cha khốn khổ phân ly,
Vợ con khóc lóc cực kỳ khổ thay.
Bởi vì hình khắc không may,
Tì Vi hư hoả bốc ngày uất đêm.

Bệnh hoạn

Trong lòng râu rĩ bệnh thêm,
Cũng vì mạch khắc hoá nên nổi này,

Cách thứ mười hai

青龍豐貴

Thanh long phong quý

Thanh long Can bộ mạch huyền,
Đặng khoa chiếm bảng danh truyền khắp nơi,
Giàu sang phú quý tuyệt vời,
Văn chương nét đất, ơn này ai cho.
Hồng thì con cháu danh nho một đời
Hoãn thì con cháu danh nho một đời.

Hình khắc bệnh hoạn

Chẳng may *Trầm phục* trở trời,
Phong tà bệnh hoạn thiên thời có khi !.

Cách thứ mười ba

太素官爵運限脈

Mạch thái tổ đối với người quan tước

Hai thốn bộ mạch chạy phân minh, là những bậc anh hùng hào kiệt.

Hai bộ Tâm Can mạch đi có vẻ thanh nhã : là người sang trọng khôn ngoan.

Nếu hai bộ ấy mà chạy thô trọc là người hèn hạ ngu dốt.

Tâm và Can bộ mạch đi *Trầm Sát* là người đương làm quan bị giáng chức.

Tâm và Can hai bộ mạch đi *Hồng Huyền* là người phú quý hiển vinh.

Tâm và Can bộ mạch đi *Trầm, Vi, Nhu, Nhược* là người bán cùnng đói khổ, vất vả gian nan.

家資厚寡財籠脉

Xem mạch để đối chiếu vào tài sản

Mạch của Tỳ bộ chủ gia tư.

Tỳ bộ mạch đi *Hoãn Đại* rất tốt.

Tỳ bộ mạch đi khoan *Hồng, Hoà, Hoãn* là người nhờ được cơ nghiệp của Tổ tiên để lại.

Tỳ bộ mạch đi *Hoãn* mà lại *Hồng* là người nhờ được của vợ làm giàu.

Người nào ở bên tay tả về thốn bộ mạch đi *Hoạt* thì hay phát tài, mà cũng hay tán tài lắm.

Người nào ở bên tay tả về thốn bộ mạch thì hay phát tài, mà cũng hay tán tài lắm. Người nào bên tay tả ở xích bộ mạch đi

Trâm thì dầu là tay không rồi người ấy cũng có ngày tậu được ruộng vườn nhà cửa, giàu có.

Tỳ bộ mạch như nước tức phọt tung ra đầy : thì dầu ngày nay được của cải làm ăn giàu có, nhưng đến lúc về già thì chỉ còn lại với hai bàn tay trắng thôi.

Thốn khẩu mạch chạy như ngọn nước toé, thì suốt đời chạy gạo hàng ngày, cuộc đời cơ cực long đong vất vả.

太 素 與 父 母 脉

Xem mạch để đối chiếu với cha mẹ

Phế bộ thuộc về địa vị của cha mẹ

Người nào mà Phế bộ mạch đi *Hồng Hoạt* là cha mẹ an khang trường thọ.

Người nào mà Phế bộ mạch đi *Trâm Vi*, cha mẹ hay ốm yếu đau thương, hoặc là cha mẹ chết sớm cả.

Đây là phép xem mạch con trai đối với cha mẹ, là thế.

Còn xem mạch người con gái đối với cha mẹ thì lại khác.

Cho nên khi xem mạch người con gái : Thận bộ mạch đi *Trâm*, *Quan*, bộ mạch *Hoãn*, là cha mẹ người con gái ấy được song toàn thọ khảo.

Phế bộ mạch *Phù* mà lại *Nhược*, là cha mẹ người ấy chết rồi.

Nếu Phế bộ mạch *Trâm* mà lại *Hư* thì cũng là cha mẹ chết.

夫 婦 情 常 妻 妾

Xem mạch để đối chiếu cùng thê thiếp

Tỳ bộ cũng thuộc về thê thiếp.

Tỳ bộ mạch đi *Hoãn*, *Dị* mà lại *Tương* là người ấy được có diễm phúc, thê thiếp đều là người đoan trang, trinh

thực, mà lại là con nhà danh giá, tử tế, chính người ấy sẽ nhờ vợ làm nên giàu có.

Người nào hai bộ xích mạch đi *Trâm*, *Trệ* mà lại *Doãn* và *Vi*, thì người ấy bị vợ chết, lại cưới vợ khác mấy lần mới đứng vững được.

Người nào Tâm bộ mạch đi *Trâm*, *Tế* cũng phải cưới vợ hai lần.

Người nào Phế bộ mạch đi *Khẩn*, phải để phòng kéo lấy phải người vợ bị tật bệnh.

Phía trước quan bộ mạch người chồng thấy mạch *Phục*, mạch *Trâm Tán*, người ấy có vợ ngoại tình, vợ phải lòng trai.

福 德 子 孫 磊 落

Xem mạch để đổi chiếu vào con cháu,

Tay bên Tả thốn bộ thấy mạch *Huyền* chạy như dây ngón tay người xem, là người ấy diễm phúc, cháu con đông đúc đầy đàn, đời đời hưởng phúc lộc.

Người nào tay bên tả, Thốn bộ thấy mạch *Trâm*, *Khẩn* mà lại *Ti Trệ*, thì con cháu rất hay ốm yếu, hay bệnh tật luôn luôn.

Người nào thấy xích bộ mạch đi *Trâm* mà lại *Hoạt* là có con trai đi thi đậu.

Người nào hai thốn bộ mạch đều *Hồng Huyền*, là có nhiều con cháu giàu sang phú quý.

Người nào hai quan bộ mạch đi *Hồng Huyền* nếu không phú quý, cũng có nhiều con.

家 事 吉 凶

Mạch đối với gia sự cát hung

Muốn biết việc nhà lành hay dữ, thì phải biết rằng mạch *Động* hay *Tĩnh*.

Người nào Tỳ bộ 脾部 mạch bị Hoạt, Đại, thì nhà người ấy của cải giàu có.

Thận bộ 腎 mạch đi Hoạt, Trầm, thì cha mẹ người ấy tất nhiên phú quý.

Mệnh môn 命門部 mạch đi Trầm, Hoạt, thì nhà ấy con ăn, đầy tớ, trai gái có nhiều kẻ trung thành.

Tam tiêu mạch đi khinh thanh (phù nhỏ rõ ràng) nhà người ấy ngựa xe như nước, khách khứa đầy nhà.

右尺洪脉

Hữu xích mạch đi Hồng, Hoạt là anh em bị tội.

Tả thốn mạch đi Huyền, 左寸弦長 Trường lại hình dung như là mạch nó đưa lên như dây ngón tay của người xem mạch, là người ấy chắc được hiển vinh.

Thận bộ mạch đi cứ ba lần động lại thấy mạch, Trầm là vợ có thai.

Tam tiêu bộ mạch đi rần chắc mà Trầm và Doãn và Sắc, nên để phòng nạn cháy nhà.

Thận bộ mạch đi Trì Nhu mà Trầm và lại Vi là người phải đi làm con nuôi người khác.

Tâm bộ mạch Trầm và Tế là diêm vợ đã bỏ đi lại về.

Thận bộ mạch Phục mà lại Tán là vợ có ngoại tình.

Cách thứ mười bốn

六脉優劣訣

Sự tốt xấu của sáu mạch

Tâm thuộc về sao 朱雀 Chu tước.

Tâm bộ mạch Hồng : học văn thi đậu làm quan, học võ làm đến nhung đại tướng.

Tâm bộ Trầm Phục, mạch hay sát vợ, xung khắc mẹ cha.

Tâm bộ *Trì* *Vi* hư hồng kết hung.

. Can mạch về sao 青龍 Thanh Long

Can mạch *Huyền* theo nghề văn đồ cao, theo nghề võ làm to giầu có.

Can mạch *Hồng*, người được vinh hoa.

Can mạch *Phục* vì gió độc sinh bệnh.

. Thận thuộc về sao *Huyền vũ*. 玄武

Thận mạch *Trâm*, các việc thường được như ý, đời người lại được sống lâu.

Thận mạch ba lần *Động* rồi lại *Trì*, vợ có thai.

Thận mạch *Trâm* lại *Doan* và *Phục*, căn bệnh đã sâu.

. Phế thuộc sao *Bạch hổ*. 白虎

Phế mạch *Phù*, tuổi trẻ thi đậu.

Phế mạch *Phù* mà *Khẩn* là người hoá vợ và không có con.

Phế mạch *Trâm* *Vi* là cha mẹ chết rồi.

. Tỳ thuộc về sao *Câu trận*, 勾陣

Tỳ mạch *Hoãn* người dó nhờ của vợ giầu có, làm nên nhà cao cửa rộng, ruộng cả ao liền, tiền tài sung túc.

Tỳ mạch *Trâm* *Vi* mà *Phục*, sẽ bị kiện cáo về hôn nhân, ruộng nương diên sản.

Tỳ mạch *Phù* *Sắc* mà *Huyền* là diêm con cái bị nạn.

Mệnh môn thuộc sao *Đàng sà*. 騰蛇

. Mệnh môn mạch *Trâm*, thì đầy tớ hay, nhiều kẻ trung thành họ hàng làng mạc yêu mến.

Mệnh môn mạch *Vi* mà *Sắc*, vợ thành gái hoá, lờ đời,
con bị mồ côi cha.

Mệnh môn mạch đi *Hồng Huyền* thì anh em chết cả.

Tính tình đàn bà con gái

Người nào *Tâm* bộ mạch *Trầm* thì đầu đến già cũng vẫn
đa dâm.

Người đàn bà nào xích bộ mạch *Phù* là người có tính hay
mê trai.

Người đàn bà nào *Tâm* bộ mạch đi *Vi Tế* là người
không có con cái !

其症對於順脈是福
他人得之尅脈者危

Bệnh nào, mạch nào tốt, mạch nào xấu.

Phân biệt trọng khinh, quyết đoán sinh tử
分別輕重決斷死生

Nghiệm xem mạch lạc điều cần thiết,
Kiêng hay không, phải biết cái hung.

傷寒症

Thương hàn mạch Đại mạnh Hồng,
Nếu mà Trầm Tế chớ hồng chữa chi.

中風病

Trúng phong mạch Phù Trì không ngại,
Cấp Sác hay thực Đại là nguy.

Tả thì trầm Tế hay Vi,

Phù Hồng nguy lắm, hay gì mà mong.

霍亂症

Hoác loạn chỉ Khâu Hồng là quý.

Nếu Trì Vi thiếu khí sao nên.

Đau tim Trầm Tế là yên,

Nếu mà Khâu, Đại, Trường, Huyền là nguy.

吐血症

Thổ, nục huyết, bệnh về tâm phế,
Kiêng Đại Phù, Trâm Tế là hay.

謔言亂語

Nói mê nói sáng đêm ngày,
Trâm Vi kiêng nó, Thực đây là hơn.

消渴病

Bệnh tiêu khát nhờ ơn Sác Đại,
Thấy Tế Hư thì phải đề phòng.
Có mang mạch Đại và Hồng,
Tế Trâm là bệnh, thai không an hoà.

咳嗽病

Hoa háng thấy Hồng Nhu là tốt,
Phục Trâm là khí huyết đã suy.

脹滿病

Bụng to (Tướng mãn) mạch Đại lo chi
Nếu mà Vi Tế là Tỳ đã hư.

水浮腫

Bệnh thủy thũng thờ là thượng khí (ho)
Nên Hoạt Phù mà kỵ Tế Vi.

吐瀉渴症

Tế Trâm thổ tả lo chi
Nếu mà Sác Xúc thì nguy khó lòng.

頭痛病

Bệnh nhức đầu Hoạt trong Phù là nhẹ.
Doãn Sác là khó dễ bệnh này.

金鎗症

Kim sang⁽¹⁾ Vi Tế là may,
Nếu mà Đại Sác xưa rầy đáng lo,

(1) Vết thương đâm chém, rách đứt tay chân !

中惡症腹

Trúng ác mà bụng to đầy trướng,
Khẩn Tế hay, ghét vướng Đại Hồng,

中蟲毒

Trúng độc Vi Tế nên phòng,
Hễ mà Đại Sác thì không lo gì.
. 涎痰喘逆急
Chứng đờm xuyên hay chỉ mạch Sác,
Thấy mạch phù vững chắc không lo.

便血症

Hạ mà Thực Đại khỏi lo.
Nếu mà Trầm Nhược dần do coi chừng.

水氣浮腫症

Bệnh Thủy khí nên Phù và Đại,
Thấy Tế vị đáng ngại ngừng thay.

內傷症

Nội thương Huyền Khẩn là may,
Nếu mà Nhược Tế càng ngày càng suy.

發熱疾

Chứng phát kiêng Vi là đích,
Nhiệt thuộc dương không thích êm ru.

痰瀉症

Đờm tiết mạch Đại mới chu,
Nếu mà Trầm nhược mạch dù cũng nguy.

心痛病

Trên lồng ngực trệ hay tích bí,
Kiêng Nhược Nhu mà chỉ Khẩn phù.

痺風疾

Tỷ, phong nên mạch Hư Nhu,
Nếu đi khẩn cấp là thù oan gia.

痞滿病

Thận không hoà sinh ra bì mãn,
Kiêng Súc Trâm nên Hoãn và Phù

喘咳

Thở, ho, Huyền Cấp nguy ru?
Nếu được Phù Hoãn còn chu gì bằng,

氣虛帶下濁淫

Bệnh đới hạ⁽¹⁾ Hoạt Trâm là tốt,
Nếu Phù Hư nhà đột khó nguyên.

痞滿症

Bì mãn mạch Hoạt là êm
Nếu như mạch Súc biết liền nội hư.

狂熱病

Bệnh cuồng nhiệt vẫn vợ nói sáng.
Cần Đại Phù kiêng hạng Tế Vi

吐血

Máu cam, thổ huyết lâm lý
Chỉ kiêng Phù Đại sợ chi Tế Trâm

眼痛心煩渴

Chứng đau mắt, thống tâm phiền khát,
SúcThực hay, mà rất Phù vi

眼痛不可開

Mắt đau nhắm chẳng thấy gì,
Mạch nên Phù Đoãn, ghét khi cấp cường.

(1) Người đàn bà còn gái ra rớt trắng gọi là chứng đới hạ, hay là khí hư, huyết bạch

大腸病

Bệnh Đại trường thường thường tiết tả,
Đại Khẩn ché, Hoạt đã không hay
Chỉ nên Vi Tế là may,
Thuốc thời cần phải bỏ ngay lấy Tỳ.

吐血

Thổ (hay nhổ) ra huyết trong khi xem kỹ
Có tơ hồng Phế bị nhiệt thương
Máu tươi nhỏ thấy phải tường.
Can Kinh thương tổn mạch thường Khâu Vi

嘔唾血症

Nhổ ra máu xá chi Trầm Nhuộc,
Lo Thực Lao Đại Sác mà thôi.

婦人產後脉

Đàn bà sinh đẻ vừa rồi,
Thực Vi là tốt, kiêng nôi Phù Hư.

風濕病

Chứng phong thấp mô hôi rầu chảy,
Dầu thân y bệnh ấy cũng kỳ,
Hình khô mã sốt ly bì,
Mạch đi Xúc Sác còn gì người ta.

有不得之命訣

Môi phập phồng thở ra miệng cá,
Hơi thì hôi chẳng khá đến gân.
Tóc ngay như thể cán cân,
Bấy nhiêu tử chứng muôn phần nguy nan.

PHÂN LINH TINH

衝陽脉訣

MẠCH XUNG DƯƠNG

太衝

Thái xung có động còn mong,

太豁脉

Thái khê không đông còn hồng nổi chi.

Mạch Xung dương chủ về Vị khí,

Túc dương minh là Vị khí kinh.

人命胃氣 是為要領

Thân người phủ tạng vệ sinh,

Chỉ nhờ Vị khí mới thành thanh tân.

Phàm bách bệnh nên cần mạch đó,

Có thể mà đoán rõ cát hung.

Nhận xem nó có mới trông,

Có thì chữa được, nếu không liệu mà.

太素經 太素脈

SÁCH THÁI TỐ MẠCH THÁI TỐ LÀ GÌ ?

Có người thắc mắc hỏi, Thái Tố có nghĩa gì vậy ?

Cũng có người ngờ vực lại hỏi tại sao lại gọi là Sách Mạch Thái Tố ?

Những người đọc sách mạch Thái Tố, phần nhiều cũng muốn biết tại sao lại gọi là mạch thái tố ?

Xin thưa:

Theo thiên kiến chúng tôi nghiên cứu, thì căn nguyên cội rễ của Sách mạch Thái Tố trước hết bởi một tay tuyệt thế kinh luân, là một bậc ẩn sĩ đời Đường tên là ông Đông-Uy lập ra một chương trình cũng như phương pháp học thuật rất tinh vi, đại khái nó cũng như bài toán tuyệt trần cao kiến, rồi mới đem dạy cho học trò là ông Trương Thái Tố. Ông Thái Tố đem hết sức chăm chỉ học tập, theo đúng như lời thầy dạy, sau một thời kỳ thực hành thấy hay và người ta thấy có nhiều hiệu nghiệm, muốn ca tụng công đức ông Trương-Thái-Tố, vì vậy mới lấy tên người mà đặt tên sách truyền tụng cho mãi đến ngày nay.

張太素妙法功夫

TRƯƠNG THÁI TỐ DIỆU PHÁP CÔNG PHU

Sau thời bấy giờ có những người sành mạch Thái-Tố khác như ông Tăng-tri-Lục, ông Trương-Từ-Phát, xem mạch có thể biết hết

được những người sống lâu hay chết non, mặc dầu những người ấy dương khỏe mạnh, mà biết được những việc sẽ xảy ra như hiển hiện ngay trước mắt, như có những người mạch có dấu hiệu giàu sang phú quý, người nào vất vả lắm than, mẹ hiền con quý. Chông giỏi vợ khôn ngoan, hay là người xấu nết. Anh em hoà thuận hay bất hoà. Con hiếu thảo. Cha mẹ thọ khang phú quý, con cháu hiền đạt vinh hoa. Đây tứ trung thành hay là phản phúc. Xem mạch việc gì cũng có thể biết trước được, thời bấy giờ đã gọi là sách mạch thánh, nên cái tên Thái Tổ nó mang từ đó. Cũng có nơi nói sách mạch Thái Tổ là của ông Dương-Thượng ông Dương Thúy Chính, ông cũng rất sành, mạch Thái-Tổ kể đó có ông Tùng-Chinh, ông Dung-Quang, đều là những tay giỏi mạch lúc bấy giờ cả, mà người ta nói chệch đi chăng ? Âu cũng là chỗ chúng tôi biết được nào xin trình bày ra vậy, còn thực hư xin để các bậc Cao minh thẩm định. Nay ta chỉ chắc chắn rằng Sách mạch Thái-Tổ là một quyển sách cao siêu huyền diệu của các bậc tiền nhân để lại như một của báu vô cùng vậy.

HẠNH LÂM

Phần thứ ba

CHIẾC GỐI

"THÂN"

神 枕

CHIẾC GỐI "THẦN"

Hay là phương pháp trường sinh

Ngày xưa ở bên núi Thái-Son, có ông Lão-Trượng Già mà còn khoẻ mạnh. Một hôm Vua Vũ-Đế nhà Hán đi tuần thú qua lối đó. Vua ngồi trên kiệu thấy một ông lão đứng cây bừa ở dưới ruộng bên đường, quanh người ông ánh sáng toả ra một vùng rực rỡ hào quang, cao đến hơn vài thước.

Vua trông thấy lấy làm lạ lùng, liền phán dừng kiệu bước xuống, có ý hỏi thăm ông lão tiên kia, trong khi ấy vua nửa ngờ là Thiên Thần, hay là đạo giáo kỳ lạ có pháp thuật cao cường liền phán hỏi ông.

Ông Lão Trượng thưa rằng:

- Muôn tâu bệ hạ, kẻ hạ thần ngày xưa, lúc 85 tuổi người nhọc mệt, yếu đau gần chết, nào mắt loà chân chậm, nào đầu bạc, răng long, nay ốm đau, mai tật bệnh. Giữa lúc buồn chán ấy may gặp được người Đạo sĩ, vì lòng nhân đạo, chỉ bảo cho kẻ hạ thần bài thuốc trường sinh, là uống nước và ăn Đại táo lại bảo cho biết cách tịch cốc không ăn cá thịt gạo thóc. Nhất là dạy bảo cho cách tạo chiếc gối "thần" bảo cho cách kiêng khem mọi nghề.

PHÉP LÀM GỐI "THẦN" TRONG LÀ BÀI THUỐC

Bài thuốc này có ba mươi hai vị thuốc, chính ra trong đó có 24 vị thuốc, là những thứ ngon lành cũng như là bổ dưỡng, để mà thi thử đương đầu với 24 thứ khí thiêng liêng trong hoàn vũ, và 8 vị thuốc có tính cách độc dữ cũng như là những thứ có sức mạnh mẽ, để ứng đối với 8 thứ gió độc. Nhưng khi người ta thường bị khí đó xâm lăng, thì nhờ có những vị này, nó có thể chặn đứng ngay lại được.

Kẻ hạ thần rất kính cần làm sao cho đúng y như lời người dạy. Làm được ít lâu thì trong người nhận thấy khoan khoái nhẹ nhàng, rồi đầu tóc bạc dần dần trở lại hóa đen, răng rụng lại mọc ra tằm tấp. Tôi sống đến ngày nay, đã là một trăm tám mươi tuổi, sức tôi còn khoẻ mạnh đi một ngày có thể được ba trăm dặm.

Khi tôi ở trong núi lâu ngày chỉ ăn táo uống nước lã, và gối chiếc gối thần, người tuy khoẻ mạnh lâu ngày nhớ con nhớ cháu quá, nên lại về nhà, lại ăn cơm hai mươi năm nữa, người cũng vốn khoẻ mạnh, chắc là nhờ được khí thiêng của gối thần, tôi cứ khoẻ mạnh cứ trẻ trung cứ làm việc, không buồn phiền chi hết, đến như ngày hôm nay, không còn bệnh tật lo âu gì nữa.

Cứ như tôi nhận thấy từ bấy đến nay, cũng không thấy già đi chút nào cả.

Vua Vũ-Đế xem phong độ ông lão, *trông* nước da hồng hào, *nhìn* mái mà *không chán*. Coi ông lão khoẻ mạnh ngon lành như hồi còn trai trẻ, chừng năm mươi tuổi thôi.

Vua còn chưa tin, cho đi tìm các người lân bang làng xóm đến hỏi, ì ai ai cũng đều nói đúng như vậy, chúng tôi thấy ông lão *khoe* mạnh thật là kỳ khôi.

Bấy giờ vua mới tin

Vua mới truyền hỏi xin ông cái đơn thuốc làm gối ấy. Vua cũng cho làm y như phép tắc và thuốc đúng như vậy, nhưng nhà vua không thọ được theo đúng cái thuyết tịch cốc ăn Táo, uống nước lã được. Nhà Vua chỉ làm chiếc Gối thần thôi, cho nên không đúng được như phép thì chỉ kha khá hơn người khác và thành không tới đích tuyệt đối như ông lão Trương vậy là chỉ thọ được có 75 tuổi thôi.

PHƯƠNG PHÁP LÀM GỖI "THÂN"

Ngày mồng năm tháng năm, tức là ngày đoạn ngọ, hay là ngày bảy tháng bảy, là ngày song thất, tìm lấy cây Sơn-Trắc Bách để mà làm Gỏi. Bề dài một thước hai tấc ta, bề cao bốn tấc ta trong có thể chứa được một đấu hai thăng chọn được gỗ lõi cây Bách, được thứ nào lòng nó đỏ ấy thì càng hay, liệu chừng dài hai phân ta, làm sao chứa đựng cho được chỗ thuốc hết vào, rồi dây chò thật kín, mỗi khi gỏi thì mở nắp trên ra, để gỏi, lúc thôi gỏi dây nắp cất đi, để cho kín đáo, phòng giữ lấy hơi, lớp ván bên trong chia làm ba hàng, mỗi hàng bốn mươi lỗ nhỏ, cộng là một trăm hai mươi lỗ, mỗi lỗ dùi to bằng hạt thóc hạt gạo ấy thôi.

NHỮNG VỊ THUỐC LÀNH KẾ SAU ĐÂY:

Xuyên khung	川芎	Đương quy	當歸
Bạch chi	白芷	Tân di,	辛夷
Đỗ hành	杜衡	Bạch truật	白朮
Cao bản	蒿本	Mộc lan	木蘭
Xuyên tiêu,	川椒	Quế bì, (quế quan)	桂皮

Can khương,	乾薑	Phòng phong,	防風
Nhân sâm,	人參	Cát cánh	吉攪
Bạch phục linh,	白茯苓	Kinh thật	荆實
Nhục thông dong,	肉蓉菴	Phi liêm,	蜚廉
Trắc bá thất,	側柏實	Ý dĩ	薏苡
Khoản đông hoa,	款冬花	Bạch vi	白薇
Tân tiêu,	秦椒	Mỹ vu	靡蕪

Cộng tất cả là hai mươi bốn vị, dùng nó để tiếp dẫn cũng như ứng phó với hai mươi bốn khí thiêng của hoàn vũ vậy.

Và lại gia thêm tám vị thuốc độc, để ứng đối với tám thứ gió độc, của đất trời hàng ngày.

Ô đầu	烏頭	Phụ tử	附子
Lê lô	藜蘆	Tạo giáp	皂莢
Quyển thảo	尚草	Phàn thạch	礬石
Bán hạ	半夏	Tế tân	細辛

Cộng cả trên dưới là ba mươi hai vị, mỗi thứ đều dùng một lượng tắng nhỏ, cho những vị thuốc độc ở dưới, những vị thuốc lành lên trên cho đẩy vào trong gối, ngoài dùng vải lụa hoặc bằng vải nhỏ sợi mà hơi thưa, ngày nay bọc bằng ni lông thì càng tiện quá. Khi nào gối thì thì bỏ vải bọc ra, có ý để cho hơi thuốc nó ngấm, nó xông vào được đầu mình thì mới tốt.

Ai đã gối mà giữ được cách thức đúng cả trăm ngày, thì da sáng sủa quang nhuận hồng hào, ai đã gối và giữ được đúng cả

một năm, thì không cần phải lo có bệnh tật gì nữa, hoàn toàn thân thể nhẹ nhàng khoan khoái, như không có vương mắc bệnh tật gì ráo trôi, mà lại khắp mình hình như vẫn thấy hương thơm, ai đã gội được đúng cả ba, bốn, năm năm thì tóc bạc tự nhiên sẽ đen lại, răng rụng lại mọc ra răng khác.

Tại mắt thông minh, tinh thần sáng khoái, thật là chiếc gối thần, hay hết chỗ nói, mà linh nghiệm của nó cũng không thể nào kể cho xiết được.

Nhưng có một điều nên chú ý, đặc biệt là đã gọi là "thần" thì tất nó có cái thần tình, nghĩa là người phải có đặc cách tinh thần, chứ không phải người nào cũng làm được đâu. Như người muốn học, trước hết phải có cái Tâm (thành tâm thiện chí) phải thanh tâm quả dục, phải ăn chay sạch tội, phải tu luyện cho đến nơi đến chốn, thì mới linh nghiệm được như đã kể vừa rồi.

Ngay khi ấy, chính Vua Vũ Đế cũng còn hồ nghi mới đem cái câu truyện gối thần này, hỏi ông Đông Phương-Sóc, thì ông trả lời rằng :

Ngày xưa có người Ngọc nữ Liêm Phi, dùng phương thuốc này, sau mới truyền lại cho nàng Ngọc Thanh, nàng Ngọc Thanh truyền cho Quảng-Thành-Tử, Quảng-Thành-Tử lại truyền cho Hoàng-Đế, gần đây ở Cốc thành có nhà Đạo sĩ Thuần Vu-Công, ông ta cũng gội như cái gối thần này, tuổi hườn trăm năm mà đầu vẫn không bạc, người vẫn khoẻ mạnh, không bệnh tật gì cả, vì rằng bao nhiêu bệnh tật nó xâm nhập vào người, bất cứ từ đâu lại nó cũng đều theo dương mạch nó vào.

Nay gội được cái gối thần này, nó có thể chống giữ được mọi thứ gió độc, mọi thứ tà khí, làm cho người ta khoẻ mạnh không bị gió máy làm hại được bao giờ.

Nhà vua dùng thấy cũng hay hay, mới chiếu chỉ ban thưởng cho ông lão vài lạng đồ vật và tiền của.

Ông Lão Trung nhất định chối từ, không nhận mà nói rằng kẻ hạ thân đối với Vua cũng như con đối với cha, người con khi học được Đạo hay, thì sẵn lòng dâng bầy lên bề trên, con không chịu thưởng nơi cha, tôi không dám chịu thưởng nơi Vua nghĩa là không dám kể ơn với bậc trên.

Và lại tôi không phải là người bán Đạo kiếm tiền, tôi chỉ vì thấy Hoàng thượng là người hiểu đạo, vì vậy tôi thành tâm cung tiến chỉ ước mong Hoàng thượng dùng được như ý, sống lâu thêm tuổi thọ để mà gìn giữ giang sơn đất nước được vững bền ấy là lòng tôi vui sướng vậy.

Ý KIẾN CỦA TÁC GIẢ.

Muôn việc ở trên đời, việc gì có lợi cho tinh thần hay là vật chất, nhất là việc ấy có thể theo được như ý muốn của người ta, thì tất nhiên là người ta ham chuộng tìm tòi.

Thưa quý vị độc giả thân mến,

Cái ý muốn của người ta, tất nhiên ai cũng thế, trước hết là muốn sự cao sang phú quý, sống lâu giàu bên, khoẻ mạnh an khang, văn hay chữ tốt, tột bậc thông minh, làm nên sự nghiệp lẫy lừng như thần như thánh, đó là ý muốn chung của nhiều người, cũng như nói Nhân tình vọng cao cũng là ý đó vậy.

Muốn được như thế tưởng ai cũng muốn cả, chẳng một ai không, cái đó đã đành rồi.

Nhưng thiết tưởng nếu muốn như thế thì ít ra mình phải có những hành vi, cử chỉ, học tập, luyện công làm sao cho xứng đáng với cái đó, thì mới có thể đón mua, hay đổi chác được, chứ không bao giờ có của đâu, ai đem đến của quý ấy để cho không mình được.

Ngay như "Chiếc Gối Thần" cũng vậy, ai có thiện chí tu luyện được chuyên nhất, thì mới công hiệu, nhược bằng bán tín bán nghi thì có bao giờ nên việc được.

Cứ như trong sách dạy ai luyện được trăm ngày, cũng đã thấy hay, ai luyện được một năm thì trong mình hết bệnh, ai luyện được ba, bốn năm năm, thì trong mình hừng như đã thấy hương thơm, thông minh tai mắt, khoan khoái nhẹ nhàng, như đã nói ở trong truyện gối.

Kính thưa Quý vị độc giả thân mến,

Chiếc gối "Thần" đây cũng là bài thuốc kinh nghiệm rất cao siêu, ai có thiện tâm, thiên chí tu luyện được thì cũng có thể hay được phần nào chăng?

Thưa Quý vị

Chữ "Thần" đây không có nghĩa là Thần, Thánh, Phật, Tiên, thiêng liêng phù hộ gì hết trời.

Chữ "thần" đây là do người ta có thiện chí tu luyện cho nó đến được cái thần minh của mình cho nên đấy vậy.

Kính thưa quý vị

Theo chỗ chúng tôi suy tưởng : Người ta phần nhiều ốm yếu, ở đời hay bệnh tật, có khi chết non, là bởi vì khí huyết hao mòn, suy yếu, chỉ vì tình dục, vật dục quá nhiều, làm cho thân thể ngày ngày hao mòn, mỗi ngày một ít, lâu góp lại thành nhiều, thành ra nguyên dương trống rỗng, tà khí dễ vào thành bệnh.

Nay theo thuyết "Gối Thần" phải chay lòng tu luyện, tử sinh kinh cụ bất nhập vu tâm, sống theo lẽ thiên nhiên, nhất là quá dục, uơ tư hĩ nộ ái ố dục, tập mà thông qua, tẩu sắc tài khí, nhất định không bao giờ tha thiết ham mê cái đó, để cho nội bộ được vững vàng, tinh thần sáng khoái, đó là một lẽ : nếu muốn thì phải theo.

Hai là bài thuốc tiên nhân kinh nghiệm có hai mươi tám vị lành, nó có thể đuổi sức khu phong trừ tà, hoặc là bổ dưỡng, lại thêm tám vị mạnh hơn, nói ngay là có độc để nó chống với các thứ gió độc, khí lạnh, hơi ẩm ướt, cũng như lam sơn chướng khí.

Những vị thuốc ấy dùng làm cái "Gối" để gối lên đầu, gối vào nơi hậu chẩm, chống ngay cửa ngõ gió máy nó lọt vào, vì tà khí nó rất hay vào nơi đường mạch, một khi đã có thứ thuốc chống đỡ, chặn đứng ngay tà khí vào, thì đâu còn bệnh nữa.

Vì như một thành trì, trong đã có đầy đủ tướng tá chỉ huy, đủ các tước vị tư không, ngoài lại có đông quân đội đóng, trong ngoài vững chắc, thì còn lo gì thành vỡ, dinh xiêu.

Con người ta cũng thế, nếu có đủ điều kiện để giữ gìn, thì sao mà chẳng thành công được vậy.

Ba là các điều kiện kể trên đây ít ra cần phải thi hành cho đúng đắn, nhất là các vị thuốc cần phải thứ thật, vị nào đúng y như vị đó. Ngày nay phần nhiều là thứ nọ đánh ra thứ kia, mười vị có khi giả đến tám, chín thì còn gì là hay, là hiệu nghiệm được.

Trách gì bài thuốc không hay chỉ vì bệnh chân được nguy cả. Ôi, thời nào đó, hay cũng đều có cả, khôn ngoan mãi gốc, sành sỏi gian tà, đối cả tự mình, phương chi đối với ai là còn thật sao được nữa, học không muốn học, mà những muốn làm to, sách không buồn xem, mà lại muốn hiểu cao biết rộng, thì thật huyền vọng, thật là khó nói vậy thay.

Ở đời ai chả muốn sống lâu, nhưng vệ sinh không cần giữ, đức tính không cần tu, thì biết làm sao được vậy.

Chúng tôi thiết tưởng ở đời cái gì mà đã gọi là quý, thì tất nhiên nó phải khó làm, người ta mới cho là quý, cũng như nói quý bởi dẫu, bởi nó là cao cả, bởi nó là hiếm hoi, bởi nó là công trình vượt mức, bởi nó là quá sức người ta, cho nên nếu khi người ta muốn nói theo cái quý giá ấy thì phải làm sao mới cầu được chức.

Đã gọi là quý giá, thì có phải dẫu dễ dàng, như việc mang tiền mua ngay được. Vì thứ cái Quý có tiền mua được, thì dẫu phải là ít tiền. Huống chi là nói cái quý vô giá, vô cùng, thì làm sao bảo có tiền mua ngay được, thí dụ như những bậc tài đức, như những việc đức hạnh thanh tao, như những việc tiếng thơm muốn thừa, như người khỏe mạnh tiêu giao, cõi thọ không già, thiết tưởng cái quý vô giá ấy, chỉ có những tuyệt thế chân nhân, chính

nhân quân tử, những người đức hạnh lớn lao, những người tài cao học rộng, có những phẩm hạnh phi thường, thì mới có hy vọng đạt được những cái quý giá vô cùng vô giá ấy vậy.

Chiếc Gôi Thần, xưa hoặc có, hoặc không, có hiệu nghiệm hay không, truyền hay hay giả, chúng tôi không dám tự quyết, ở đây chỉ xin ghi chép lại nguyên văn, còn sự nên chăng, xin xin nhường để các bậc cao minh thẩm định.

Ngày xưa, đi học được nghe các cụ kể trong sách rằng :

曾 點 狂 天 地
顏 淵 愚 聖 賢
漢 祖 癡 豪 傑
武 帝 悞 神 僊

PHIÊN ÂM

Tăng - Điểm cuồng Thiên Địa

Nhan - Uyên ngu Thánh Hiền

Hán - Tổ điên Hào - Kiệt

Vũ - Đế ngộ Thần Tiên

Hoặc giả vua Vũ Đế nhà Hán xưa gặp Tiên lúc này không biết có phải chăng ?

Nên trong sách mới có những câu như thế.

Chúng tôi xin kể luận bằng mấy vần nôm na dưới đây :

Kính xin quý vị độc giả thân mến, lượng tình thông cảm.

THƠ RẰNG

Có duyên mới gặp được Tiên
Có công tu luyện thiên duyên mới thành.
Phương hay thuốc thánh đã đành,
Không theo giữ được cũng đành vô phương.

- HẾT -

Phương Pháp Xem Mạch
Theo Đông Phương
(Sách tham khảo)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN VĂN HẤN

Chịu trách nhiệm bản thảo :

TÔ QUỐC TUẤN

Bìa :

Trình bày : THẢO SA

Sửa bản in : KIM OANH

In 2.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Xí nghiệp In số 3 - 387 Trần Hưng Đạo - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh. GP. 96/CXB ngày 11.5.90. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3-1991.

Bản nhũ của khách hàng.